

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

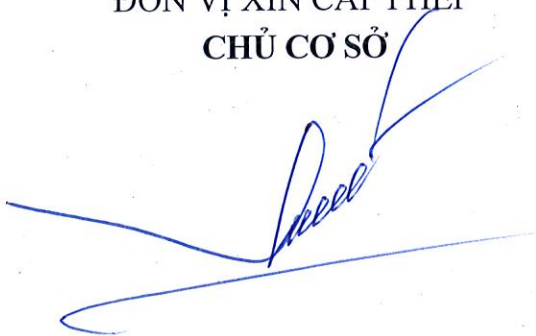
BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN CỦA CƠ SỞ CHĂN NUÔI LỢN GIỐNG
VIỆT THÁI TẠI XÃ LƯU VĨNH SƠN, HUYỆN THẠCH HÀ,
TỈNH HÀ TĨNH

HÀ TĨNH, NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ CHĂN NUÔI LỢN GIỐNG VIỆT THÁI
TẠI XÃ LƯU VĨNH SƠN, HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

ĐƠN VỊ XIN CẤP PHÉP
CHỦ CƠ SỞ



Lê Quang Hùng

CƠ QUAN TƯ VẤN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Kiên

HÀ TĨNH, NĂM 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I	5
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	5
1.1. Tên chủ cơ sở:	5
1.2. Tên cơ sở:	5
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	6
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....	6
CHƯƠNG II	15
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	15
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):	15
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:	15
CHƯƠNG III.....	19
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	19
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	19
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	19
3.1.2. THU GOM, THOÁT NƯỚC THẢI:	20
3.1.3. Xử lý nước thải:.....	22
3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:	31
3.2.1. Công trình xử lý bụi, khí thải khu vực chuồng nuôi:	31
3.2.2 Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác:	32
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:	33
3.3.2. Chất thải chăn nuôi:.....	34
3.3.4. Chất thải rắn khác:	36
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	37
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	38
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:.....	39
3.6.1. Phòng ngừa, ứng cứu sự cố cháy nổ:	39
3.6.2. Phòng ngừa sự cố bão, lũ:	40
3.6.3. Phòng ngừa dịch bệnh:	41
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):	45
3.7.1. Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội:.....	45
3.7.2. Biện pháp cải thiện yếu tố vi khí hậu:.....	46
3.7.3 Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái:.....	46

3.7.4. Biện pháp giảm thiểu tác động giữa các hoạt động sản xuất trong Trang trại và giữa Trang trại với các Cơ sở sản xuất xung quanh:	46
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):	47
CHƯƠNG IV	53
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	53
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):.....	53
4.1.1 Nguồn phát sinh nước thải:.....	53
4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa.....	53
4.1.3. Dòng nước thải.....	53
4.1.4. Thông số và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	53
4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải.....	54
4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN	54
4.2.1. Nguồn phát sinh	54
4.2.2. Vị trí phát sinh.....	55
4.2.3. Giá trị giới hạn.....	55
BẢNG 4.2. THÔNG SỐ VÀ GIÁ TRỊ GIỚI HẠN TIẾNG ÒN.....	55
CHƯƠNG V.....	56
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	56
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	56
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	56
5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước mặt.....	57
CHƯƠNG VI	58
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	58
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:	58
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:	58
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:	58
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	60
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	60
CHƯƠNG VII.....	61
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	61
CHƯƠNG VIII.....	61
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	61
PHỤ LỤC BÁO CÁO	63

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

ATLĐ:	An toàn lao động
BTNMT:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT:	Bảo vệ môi trường
CTNH:	Chất thải nguy hại
CTR:	Chất thải rắn
ĐHQG.TPHCM:	Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
GPMT:	Giấy phép môi trường
KHKT:	Khoa học kỹ thuật
KK:	Không khí
NXB:	Nhà xuất bản
PCCC:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
TB:	Trung bình
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN:	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TMDV:	Thương mại dịch vụ
TP:	Thành phố
TXLNT:	Trạm xử lý nước thải
UBND:	Ủy ban nhân dân
VHTN:	Vận hành thử nghiệm
VLXD:	Vật liệu xây dựng
WHO:	Tổ chức Y tế thế giới
XLNT:	Xử lý nước thải

MỞ ĐẦU

Trang trại sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh do hộ cá thể ông Lê Quang Hùng làm Chủ cơ sở đã được UBND huyện Lộc Hà chấp thuận chủ trương đầu tư, giới thiệu địa điểm khảo sát lập quy hoạch theo quyết định số 6689/QĐ-UBND ngày 08/10/2015; đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo ĐTM theo Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 19/10/2018.

Trang trại được xây dựng trên diện tích 49.420m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 319799 ngày 24/3/2017 DO UBND huyện Thạch Hà cấp), quy mô sản xuất theo báo cáo ĐTM được UBND tỉnh phê duyệt bao gồm 1.200 con lợn nái, 20 con lợn đực giống và khoảng 24.000 lợn con giống thương phẩm/năm.

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cơ sở Trang trại sản xuất lợn giống Việt Thái, xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh thuộc đối tượng lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt. Do vậy, hộ cá thể Lê Quang Hùng đã phối hợp với Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường lập báo cáo cấp giấy phép môi trường trình UBND tỉnh Hà Tĩnh, Sở TNMT để được cấp Giấy phép môi trường cho Trang trại.

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở:

- Ông: Lê Quang Hùng.
- Địa chỉ liên hệ: xã Cẩm Quang- huyện Cẩm Xuyên - tỉnh Hà Tĩnh.
- Điện thoại: 0913928939.

1.2. Tên cơ sở:

1.2.1. Tên cơ sở

Trang trại sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

1.2.2. Địa điểm cơ sở

- Địa điểm cơ sở: xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp đất do UBND xã quản lý;
- Phía Nam giáp đường vào khu dân cư;
- Phía Đông giáp đất do UBND xã quản lý;
- Phía Tây giáp trại ông Trương Huy Thành.
- Vị trí Cơ sở được cụ thể trong hình dưới đây:



Hình 1.1: Vị trí Cơ sở

1.2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án

+ Quyết định số 6689/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 của UBND huyện Thạch Hà về việc chấp thuận chủ trương đầu tư, giới thiệu địa điểm khảo sát, lập quy hoạch dự án cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lưu.

1.2.4. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

+ Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh” (nay là xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh).

1.2.5. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

➤ Quy mô của dự án đầu tư:

+ Tổng mức đầu tư của dự án: 14.000.000.000 VNĐ (Mười bốn tỷ đồng).

+ Cơ sở thuộc nhóm C theo tiêu chí quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 8 về đầu tư công (được quy định theo Phụ lục I Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ).

+ Quy mô về diện tích đầu tư: 49.417,2m².

➤ Quy mô hoạt động dự án:

- Đối với hoạt động chăn nuôi lợn: Trang trại đi vào hoạt động từ năm 2016 với quy mô 600 con lợn nái và 10 con lợn đực giống. Đến năm 2018 trang trại bổ sung thêm chuồng nuôi theo đúng chấp thuận chủ trương đầu tư, hoàn thiện dự án với tổng quy mô 1.200 con lợn nái và 20 con lợn đực giống.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

- Trang trại được xây dựng trên khu đất có diện tích rộng 49.420 m²; trong đó: diện tích xây dựng hạng mục công trình là 8.847,2 m²; còn lại là diện tích đất sân đường nội bộ, cây xanh nội bộ. Hoạt động chăn nuôi: Công suất chăn nuôi của cơ sở theo báo cáo ĐTM được UBND tỉnh phê duyệt bao gồm 1.200 con lợn nái, 20 con lợn đực giống và khoảng 24.000 lợn con giống thương phẩm/năm.

Bảng 1.3: Số lượng đơn vị vật nuôi theo công suất được phép

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Trang trại sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

STT	Con vật nuôi	Số lượng vật nuôi tối đa (con)	Hệ số vật nuôi (Nghị định 46/2022/NĐ-CP)	ĐVN
1	Lợn nái ngoại	1.200	0,5	240
2	Lợn đực	20	0,6	12
3	Lợn con dưới 28 ngày tuổi	24.000	0,016	384
Tổng				636

=> Cơ sở chăn nuôi trang trại thuộc quy mô lớn.

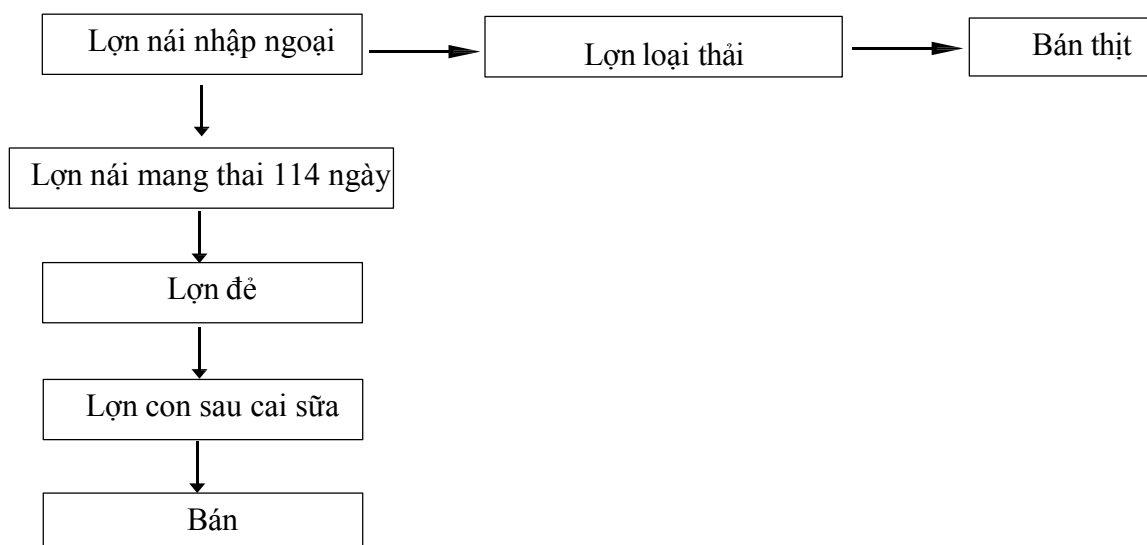
Theo Mục 16, Phụ Lục II, Danh mục loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường văn bản kèm theo nghị định số 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật bảo vệ Môi trường thì cơ sở thuộc công suất trung bình (cột 4) (từ 100 đến dưới 1000 đơn vị vật nuôi). Như vậy cơ sở nằm trong Phụ lục IV: Danh mục các dự án đầu tư nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường - Văn bản kèm theo nghị định số 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật bảo vệ Môi trường.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

a./. Quy trình chăn nuôi lợn nái:

- Hình thức chăn nuôi: Chăn nuôi nông hộ theo hình thức khép kín;
- Về con giống: Chọn lợn giống Yorkshire hoặc lai giữa Yorkshire với Landrace. Lợn giống được công ty Cổ phần chăn nuôi Mitraco hướng dẫn chọn lựa. Lợn giống được lấy từ lợn con của 1.200 nái đẻ.
- Thức ăn: Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Golden Star
- Về kỹ thuật:
 - + Chuồng trại: Áp dụng kiểu chuồng tiên tiến, hiện đại;
 - + Kỹ thuật nuôi dưỡng và phòng trừ dịch bệnh: Áp dụng quy trình chăn nuôi tiên tiến, do kỹ sư chăn nuôi thú y của Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Golden Star được bố trí ăn ở tại Trang trại để trực tiếp hướng dẫn, chỉ đạo.
 - + Đào tạo nguồn nhân lực: Lao động làm việc tại trại được tập huấn kiến thức chăn nuôi, thú y để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Quy trình chăn nuôi lợn nái:



Hình 1.2. Quy trình chăn nuôi lợn nái

Thuyết minh quy trình chăn nuôi lợn nái: Lợn mua về làm giống qua quá trình nuôi 8 tháng đạt trọng lượng từ 90-120kg sẽ chọn lựa để phối giống, những con không đạt yêu cầu sẽ đem bán.

Quá trình phối giống từ 3-5 ngày, sau 18-21 ngày lợn sẽ mang thai. Thời gian lợn mang thai là 114 ngày (3 tháng + 3 tuần + 3 ngày) ± 3 ngày.

Lợn con sau khi sinh ra được lau chùi sạch sẽ và khoảng 3 ngày thì cắt đuôi và bấm lỗ tai để đánh số theo dõi..

b./. Quy trình chăn nuôi lợn cai sữa:

Lợn con bú sữa mẹ khoảng 21 ngày thì cai sữa và chuyển sang chuồng chăn nuôi lợn con để chăm sóc. Kỹ thuật chăm sóc lợn con được thực hiện như sau:

Lợn con được chuyển về 02 khu chuồng kín có kích thước mỗi chuồng là 12 x 22,5 m, sàn cách mặt đất 30 - 40cm, vách ngăn cao 60cm, khoảng cách chuồng song 5cm. Lợn con được uống nước qua vòi tự động cao 25cm từ mặt sàn, ăn trong máng ăn bằng gang tròn có 5 ngăn, hoặc dùng máng dài 1,4m, rộng 15cm.

Nhiệt độ chuồng nuôi từ 28 - 32°C, ẩm độ 65 - 70%. Ngày cho lợn ăn 3-4 bữa vào các thời gian 6 giờ sáng, 11 giờ, 17 giờ, hoặc 20, giờ. Khoảng 2-3 ngày thì tăng dần lượng thức ăn, cho lợn ăn hết khẩu phần sử dụng, máng ăn tự động thường xuyên được cọ rửa sạch sẽ trước khi cho lợn ăn, người chăn lợn phải cho lợn con uống nước sạch đầy đủ theo hình thức tự do.

Lợn nuôi ở chuồng lợn con khoảng 28 ngày tuổi sẽ được chọn lọc bắt đầu xuất bán cho người dân hoặc các cơ sở chăn nuôi khác.

c./. Quy trình chăn nuôi lợn đực giống:

Lợn đực nuôi trong vòng 1 năm thì có khả năng phối giống và tần suất phối giống có thể dựa theo độ tuổi như sau:

- * Lợn từ 8 - 12 tháng tuổi phối 2 - 3 lần/tuần;
- * Lợn từ 12 - 24 tháng tuổi phối 3 - 4 lần/tuần;
- * Lợn từ 24 tháng tuổi trở lên phối 2 - 3 lần/tuần;

Thụ tinh nhân tạo thì một tuần chỉ nên lấy tinh 2 - 3 lần/tuần.

+ Lợn đực giống sau 3 năm sẽ được thay thế con giống mới.

Chăm sóc lợn đực:

Nuôi tập trung thành từng ô chuồng (dén 5 - 6 tháng tuổi), đảm bảo mật độ chuồng nuôi (diện tích tối thiểu 1,2m²/ con)

- Thường xuyên chọn lọc, theo dõi khả năng sinh trưởng, phát dục của lợn
- Cho lợn đực (5 - 6 tháng tuổi) tiếp xúc với lợn cái động dục
- Huấn luyện nhảy giá và kiểm tra chất lượng tinh trùng (7 - 8 tháng tuổi)
- Chuồng nuôi sạch sẽ thoáng mát, (nhiệt độ thích hợp 18 - 24°C; ẩm độ 65 - 75%; tốc độ gió 0,2 - 0,7m/giây)
- Có bảng biểu và sổ sách ghi chép
- Công tác thú y và tiêm phòng vắc xin đầy đủ.
- Cho lợn ăn tự do đến 5 - 6 tháng tuổi (trọng lượng 90 -100 kg)
- Đối với lợn đực hậu bị sau 90 kg (5 - 6 tháng tuổi) đến khai thác tinh thông thường cho ăn từ 2,2 - 2,7kg TĂ/ngày (tùy thuộc thể trạng)
- Thời tiết giá lạnh hoặc khai thác cao độ sẽ cho ăn tăng 20 -25%
- Cung cấp nước uống đầy đủ và sạch sẽ.
- * Quy trình phối giống tự nhiên như sau:
 - Phát hiện lợn nái động dục là công việc quan trọng nhất trong công tác phối giống.

- Cần kiểm tra lợn nái ít nhất 2 lần/ngày, mỗi lần cách nhau 12 giờ. Nên kiểm tra động dục vào lúc 6 giờ sáng và 6 giờ chiều, vì là thời điểm lợn có biểu hiện động dục rõ nét nhất. Để phát hiện chính xác lợn nái động dục cần nắm vững chu kỳ động dục và quan sát kỹ các biểu hiện của con nái.

Quy trình khai thác tinh nhân tạo như sau:

Tạo giá nhảy: Vật liệu làm giá có thể bằng sắt, gỗ hoặc xi măng. Yêu cầu giá nhảy phải chắc chắn, 2 bên giá nhảy ta làm 2 cái chòi để cho lợn gác chân.

Trình tự thao tác lấy tinh:

- Đưa lợn đực giống vào nơi lấy tinh, đeo găng tay cao su mềm vô trùng
- Khi đực giống nhảy và ôm giá nhảy, người lấy tinh nhẹ nhàng nắm lấy bao dương vật và mát xa để dương vật thò ra, nắm lấy đầu xoắn dương vật kéo lệch ra

khỏi giá nhảy, kích thích lợn đực xuất tinh, hứng lấy toàn bộ tinh dịch (Bỏ chất phân tiết ban đầu và keo phèn). Đậy cốc hứng tinh, ghi số hiệu đực giống. Rửa sạch giá nhảy, phòng lấy tinh và các dụng cụ khác.

- Vệ sinh cá nhân và thay quần áo.
- Tinh sau khi lấy xong sẽ chuyển sang phòng pha chế tinh.

1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Mục tiêu chính của dự án là cung cấp lợn giống trên địa bàn trong và ngoài tỉnh, trung bình hằng năm trang trại cung cấp 12.000 con lợn con cho thị trường và trang trại chưa xảy ra dịch bệnh lần nào, chủ trang trại luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường của cơ sở.

1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.4.1. Hệ thống cấp điện

- Nguồn cung cấp điện cho khu vực dự án được lấy từ lưới điện quốc gia đường giây 220kV chạy qua khu vực trang trại, đấu nối vào trạm biến áp + dây dẫn 3 pha vào khu vực.

- Ngoài ra, để đề phòng mất điện, dự kiến trang trại còn đầu tư 02 máy phát điện dự phòng công suất 140kVA để cung cấp điện tạm thời cho hoạt động chăn nuôi tại trang trại trong thời gian mất điện.

1.4.2. Hệ thống cấp nước

(1) Nguồn nước:

- Nguồn nước được lấy tại giếng khoan nằm trong khu vực dự án sau đó được bơm lên bể dự trữ nước 120m³ để cung cấp trực tiếp cho chăn nuôi lợn và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

(2) Nhu cầu sử dụng nước dự kiến:

- Khối lượng sử dụng:
+ Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động nuôi lợn: Theo quy trình chăn nuôi lợn của dự án. Nhu cầu sử dụng nước như sau:

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nước thực tế tại Trang trại

			Số lượng (con)	Tổng lượng nước sử dụng cho chăn nuôi (m ³ /ngày)

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Trang trại sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

TT	Tên gia cầm, gia súc	Định mức (m ³ /100con/ngày)	Thực tế tại trang trại	Công suất cho phép (theo ĐTM)	Thực tế tại trang trại	Công suất cho phép (theo ĐTM)
1	Lợn nái	2,06	1.200	1.200	24,72	24,72
3	Lợn con đang cách ly mẹ	1,5	2.262	2.262	33,93	33,93
4	Lợn đực	2,06	20	20	0,412	0,412
Tổng					59,1	59,1

Chú thích:

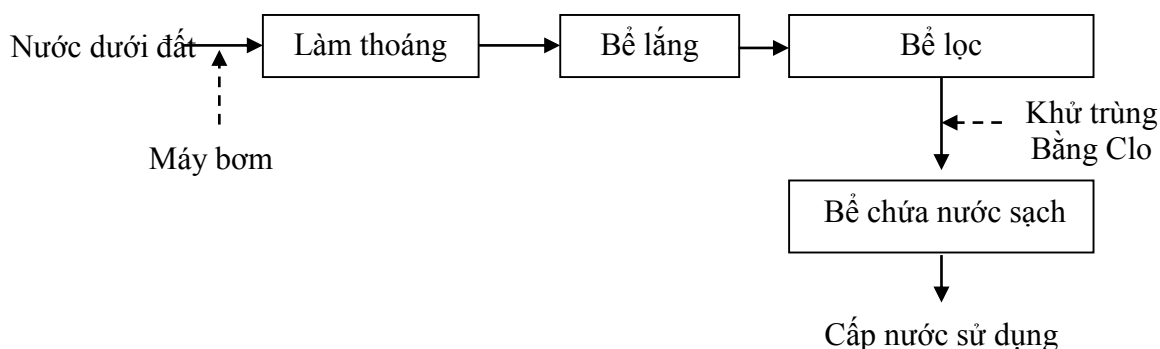
- 1) Ở những vùng khô nóng, cho phép tăng thêm từ 12 % đến 20 % so với chỉ tiêu quy định.
- 2) Đối với gia cầm nhỏ tính bằng một nửa tiêu chuẩn so với gia cầm lớn.
- 3) Tiêu chuẩn trên bao gồm lượng nước dùng rửa chuồng trại, rửa dụng cụ lấy sữa, chuẩn bị thức ăn cho gia cầm, gia súc...
- 4) Nếu dùng nước để dọn phân ra khỏi chuồng thì phải được phép lấy theo tiêu chuẩn từ 4 lít đến 10 lít cho 1 con (tùy vào phương pháp dọn phân) – Đối với tại cơ sở phân được thu gom khô không sử dụng nước để dọn phân.

(Nguồn: Chủ cơ sở)

(3) Giải pháp cấp nước:

➤ Giải pháp cấp nước:

Nước dưới đất phục vụ sinh hoạt, chăn nuôi: Nguồn nước dưới đất được lấy trực tiếp thông qua máy bơm nước lên giàn phun; sau đó thông qua hệ thống lọc nước, nước trước khi dẫn về bể chứa nước sạch cần phải khử trùng bằng clo.



Hình 1.4: Sơ đồ hệ thống xử lý nước cấp cho trang trại.

Nguyên lý hoạt động hệ thống xử lý nước cấp: Nước ngầm được bơm lên từ giếng khoan được đưa vào làm thoáng bằng dàn mưa. Nước sau khi làm thoáng được dẫn vào bể lắng cặn. Nước sau đó tiếp tục được dẫn qua bể lọc. Nước sạch sau lọc được khử trùng bằng chlorine trước khi dẫn về bể chứa nước sạch (*dự kiến sử dụng cloramin B dạng bột, liều lượng sử dụng 10g/m³*).

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Trang trại sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

- + Trang trại sử dụng 02 giếng khoan cho mục đích sinh hoạt, chăn nuôi.
- Bể chứa nước sạch: Bể chứa được xây dựng gồm 02 bể trên diện tích 88m²; kết cấu móng bằng bê tông cốt thép, bề mặt móng bể được xây dựng bằng bê tông vữa đá 1x2 mác M250 dày 200mm; bên trong được quét nước xi măng tạo bề mặt nhẵn và có xử lý chống thấm đảm bảo cho hoạt động tích trữ nước phục vụ cho các hoạt động chăn nuôi trong trang trại.

➤ **Về thủ tục hồ sơ khai thác nước dưới đất:**

Căn cứ vào Nghị định 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định về việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước Chủ dự án đã tiến hành thủ tục lập hồ sơ tài nguyên nước dưới đất theo quy định. Đến nay, Dự án đã được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất số 3155/GP-UBND ngày 21/11/2023.

1.4.3. Các loại hoá chất, chế phẩm sinh học sử dụng:

Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng hoá chất, chế phẩm sinh học tại Cơ sở

STT	Hoá chất	Định mức hoá chất	Ghi chú
1	NaOH 2-3%, formol 2-3%	0,5-1 lít/m ²	Khử trùng xung quanh chuồng nuôi
2	Vôi bột	10-15 kg/1000m ²	Khử trùng quanh bờ hồ sinh học, trước cổng vào
3	Chlorine	20 mg/1 lít nước thải	Khử trùng nước thải
4	Lodine, Chloramin, Biocid	Phun: 1kg/20-50 lít nước	Khử trùng tiêu độc bên trong chuồng nuôi
5	Nước Clo	2g/m ³ nước thải	Châm tại hố khử trùng

1.4.4. Thức ăn:

- Nhu cầu sử dụng thức ăn chăn nuôi lợn:
- + Nguồn cung cấp: Sử dụng cám của Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Golden Star.
- + Nhu cầu sử dụng thức ăn cho đàn lợn:

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng thức ăn cho lợn tại Cơ sở

		Số lượng (con)	Khẩu phần ăn	Nhu cầu thức ăn (kg/ngày)
	Trọng lượng (giai đoạn/loại)			

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Trang trại sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

TT		Thực tế	(kg/con/ngày)	Thực tế
1	Lợn đực giống	20	2,2	44
2	Lợn nái giống	1.200	2,4	2.880
3	Lợn con (tính cho 1 lứa xuất chuồng)	2.262	0,42	950,04
Tổng				3.874,44

(Nguồn: Chủ cơ sở)

- Tổng lượng thức ăn lớn nhất 1 ngày trang trại cung cấp cho lợn theo công suất được phép nuôi là 3,87 tấn/ngày.

1.4.5. Thuốc thú y:

Các loại thuốc sử dụng trong chăn nuôi của Trang trại chủ yếu là các loại thuốc kháng sinh tiêm, thuốc trị ký sinh trùng, thuốc bổ trợ. Quá trình sử dụng thuốc tại Trang trại tùy theo mùa dịch, theo định kỳ phòng chống dịch bệnh và phát triển chăn nuôi. Thuốc thú y sẽ được công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Golden Star cung cấp và bố trí cán bộ kỹ thuật hướng dẫn sử dụng.

- Thuốc thú y dùng cho chăn nuôi lợn thịt gồm có một số loại như sau:

+ Thuốc đặc trị ỉa chảy: Enrofloxacin; Norfoxacin, Streptomycine, Sunfaguanidine, Fuo-xit; T.T.S); Carbotamine 5.000 mg/lần, ngày 3 lần; Chlorocide, garnidane 50 mg/kg thể trọng/ngày, trong 3-5 ngày; Streptomycine 25 mg/kg thể trọng, ngày uống 2 lần, trong 2 -3 ngày.

+ Thuốc điều trị bệnh tụ huyết trùng: Bằng Steptomycine Sulphate, Gentamycine hay Kanamycine, Chlortetradesol, Pneumotic, Tetracyclin kết hợp với thuốc trợ tim, vitamin B1 sau khi có hướng dẫn của bác sĩ thú y.

+ Thuốc điều trị bệnh xoắn khuẩn (bệnh lợn nghê) gồm có: Chlotetradexol: 1 ml/10-15 kg thể trọng/ngày, ngày 2-3 lần; Oxytetracycline: 250-500 mg/15-30 kg thể trọng /ngày; Tetracycline: 1 ml/5kg thể trọng /ngày, ngày 2 lần; Streptomycine kết hợp với Penicillin ngày tiêm 2 lần; Leptoxine; Kết hợp với thuốc trợ tim, vitamin B1, Urotropin 20% tiêm bắp.

+ Thuốc điều trị bệnh hen suyễn ở lợn: Tetramuline: 1 ml/10 kg thể trọng/ngày; Tylosine: 3 ml/10-15 kg thể trọng, ngày 2-3 lần; Tylan: 10 ml/20-30 kg thể trọng/ngày.

- Thuốc thú y sẽ được chủ trang trại đặt trong kho thức ăn, có tủ đựng và chìa khóa cẩn thận.

- Quy trình tiêm vắc xin cho lợn như sau:

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Trang trại sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Lưu Vĩnh
Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

+ Tiêm sắt: 03 ngày tuổi tiêm 1 lần, 7 ngày tuổi tiêm lặp lại. Liều tiêm:
2ml/con.

+ Phòng dịch tả: 20 ngày tuổi.

+ Phòng phó thương hàn: 28 ngày tuổi.

+ Phòng tụ huyết trùng: 35 ngày tuổi.

+ Phòng lở mồm long móng: Khoảng 30 - 40kg.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Đối với sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường về cơ bản theo báo cáo ĐTM đã được UBND tỉnh phê duyệt. Tuy nhiên, trong giai đoạn lập báo cáo đề xuất cấp GPMT có một số nội dung điều chỉnh, bổ sung về quy hoạch nhằm làm rõ sự phù hợp của cơ sở với các quy hoạch, kế hoạch quốc gia và địa phương hiện hành. Cụ thể như sau:

- Về quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia: phù hợp với Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050.

- Về quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh: Cơ sở phù hợp quy định tại điểm c khoản 1 Mục III Điều 1 nêu rõ “Chăn nuôi: Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời đẩy mạnh chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi truyền thống theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống dịch bệnh. Khuyến khích áp dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất khép kín hoặc liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất giống, thức ăn và chế biến” theo Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Về quy hoạch xây dựng, quy hoạch vùng: Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân huyện Thạch Hà phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất với diện tích thực hiện dự án là 49.417,2m². Phù hợp theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lộc Hà đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 25/3/2020.

- Về quy hoạch chăn nuôi: Cơ sở phù hợp với Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Trong đó, nêu rõ: *Đến năm 2025 tổng đàn lợn có mặt thường xuyên đạt 430.000 con, trong đó quy mô trang trại chiếm trên 60%; đến năm 2030 tổng đàn lợn có mặt thường xuyên đạt trên 460.000 con, trong đó quy mô chăn nuôi trang trại chiếm 60%. Phát triển sản xuất chăn nuôi trang trại, công nghiệp, liên kết sản xuất đảm bảo truy xuất nguồn gốc. Sử dụng các giống vật nuôi cao sản có năng suất, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường.*

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Cơ sở đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 19/10/2018. Theo báo cáo ĐTM, môi trường nền khu vực dự án hoàn toàn đáp ứng khả năng chịu tải các loại chất thải của cơ sở (sau khi đã được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường). Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là kênh Biền. Kênh Biền có chức năng tiêu thoát nước trên khu vực.

* Tại vị trí công trình xả thải vào nguồn nước của Trang trại không có các trạm đo các yếu tố thủy văn, nên việc quan trắc mực nước và lưu lượng nước không được thực hiện. Tuy nhiên, để có các thông số về chế độ thủy văn, nhất là lưu lượng thoát nước khu vực vào mùa kiệt, chúng tôi đã dùng các phương pháp đo đạc bằng cách thả phao để tính toán lưu lượng nước trên kênh 27/7.

Quá trình đo đạc, quan sát tính toán dựa theo phương pháp được hướng dẫn trong Giáo trình "Đo đạc và chỉnh lý số liệu thủy văn" của Nguyễn Thanh Sơn - Đặng Quý Phụng NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003. Kết quả đo đạc được thực hiện 2 lần và lấy kết quả trung bình.

- *Kết quả tính toán trung bình cho hai lần đo:*

+ Chiều dài đoạn kênh sử dụng tính toán (L): 20m

+ Thời gian phao trôi (T): 360s

+ Lưu tốc dòng chảy trên khe: $V = L/T = 20/360 = 0,056 \text{ m/s}$

+ Chiều rộng mặt nước kênh (R1) là: 2m

+ Chiều sâu của kênh (H) là: 1,0m

+ Chiều rộng của đáy (R2) là: 2m

+ Diện tích mặt cắt của kênh: $S = ((2+2)/2) \times H = (2+2)/2 \times 1,0\text{m} = 2,0\text{m}^2$

Từ các thông số đo đạc ta tính được lưu lượng kênh 27/7 $Q = V \times S = 0,056 \times 2 = 0,11 \text{ m}^3/\text{s}$, đây chính là cơ sở để đánh giá khả năng tiếp nhận nguồn nước thải của Trang trại.

Lưu lượng dòng chảy lớn nhất của kênh Biền là $0,11 \text{ m}^3/\text{s}$.

Lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất của kênh Biền là $0,056 \text{ m}^3/\text{s}$.

* Nguồn tiếp nhận nước thải và chức năng cấp nước của kênh 27/7.

Trong giai đoạn lập báo cáo ĐTM đến nay, hệ thống thủy văn khu vực không có gì thay đổi; chức năng cấp nước của nguồn tiếp nhận không thay đổi. Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở vẫn không có gì thay đổi so với như giai đoạn lập báo cáo ĐTM. Do vậy, nguồn tiếp nhận nước thải của trang trại là kênh 27/7.

Để tính toán tải lượng ô nhiễm tối đa của dòng sông, căn cứ phương pháp đánh giá trực tiếp tại khoản 1, điều 8, Thông tư 76/2017/TT-BTNMT, áp dụng công thức sau:

$$L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4, \text{ trong đó:}$$

- L_{td} (kg/ngày) là tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông và được xác định.

- 86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ $(m^3/s) \times (mg/l)$ sang (kg/ngày);

- C_{qc} (mg/l) là giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông, đơn vị tính là mg/l. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi;

- Q_s (m^3/s) là lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất tại nguồn tiếp nhận cần đánh giá trước khi tiếp nhận nước thải. Lưu lượng dòng chảy trung bình vào mùa kiệt của kênh 27/7 là $0,056 m^3/s$.

Như vậy, tải lượng ô nhiễm tối đa (L_{td}) nguồn nước có thể tiếp nhận đối với các thông số ô nhiễm lần lượt như sau:

Bảng 2.1. Tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước sông có thể tiếp nhận đối với các thông số ô nhiễm

Thông số	BOD ₅	COD	TSS	Tổng nito	Coliform
C_{qc} (mg/l)	70,5	120	64	130	2.100
Q_s	0,056	0,056	0,056	0,056	0,056
L_{td} (kg/ngày)	3,95	6,72	3,58	7,28	117,60

Tính toán tải lượng các thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước:

Để tính toán tải lượng các thông số ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước kênh 27/7, ta áp dụng công thức sau:

$$L_{nn} = C_{nn} \times Q_s \times 86,4$$

Trong đó :

- L_{nn} (kg/ngày) là tải lượng của thông số ô nhiễm có trong nguồn nước của kênh 27/7.

- Q_s (m^3/s) là lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất của kênh 27/7.

- C_{nn} (mg/l) là kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt (mẫu nước mặt MM₁₉₅).

86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ $(m^3/s) \times (mg/l)$ sang (kg/ngày)

Vậy, tải lượng các thông số ô nhiễm có sẵn của nguồn nước kênh 27/7 (L_n) được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.2. Tải lượng các thông số ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước

Thông số	BOD ₅	COD	TSS	Tổng nito	Coliform
C_{nn} (mg/l)	5,8	14	12	0,55	1.000
Q_s (m^3/s)	0,056	0,056	0,056	0,056	0,056
L_{nn} (kg/ngày)	0,32	0,78	0,67	0,03	56,00

Khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của kênh Biền:

Để tính toán khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước tiếp nhận đối với một số thông số ô nhiễm, ta áp dụng công thức sau:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn}) \times F_s$$

Trong đó: L_{tn} (kg/ngày) là tải lượng chất ô nhiễm mà nguồn tiếp nhận có thể tiếp nhận thêm được;

F_s là hệ số an toàn, trong trường hợp này $F_s = 0,5$.

Ta có, khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước kênh Biền sau khi đã tiếp nhận thêm nước thải của Trang trại đối với một số thông số ô nhiễm được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.3. Khả năng tiếp nhận thêm tải lượng ô nhiễm của nguồn nước

Thông số	BOD ₅	COD	TSS	Tổng nitơ	Coliform
L_{td} (kg/ngày)	3,95	6,72	3,58	7,28	117,60
L_{nn} (kg/ngày)	0,32	0,78	0,67	0,03	56,00
L_{tn} (kg/ngày)	1,81	2,97	1,46	3,62	30,80

Như vậy, nguồn nước mặt của kênh Biền sau khi đã tiếp nhận lượng nước thải của Trang trại vẫn còn khả năng tiếp nhận thêm tải lượng các chất ô nhiễm đối với các thông số: BOD₅, COD, TSS, tổng nitơ, Coliform (do $L_{tn} > 0$).

Chương III

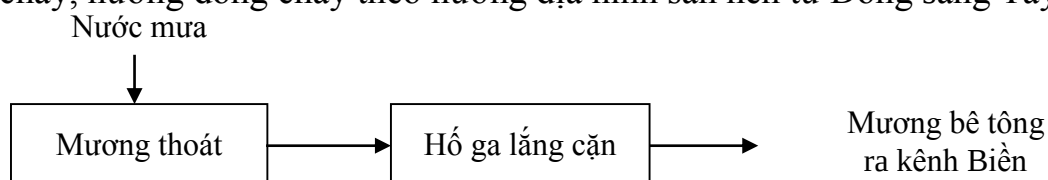
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực trang trại được thu gom vào hệ thống mương thoát nước mưa hai bên lề đường nội bộ, giữa các công trình và xung quanh khuôn viên trang trại, dọc mương thoát có bố trí các hố ga để xử lý nước mưa bằng phương pháp lắng cơ học rồi mới cho chảy ra mương thoát nước cuối cùng đổ vào môi trường tiếp nhận (vào mương thoát nước bê tông hiện trạng ra kênh Biên).

- Hệ thống thoát nước mưa gồm các mương thoát nước bằng đất và bằng bê tông gạch vữa (dọc đường nội bộ) bố trí các hố ga lắng cặn trong quá trình dẫn dòng chảy, hướng dòng chảy theo hướng địa hình san nền từ Đông sang Tây.



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn.

➤ Mạng lưới thoát nước mưa bao gồm:

- Mương thoát nước dọc đường nội bộ được xây dựng bằng gạch không nung B500 dài 250m, có kết cấu thành mương xây gạch đặc mác 100, vữa xi măng mác 75, dày 12cm, trát trong thành mương vữa xi măng mác 75, đáy mương dày 15cm bằng bê tông đá 2x4 mác 150. Hố ga có kích thước BxLxH=0,6x0,6x0,8m có kết cấu tương tự mương thoát nước.

Tổng hợp hệ thống thu gom nước mưa được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.1. Quy mô, khối lượng hạng mục thoát nước mưa:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Mương thoát nước mưa	m	250
2	Hố ga	cái	03
3	Cửa xả	cái	02

- Nước mưa được chảy vào môi trường thông qua 02 cửa xả, cụ thể như sau:

+ 01 cửa xả gần cổng ra vào trang trại;

+ 01 cửa xả về phía Tây trang trại, chảy vào hồ nuôi cá.

Toàn bộ nước mưa chảy tràn ra mương thoát nước dọc theo đường đất hiện trạng, sau đó chảy vào mương thoát nước nội đồng.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

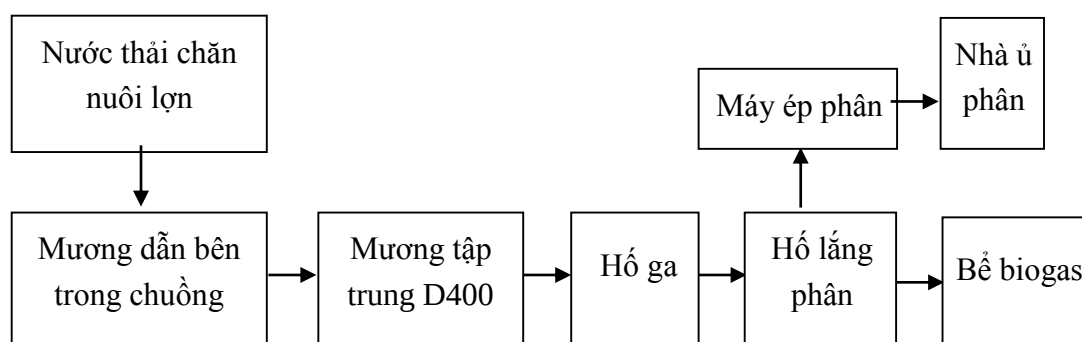
+ Nước thải phát sinh từ hoạt động tắm, giặt, rửa tay chân,... được dẫn qua song chắn rác, sau đó nước thải dẫn vào bể lắng bằng hệ thống đường ống nhựa PVC (dài 18m, đường kính $D = 75\text{mm}$) rồi chảy trực tiếp vào hồ nuôi cá.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình đào thải của con người (phân, nước tiểu) được thu gom về 01 bể tự hoại cải tiến đặt ngầm dưới công trình. Sau đó dẫn vào hồ nước cá bằng ống nhựa PVC dài 20m, đường kính 75mm.

Bảng 3.2. Khối lượng hạng mục thu gom nước thải sinh hoạt:

Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
Ống PVC D75	m	38

- Nước thải chăn nuôi:



Hình 3.2: Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi lợn.

+ Đã xây dựng hệ thống thu gom nước thải gồm: 80m mương xây kích thước $R \times H = 30 \times 50\text{cm}$, độ dốc thiết kế $i=0,01$, 02 hồ ga thu nước thải tại chuồng (kích thước $R \times D \times H = 60 \times 80 \times 100\text{cm}$). Nước thải từ bể biogas qua hồ lắng sau biogas (có kích thước $B \times L \times H = 100 \times 150 \times 100\text{cm}$; kết cấu thành xây gạch mác 100, vữa xi măng mác 75, trát mạch dày 30mm), từ hồ lắng vào hồ kỵ khí thông qua đường ống PVC D110 dài 5m, việc dẫn nước thải qua các công trình xử lý được nêu cụ thể trong bảng dưới đây:

Bảng 3.3. Khối lượng hạng mục thu gom nước thải chăn nuôi lợn :

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Mương thoát nước thải D600 (xây dựng thu gom nước thải từ chuồng nuôi lợn)	m	80

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Trang trại sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
2	Hố ga (xây dựng tập trung nước thải vào cống thoát nước thải từ chuồng nuôi)	cái	04
3	Hố lắng trước bể biogas	Hố	01
4	Ống PVC D140 từ hố lắng sau biogas vào hồ kỵ khí	m	5
5	Ống PVC D140 từ hồ kỵ khí vào hồ tùy nghi	m	5
6	Ống PVC D140 từ hồ tùy nghi vào hồ hiếu khí	m	3
7	Ống PVC D140 từ hồ hiếu khí vào hồ lắng	m	3
8	Ống PVC D140 từ hồ lắng vào hố khử trùng	m	3

- Hướng thoát nước thải: Toàn bộ nước tiểu, nước vệ sinh chuồng trại lẫn phân và nước tắm cho gia súc sẽ được dẫn đến hố lắng tách phân, qua bể Biogas nước thải tiếp tục được dẫn qua 04 hồ sinh học, 01 hố khử trùng.

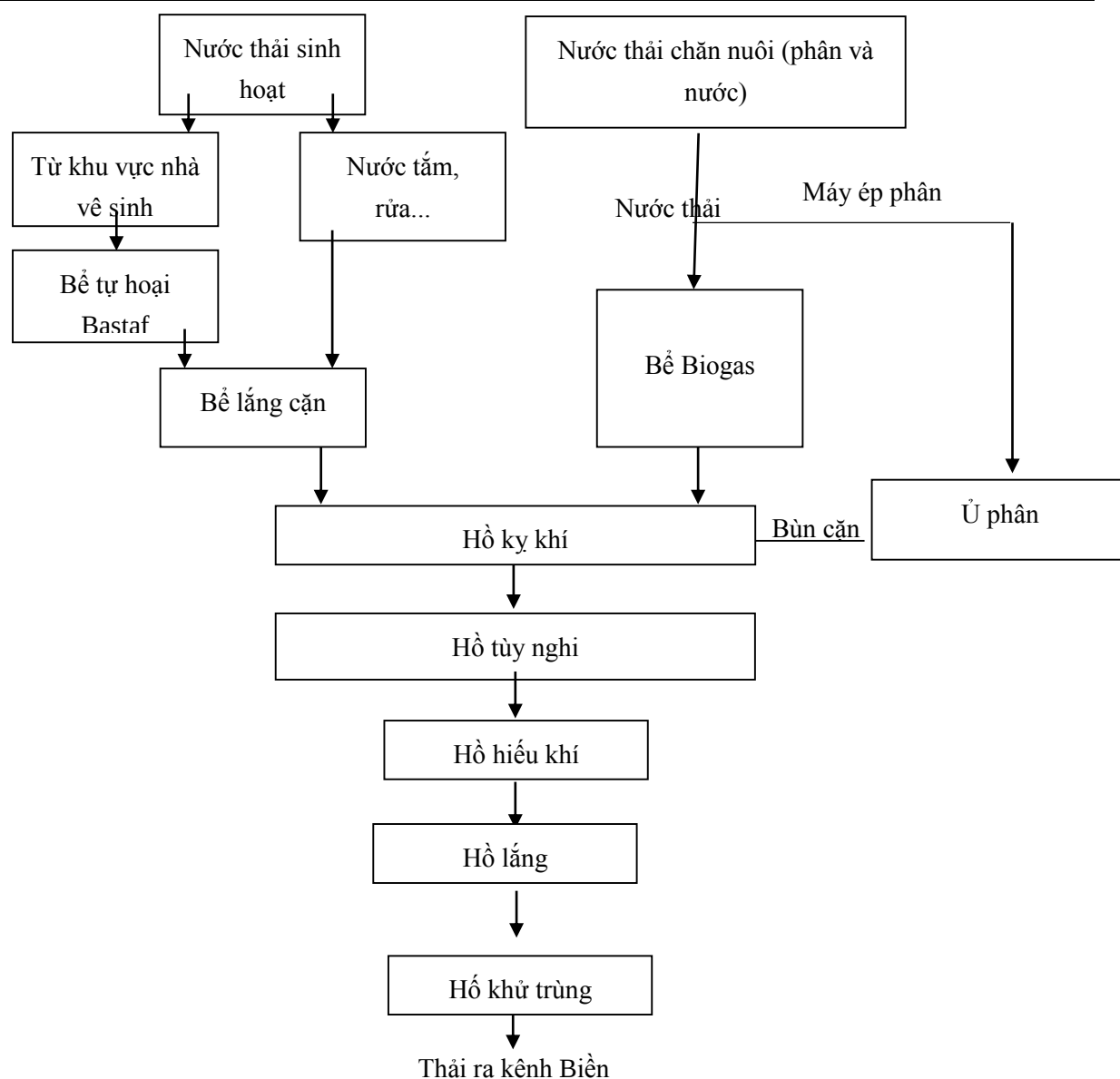
- Công trình thoát nước thải của Trang trại gồm có: Đường ống dẫn nước thải PVC D140, chiều dài 5m được bố trí sau bể khử trùng ra mương thoát nước nội đồng rồi chảy ra môi trường.

➤ Điểm xả nước thải sau xử lý:

Vị trí xả nước thải thuộc thôn Trung Nam, xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà. Tọa độ vị trí xả nước thải theo hệ tọa độ VN2000, KKT 105⁰30', múi chiều 3⁰ như sau: X=2025.719; Y=535.506.

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên như sau:

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Trang trại sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh



Hình 3.3: Sơ đồ tổng quát hệ thống xử lý nước tại Trang trại.

3.1.3. Xử lý nước thải:

Nhu cầu xả nước thải của Cơ sở theo tính toán như sau:

TT	Trọng lượng vật nuôi	Định mức thải ^(*) (lít/con/ngày)	Số lượng (con)	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)
1	Sau cai sữa đến 15kg	10	2.000	20
2	15 - 30kg	12	2.000	24
3	30 - 60 kg	14	2.000	28
4	60 kg đến xuất chuồng	16	2.000	32

(Nguồn: Chủ cơ sở)

*: Định mức được xác định theo ĐTM được phê duyệt.

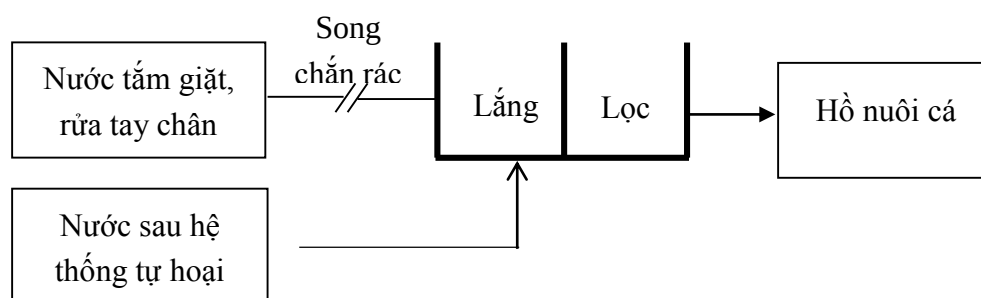
Như vậy, lượng nước thải phát sinh trong quá trình chăn nuôi lợn của Trang trại dao động trong khoảng từ 20 m³/ngày đêm - 32 m³/ngày đêm. Tổng lượng nước thải cần xử lý thời điểm lớn nhất của Cơ sở là 32 m³/ngày đêm, có thành phần chứa nhiều chất rắn ở dạng lơ lửng, các hợp chất dinh dưỡng chứa nitơ và photpho, các vi sinh vật, ký sinh trùng, nấm...

** Nước thải sinh hoạt được phân thành 2 dòng để xử lý:*

- Dòng thứ nhất là nước thải từ quá trình đào thải của con người (phân, nước tiểu). Xây dựng bể tự hoại cải tiến (đặt ngầm dưới nhà vệ sinh của khu nhà nghỉ công nhân) để xử lý.

+ Kích thước bể tự hoại: BxLxH=2,4x2,1x2,7m; Bể gồm 3 ngăn, trong đó có 1 ngăn chứa và 2 ngăn lắng/lọc. Thành bể xây gạch mác 100, vữa xi măng mác 75, trát mạch dày 30mm. Trát vát vê tròn góc đáy, thành láng đánh màu xi măng có trải lớp chống thấm; đáy bể được nén đất nền chặt, có bố trí 02 lớp bê tông (lớp bê tông lót đá 4x6 mác 100 dày 100mm; phần lớp bê tông cốt thép đáy mác 200 dày 150mm). Nắp bể được thiết kế lắp đặt bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 100mm có chèn vữa xi măng tại các khớp nối đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Dòng thứ hai là nước từ quá trình tắm giặt, rửa tay chân của cán bộ, công nhân ở mỗi vùng sẽ được xử lý như sau: Cho vào bể lắng/lọc kích thước BxLxH=1,3x1,0x1,0m đặt ngầm khu vực phòng vệ sinh nhà nghỉ nhân viên. Kết cấu: thành xây gạch mác 100, vữa xi măng mác 75, trát mạch dày 30mm. Đáy bể được nén đất nền chặt, có bố trí 01 lớp bê tông (lớp bê tông lót đá 4x6 mác 100 dày 100mm). Sau đó được dẫn vào hồ nuôi cá bằng ống nhựa PVC, đường kính 75mm, dài 18m.



Hình 3.4: Sơ đồ xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt.

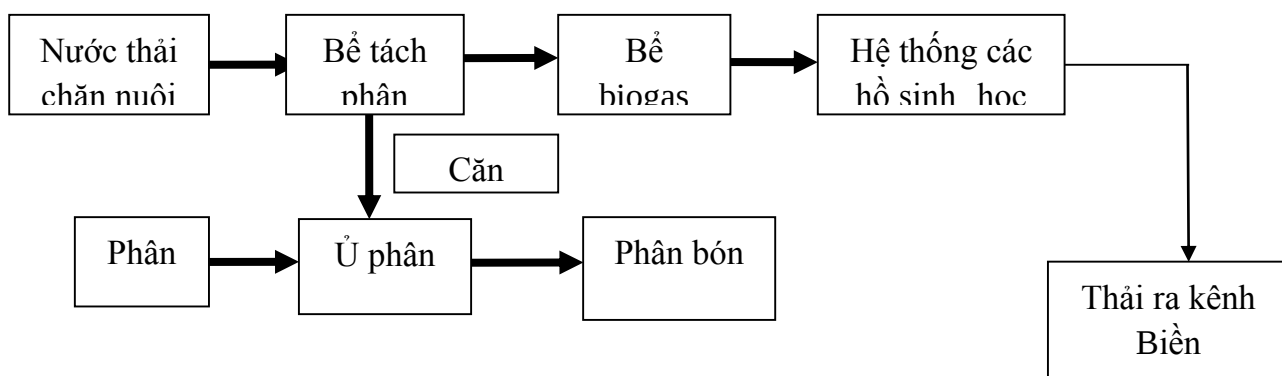
** Nước thải chăn nuôi*

- Nước thải chăn nuôi được thu gom tách riêng khỏi hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt. Chủ cơ sở đã xây dựng hệ thống thoát nước phân và bể chứa nước phân. Hệ thống thoát nước thải chăn nuôi được thiết kế theo nguyên tắc sau:

+ Thiết kế hệ thống chuồng lợn với nền chuồng có độ dốc hợp lý để các loại nước thải phát sinh như: Nước rửa chuồng, nước tắm cho lợn theo các rãnh và đường ống đổ về các bể Biogas.

+ Tất cả hệ thống thoát nước từ chuồng trại đến bể Biogas được thiết kế bằng rãnh thoát bê tông kín, độ dốc thiết kế của rãnh từ chuồng đến bể Biogas là 1%.

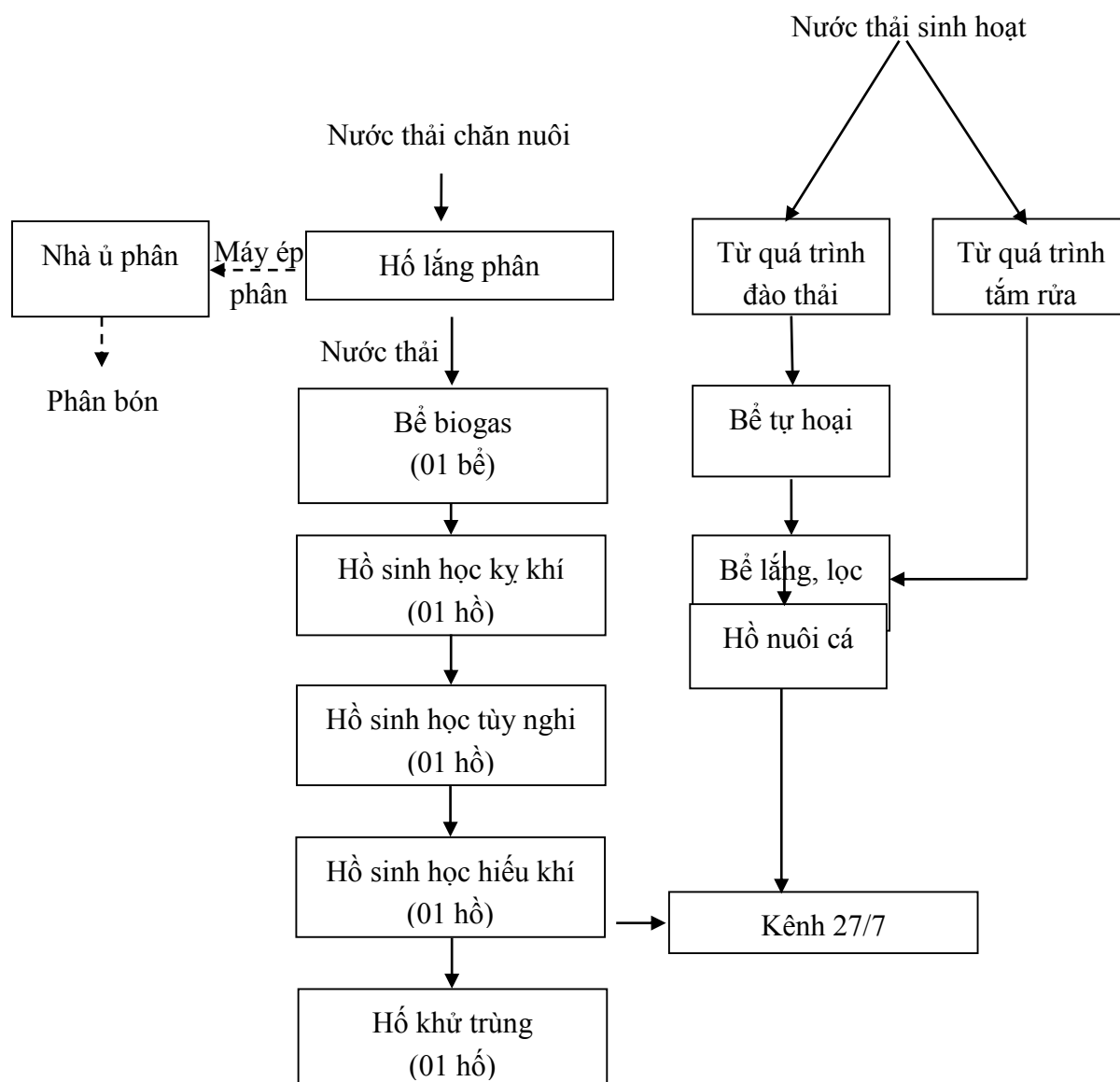
- Như vậy, phân lợn sau khi được công nhân thu dọn, lượng dư thừa được đẩy bằng nước ra khỏi chuồng vào các bể tách phân, toàn bộ nước thải chăn nuôi sẽ được dẫn về bể lắng tách phân. Sử dụng máy ép phân, hút toàn bộ phân trong bể tách phân. Nước thải tiếp tục được chảy tràn qua bể lắng tách vào bể Biogas, rồi đến hệ thống hồ sinh học (hồ tùy nghi, hồ hiếu khí và hồ lắng). Sau khi được xử lý đạt mức B của QCVN 62-MT:2016/BTNMT với hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,3$, rồi thải ra nguồn tiếp nhận. Sơ đồ thu gom nước thải chăn nuôi như sau:



Hình 3.5: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi.

❖ Hệ thống xử lý nước thải

Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải của Trang trại như sau:



Hình 3.6: Quy trình công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi.

*** Thuyết minh quy trình vận hành nước thải chăn nuôi lợn:**

(1) Bể lắng phân:

- Nước thải của chuồng lợn được dẫn về bể lắng tập trung bằng hệ thống cống thu gom B500 có các hố ga để thuận lợi cho việc khai thông khi bị tắc động; độ dốc thiết kế từ dãy chuồng đến hố lắng phân $i \geq 2\%$.

Hố tách phân được xây dựng 01 cái trước khi vào bể Biogas.

Bể lắng tách phân có kích thước $D \times R = 4,66 \text{m} \times 2,44 \text{m} = 11,37 \text{m}^2$, chiều sâu 2,5m, thể tích $28,4 \text{m}^3$; thành xây gạch mác 100, vữa xi măng mác 75, trát mạch dày 30mm. Đáy bể được nén đất nền chặt, có bố trí 01 lớp bê tông (lớp bê tông lót đá 4x6 mác 100 dày 100mm). Phân bùn từ hố lắng phân được bơm lên máy ép

phân hãng CRI – Men xuất xứ Italya có công suất tối đa 18m³/h để tách phân có trong nước thải, giảm tải sinh khối chất hữu cơ trước khi cho vào bể biogas.

(2) Bể Biogas:

- Công nghệ biogas dựa trên nguyên lý hoạt động của vi sinh vật kỵ khí. Trong điều kiện không có oxy các vi sinh vật phân hủy chất hữu cơ biến thành năng lượng hoạt động và khí mêtan. Hỗn hợp khí CH₄, H₂S, NO_x, CO₂,... tạo thành khí biogas. Phần cặn lắng của bể biogas định kỳ khoảng 5 năm được hút và đưa trở lại bể lắng phân để tách cặn cho vào nhà ủ phân. Đối với bể biogas tính toán thời gian lưu phân hủy tốt chất bản sinh khí mê tan từ 30-60 ngày, sản lượng phân hủy sinh khí đạt hiệu quả từ 90% trở lên (theo PGS.TS Bùi Hữu Đoàn. *Quản lý chất thải chăn nuôi*. NXB nông nghiệp, Hà Nội năm 2011).

- Nước thải khi mới vào bể với môi trường kỵ khí, nước thải và phân bị phân hủy tại bể để lên men tạo ra hỗn hợp khí (gồm: CH₄, CO₂ và một số loại khí khác) và cặn (gồm: cặn lắng và cặn lơ lửng). Lượng khí sau quá trình phân hủy sẽ thoát lên phần chứa khí và đẩy phần cặn lơ lửng lên phía trên bể để tiếp tục phân hủy (Theo Định luật bảo toàn năng lượng thì lượng chất thải đầu vào luôn nhiều hơn lượng cặn phát sinh trong bể do một phần chất thải đã bị phân hủy tạo ra khí, vì vậy quy trình phân hủy các chất thải luôn theo một vòng tròn). Sau một thời gian phân hủy thì phần cặn lơ lửng sẽ lắng dần và thoát ra ngoài để tiếp tục được xử lý bằng hệ thống hồ sinh học, còn phần cặn bùn sẽ được lắng xuống đáy bể và định kỳ hút cặn cho vào nhà ủ phân, bùn thải được trộn đều với phân kết hợp phun chế phẩm sinh học để đẩy nhanh quá trình phân hủy yếm khí tăng hiệu quả và chất lượng phân ủ.

- Công nghệ biogas dựa trên nguyên lý hoạt động của vi sinh vật kỵ khí. Trong điều kiện không có oxy các vi sinh vật phân hủy chất hữu cơ biến thành năng lượng hoạt động và khí mê tan. Hỗn hợp khí CH₄, H₂S, NO_x, CO₂,... tạo thành khí biogas. Khí sinh ra sẽ được đốt thải.

+ Theo tính toán trong báo cáo ĐTM thì thể tích cần thiết của bể biogas để xử lý là 1.440m³. Thực tế, Chủ cơ sở đã xây dựng bể biogas dạng hình thang, cạnh 1 dài 49m, cạnh 2 dài 48m, cạnh 3 dài 29,5m, cạnh 4 dài 20m; diện tích 1.055m²; thể tích 8.968m³.

+ Bể biogas có cấu tạo bằng lớp bạt HDPE dày 1,5mm bọc kín đáy, thành và miệng bể; bên ngoài bể là lớp đất nền được nén chặt đảm bảo. Bể gồm 2 phần: Phần chứa nước thải có diện tích 1.055m^2 , chiều sâu 4,0m; thể tích 4.220m^3 . Phần chứa khí có chiều cao là 4,5m; thể tích 4.748m^3 . Tổng thể tích là 8.968m^3 .

- Với lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất là $32\text{ m}^3/\text{ngày}$ thì thời gian lưu nước trong bể Biogas sẽ là 132 ngày, lớn hơn nhiều so với điều kiện lưu nước trong bể Biogas theo ĐTM là 87 ngày. Đảm bảo quá trình xử lý hiệu quả hơn.

(3) Hồ sinh học kỵ khí:

Nước thải sau khi qua quá trình phân hủy kỵ khí tại bể Biogas sau khi dẫn qua hố lắng sau biogas dẫn vào hồ sinh học kỵ khí, quá trình phân hủy kỵ khí diễn ra tương tự như ở bể Biogas. Để đảm bảo cho hoạt động của vi sinh vật kỵ khí diễn ra mạnh mẽ thì hồ được xây dựng với chiều sâu tối thiểu là 3,5m (trong đó có 0,5m là chiều cao bảo vệ), đảm bảo chiều sâu tối đa cho các vi sinh vật kỵ khí tiếp tục hoạt động. Ở đây, xảy ra quá trình phân hủy chất hữu cơ của vi sinh vật kỵ khí, chuyển hóa những hợp chất hữu cơ phức tạp thành những chất đơn giản, dễ phân hủy hơn, hoặc tạo thành sản phẩm cuối cùng như CO_2 , CH_4 , H_2S , NH_3 ...

+ Theo tính toán trong báo cáo ĐTM thì diện tích cần thiết là 80m^2 , thể tích cần thiết là 160m^3 . Thực tế, Chủ đầu tư xây dựng hồ sinh học kỵ khí có diện tích 420m^2 , sâu 3,7m, thể tích 1.554m^3 .

+ Hồ sinh học kỵ khí có cấu tạo bằng lớp bạt HDPE dày 1,0mm; bên ngoài hồ là lớp đất nền được nén chặt đảm bảo. Hồ kỵ khí có kích thước $30 \times 14 \times 3,7\text{ m}$.

Đáy hồ được lót bạt HDPE dày 1,0mm mục đích chống thấm, không để nước thải thấm ra ngoài; hiệu quả xử lý tại hồ đạt khoảng 70%.

Với lưu lượng nước thải chăn nuôi phát sinh lớn nhất là $32\text{ m}^3/\text{ngày}$ thì thời gian lưu nước trong hồ thực tế là 49 ngày, lớn hơn so với điều kiện xử lý nước đối với hồ kỵ khí theo ĐTM là 44 ngày. Như vậy, sẽ đảm bảo thời gian lưu nước lâu hơn và xử lý hiệu quả hơn.

(4) Hồ sinh học tùy nghi

Nước thải sau khi qua hồ kỵ khí sẽ dẫn vào hồ sinh học tùy nghi. Tại đây diễn ra quá trình xử lý ở 3 vùng như sau:

- + Vùng bề mặt - vùng hiếu khí ở đó có tảo và vi khuẩn hiếu khí phát triển.
- + Vùng kỵ khí ở dưới đáy hồ, ở đó các chất rắn tích tụ bị phân hủy do hoạt động của các vi khuẩn kỵ khí.
- + Vùng trung gian là vùng vừa hiếu khí vừa kỵ khí trong đó các chất hữu cơ bị phân hủy do các vi khuẩn tùy tiện.

Tại hồ tùy nghi các chất rắn có kích thước lớn lắng xuống đáy tạo thành lớp bùn kỵ khí ở đáy hồ, các chất hữu cơ hoà tan và ở dạng keo được phân huỷ nhờ các vi khuẩn hiếu khí và tùy tiện. Khí CO_2 được sử dụng như nguồn carbon cho tảo phát triển, quá trình phân huỷ kỵ khí các chất thải rắn trong lớp bùn dưới đáy hồ tạo thành các sản phẩm hữu cơ hoà tan và các chất khí như CO_2 , H_2S , và CH_4 , các chất này vừa có thể bị oxy hoá bởi các loại vi khuẩn hiếu khí và vừa có thể thoát vào khí quyển. Trong thực tế, oxy được duy trì trong lớp trên cùng của hồ sinh học do quá trình quang hợp của tảo và làm thoáng bề mặt tự nhiên. Quần thể sinh vật trong lớp phía trên của hồ tương tự như hồ hiếu khí. Vi sinh vật trong lớp phía dưới và vùng đáy hồ là tùy tiện và kỵ khí. Quá trình hô hấp cũng xuất hiện khi có ánh sáng mặt trời và phản ứng cơ bản là tạo thành oxy.

+ Theo tính toán trong báo cáo ĐTM thì thể tích cần thiết của hồ tùy nghi để xử lý là 129m^3 . Thực tế Chủ cơ sở đã xây dựng hồ tùy nghi có diện tích 420m^2 , thể tích 1.344m^3 .

+ Hồ sinh học tùy nghi có cấu tạo bằng lớp bạt HDPE dày 1,0mm; bên ngoài hồ là lớp đất nền được nén chặt đảm bảo. Hồ tùy nghi có kích thước $D \times R \times H = 30 \times 14 \times 3,2\text{ m}$. Đáy hồ được lót bạt HDPE dày 1,0mm mục đích chống thấm, không để nước thải thấm ra ngoài; hiệu quả xử lý tại hồ đạt khoảng 80%.

Với lưu lượng nước thải chăn nuôi phát sinh lớn nhất là $32\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ thì thời gian lưu nước trong hồ là 42 ngày, lớn hơn so với điều kiện xử lý nước đối với báo cáo ĐTM phê duyệt là 38 ngày. Như vậy, sẽ đảm bảo thời gian lưu nước lâu hơn và xử lý hiệu quả hơn.

(5) Hồ sinh học hiếu khí:

+ Hồ hiếu khí được sử dụng để xử lý nước thải bằng quá trình tự nhiên liên quan đến hoạt động của tảo và vi khuẩn. Quá trình quang hợp của tảo và một số loại thực vật nổi như bèo Lục Bình, bèo cám sẽ cung cấp oxy cho các loại vi khuẩn hiếu khí sử dụng để phân huỷ các chất hữu cơ, khí CO_2 được giải phóng ra trong quá trình phân huỷ này được sử dụng cho quá trình tổng hợp của tảo. Trong hồ bố trí bèo Lục Bình trồng có kiểm soát bằng các ô ngăn tách biệt nhau có bề mặt thoáng.

+ Theo tính toán trong báo cáo ĐTM thì diện tích cần thiết là 240m^2 , thể tích cần thiết là 96m^3 . Thực tế, Chủ đầu tư đã xây dựng hồ có diện tích 570m^2 , thể tích 1.254m^3 .

+ Hồ sinh học hiếu khí có cấu tạo bằng lớp bạt HDPE dày 1,0mm; bên ngoài hồ là lớp đất nền được nén chặt đảm bảo. Hồ hiếu khí có kích thước $D \times R \times H = 30 \times 19 \times 2,2\text{ m}$; đáy hồ được lót bạt HDPE dày 1mm mục đích chống thấm,

không để nước thải thấm ra ngoài. Thời gian lưu nước thải trong hồ khoảng 10 ngày, hiệu suất xử lý đạt 75-80%.

Với lưu lượng nước thải chăn nuôi phát sinh lớn nhất là $32 \text{ m}^3/\text{ngày}$ thì thời gian lưu nước trong hồ là 39 ngày, lớn hơn so với điều kiện xử lý nước đối với ĐTM được phê duyệt là 36 ngày. Như vậy, sẽ đảm bảo thời gian lưu nước lâu hơn và xử lý hiệu quả hơn.



Hình 3.7: Hồ sinh học hiếu khí.

(6) Hồ lắng:

Theo tính toán trong báo cáo ĐTM được phê duyệt thì không có hạng mục hồ lắng, tuy nhiên, thực tế thì Chủ cơ sở đã xây dựng 01 hồ lắng sau hồ sinh học hiếu khí nhằm tăng khả năng xử lý nước thải của trang trại. Hồ lắng dạng hình thang, kích thước như sau: cạnh 1 dài 32m, cạnh 2 dài 30m, cạnh 3 dài 27,5m, cạnh 4 dài 16,5m. Diện tích 765 m^2 , thể tích 2.831 m^3 . Thời gian lưu 89 ngày.



Hình 3.8: Hồ lắng.

(7) Bể lọc và bể khử trùng

Theo báo cáo ĐTM được phê duyệt thì không có hạng mục bể lọc và bể khử trùng. Tuy nhiên, thực tế Chủ cơ sở đã xây dựng 01 bể lọc và 01 hồ khử trùng để tăng khả năng xử lý nước thải của trang trại.

Bể lọc và bể khử trùng được xây dựng bằng gạch đặc mác 100, vữa xi măng mác 75, trát mạch dày 30mm. Đáy bể được nén đất nền chặt, lát nền bằng lớp bê tông (lớp bê tông lót đá 4x6 mác 100 dày 100mm).

Bể lọc có kích thước $D \times R \times H = 2,72 \times 1,6 \times 1,5$; diện tích $4,35 \text{ m}^2$; thể tích là $6,53 \text{ m}^3$.

Bể khử trùng có kích thước $D \times R \times H = 2,42 \times 1,6 \times 1,5$; diện tích $3,9 \text{ m}^2$; thể tích $5,81 \text{ m}^3$.



Hình 3.9. Hình ảnh thi công bể lọc và bể khử trùng tại cơ sở

➤ Quy trình xử lý nước thải ao nuôi cá:

- Đối với ao nuôi cá được lắp đặt ống lấy và xả nước để có thể thay nước thường xuyên. Ống lấy nước được lắp đặt ở khu vực gần với cống lấy nước và ống xả nước được lắp đặt ở khu vực gần kênh tưới 27/7. Việc thay nước sẽ được thực hiện vào mỗi đợt trạm bơm bơm nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên kênh mương nội đồng.

- Định kỳ sau mỗi đợt thu hoạch cá hàng năm, chủ trang trại sẽ tiến hành bón vôi xuống các ao nuôi để lắng bùn và diệt bớt tảo. Định kỳ 1 năm sẽ tiến hành xử lý ao nuôi 1 lần, bùn đáy ao sẽ được sử dụng để bón cho cây xanh. Sau khi nạo vét bùn đáy ao sẽ tiến hành bón vôi để khử chua và bón phân để tăng nguồn dinh dưỡng cho ao nuôi.

Bảng 3.4. Tổng hợp các thông tin các công trình xử lý nước thải của trang trại:

TT	Tên hồ, bể	Số lượng	Diện tích (m ²)	Thể tích chứa (m ³)	Thời gian lưu (ngày)	Ghi chú
1	Hồ tách phân	01	11,37	28,4	-	Kích thước BxLxH=4,66x2,44x2,5
2	Bể Biogas	01	1.055	8.968	132	dạng hình thang, cạnh 1 dài 49m, cạnh 2 dài 48m, cạnh 3 dài 29,5m, cạnh 4 dài 20m
3	Hồ sinh học					
+	Hồ kỵ khí	01	420	1.554	49	Kích thước BxLxH=30x14x3,7m
+	Hồ tùy nghi	01	420	1.344	42	Kích thước DxRxH = 30x14x3,2m
+	Hồ hiếu khí	01	570	1.254	39	Kích thước DxRxH = 30x19x22,2m
4	Hồ lắng	01	765	2.831	89	Hình thang có kích thước cạnh 1 dài 32m, cạnh 2 dài 30m, cạnh 3 dài 27,5m, cạnh 4 dài 16,5m
5	Bể lọc	01	4,35	6,53	-	Kích thước DxRxH = 2,72x1,6x1,5
6	Bể khử trùng	01	3,9	5,81	-	Kích thước DxRxH = 2,42x1,6x1,5m

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Công trình xử lý bụi, khí thải khu vực chuồng nuôi:

➤ Đối với mùi hôi từ dãy chuồng chăn nuôi:

- Sử dụng chế phẩm EM: bằng cách phun EM vào chuồng trại để giảm thiểu mùi hôi.

- Bổ sung vào thức ăn của lợn chế phẩm EM (Enzyme LY-230) với tỉ lệ pha trộn thích hợp sẽ làm giảm mùi hôi đáng kể từ phân. Bởi vì EM giúp phát triển hệ vi sinh vật tiêu hoá, tăng cường khả năng tiêu hoá và hấp thụ các loại thức ăn tốt hơn, do đó tăng trọng lượng cho lợn. EM làm tăng sức khỏe cho lợn, tăng tính miễn dịch chống lại bệnh tật, làm tăng chất lượng thịt, tăng lượng Protein trong thịt. Khi cho lợn ăn hoặc uống EM thì phân thải của chúng có chất lượng tốt hơn, thậm chí

cần dùng làm phân bón trực tiếp cho cây trồng rất an toàn, có thể bỏ qua công đoạn xử lý phân.

- Trong các chuồng trại đã bố trí các quạt chụp hút để thu gom khí phát sinh từ chuồng nuôi, chủ yếu là H_2S và NH_3 .

- Loại quạt hút: Quạt hút lớn vuông kích thước (1.380x1.380)mm và quạt hút nhỏ vuông kích thước (600x600) mm.

- Số lượng lắp đặt: mỗi chuồng 06 cái, tổng cộng có 24 cái (16 quạt hút lớn và 08 quạt hút nhỏ).

- Đầu chuồng bố trí hệ thống làm mát bằng tấm colling, mỗi chuồng 04 tấm, tổng cộng có 16 tấm.

➤ *Mùi từ hệ thống xử lý nước thải:*

- Xây dựng hệ thống mương thu gom nước thải có nắp đậy kín.

- Với hố chứa phân, rãnh dẫn phân:

+ Hố chứa phân và rãnh dẫn phân có nắp đậy kín.

+ Không để phân tràn hay bị rò rỉ ra bên ngoài.

- Biện pháp thu khí ở bể Biogas: Khí gas được thu bằng hệ thống ống lắp trên túi HPDE dẫn về hệ thống lọc hơi nước và tạp chất (gồm 2 bình lọc thô và lọc tinh) sau đó được đốt thải.

➤ *Đối với khí Biogas từ bể Biogas:*

Để đảm bảo nguồn khí biogas phát sinh từ quá trình phân hủy kỵ khí trong bể Biogas không bị rò rỉ và phát sinh vào môi trường sẽ gây ô nhiễm môi trường không khí cũng như gây nên sự cố cháy nổ thì quy trình sử dụng khí được thực hiện như sau:

- Đối với túi khí HDPE được phủ và đậy chặt bằng đất sét xung quanh bờ của bể Biogas đảm bảo khí gas không bị rò rỉ ra môi trường không khí.

3.2.2 Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác:

➤ *Khống chế bụi và mùi từ khu vực kho chứa nguyên liệu:*

Mùi hôi chủ yếu là hơi của các loại thức ăn cho lợn. Mùi hôi xuất hiện trong phạm vi hẹp nên chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe công nhân khu vực xung quanh nhà kho. Biện pháp khống chế giảm thiểu mùi hôi tại khu vực kho chứa nguyên liệu mà Chủ cơ sở áp dụng như sau:

- Trong quá trình sử dụng các bao bì đựng thức ăn được buộc kín.

- Nhà xưởng đảm bảo cao ráo thoáng để tránh ẩm mốc.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: Khẩu trang, quần áo, găng tay nhằm hạn chế tác động của mùi hôi đến sức khỏe công nhân.

➤ *Đối với khí Biogas từ bể Biogas:*

Để đảm bảo nguồn khí biogas phát sinh từ quá trình phân hủy kỵ khí trong bể Biogas không bị rò rỉ và phát sinh vào môi trường sẽ gây ô nhiễm môi trường không khí cũng như gây nên sự cố cháy nổ thì quy trình sử dụng khí được thực hiện như sau:

- Đối với túi khí HDPE được phủ và đầm chặt bằng đất sét xung quanh bờ của bể Biogas, quá trình đắp đất sét phải được đầm chặt với chiều dày 0,5m và chiều rộng 1,5m để đảm bảo khí gas không bị rò rỉ ra môi trường không khí.

- Lắp đặt ống thu khí bằng cao su tổng hợp có $\varnothing 15$ và van xả áp để thu khí trong túi khí HDPE, ống thu khí được đặt cách mặt đất 0,1m bên phía đầu ra của bể Biogas để đảm bảo vệ sinh. Mục đích của việc lắp van xả áp là để đóng và mở trong quá trình sử dụng khí, không để khí gas rò rỉ ra ngoài gây ô nhiễm môi trường không khí cũng như dễ phát sinh cháy nổ. Các ống thu khí Biogas được bọc trong ống nhựa PVC $\varnothing 25$ và được chôn sâu 0,5m so với mặt đất.

- Ngoài ra, Chủ cơ sở sử dụng chế phẩm vi sinh kỵ khí bổ sung hàm biogas nhằm tăng hiệu suất chuyển hóa chất thải, thúc đẩy quá trình tạo khí và tăng chất lượng khí CH_4 , giảm các khí đồng hành không mong muốn (như H_2S) và ổn định hiệu suất tạo khí mà ít phụ thuộc vào điều kiện môi trường.

➤ *Đối với khí thải từ máy phát điện dự phòng:*

- Làm ống khói máy phát điện cao hơn các công trình xung quanh và đặt cuối hướng gió, cuối chuồng nuôi lợn và cuối toàn bộ các công trình sản xuất.

➤ *Đối với khu vực tách phân và nhà ủ phân:*

- Khu vực tách phân: Đậy kín hố lắng tách phân, ngoài các biện pháp bổ sung chế phẩm sinh học tại chuồng nuôi (Hatimic, Hatibio,...) Chủ Cơ sở đã làm hệ thống tường chắn tôn bao quanh để ngăn phát tán mùi ra khu vực xung quanh.

- Đối với khu vực nhà ủ phân: Các ngăn ủ phân được bố trí không gian có tường bao quanh, quá trình ủ phân sử dụng chế phẩm sinh học Emic đảm bảo phân hủy hoại mục nhanh phân ủ. Kết hợp rải lớp bạt kín bên trên các đồng ủ đẩy nhanh quá trình ủ hoại mục phân, vừa ngăn mùi phát sinh ra khu vực xung quanh.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

Khối lượng phát sinh: 2,5kg/ngày được thu gom, lưu giữ và xử lý như sau:

- Bố trí 03 thùng đựng rác thải sinh hoạt loại 15 lít tại khu vực nhà bếp, nhà ăn nhân viên và nhà nghỉ nhân viên để phân loại rác thải sinh hoạt sau đó tập kết về 03 thùng đựng rác (mỗi thùng có dung tích 120 lít, nắp đậy và dán nhãn bên

ngoài) đặt tại khu vực phòng vệ sinh có diện tích 15m² nằm trong nhà nghỉ nhân viên để lưu chứa tạm thời.

- Chất thải rắn sinh hoạt sau khi được thu gom, phân thành 03 loại và được xử lý như sau:

+ Đối với chất thải có thành phần hữu cơ dễ phân hủy (vỏ hoa quả, rau, thức ăn thừa...) thu gom hằng ngày vào thùng chứa để làm thức ăn cho cá hoặc ủ làm phân bón cho cây trồng trong khuôn viên trang trại.

+ Đối với chất thải có nguồn gốc kim loại, nhựa như các lon đựng nước giải khát, giấy được thu gom vào thùng chứa để bán phế liệu.

+ Đối với chất thải không có khả năng tái sử dụng, tái chế được thu gom vào thùng chứa và hợp đồng với Hợp tác xã môi trường xã Thạch Mỹ vận chuyển đi xử lý theo quy định.



Hình 3.10: Thùng CTR sinh hoạt.

3.3.2. Chất thải chăn nuôi:

* **Khối lượng phát sinh:**

- Phân lợn phát sinh từ các chuồng nuôi khoảng 2,14 tấn/ngày;
- Các loại bao bì đựng thức ăn chăn nuôi khoảng 2.000 kg/ngày;
- Lợn chết không do bị bệnh: Các chất này phát sinh không thường xuyên và khối lượng không xác định;

- Bùn thải từ nạo vét bể tự hoại, bể lắng, mương thoát nước, bể biogas và các hồ sinh học: Loại này phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh định kỳ vào các thời điểm nạo vét.

* **Giải pháp lưu trữ, xử lý:**

➤ **Đối với phân lợn:**

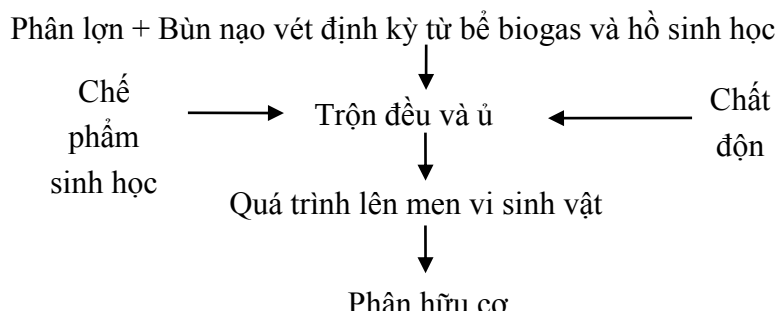
- Giải pháp thu gom: Phân lợn được xịt rửa cho vào hố tách phân, sau đó hút vào máy ép phân (máy ép phân hãng CRI-MEN, công suất ép tối đa 18 m³/h). Phân sau khi ép khô được ủ hoai rồi đóng vào bao, lưu giữ tại nhà chứa phân, sau đó cung cấp cho người dân cho nhu cầu hoặc sử dụng trồng cây.

Nhà ủ phân có kích thước $D \times R \times H = 4 \times 4 \times 3\text{m}$; được lát nền bê tông, tường xây gạch, lợp bằng mái tôn.

Có đường nội bộ đi qua thuận lợi cho việc quản lý chất thải trong trang trại.

Quy trình ủ phân lợn:

Sơ đồ quy trình công nghệ ủ phân:



Hình 3.11. Quy trình ủ phân.

Thuyết minh quy trình ủ phân:

+ Bước 1: Rải một lớp phân dày khoảng 20cm rồi phun chế phẩm sinh học, tiếp tục lớp phân mới và phun chế phẩm sinh học đến độ cao cần thiết của khối ủ ($\leq 2\text{m}$).

+ Bước 2: Sau đó toàn bộ khối ủ được phủ một lớp bạt kín để hạn chế mùi và thúc đẩy quá trình phân hủy (hoai phân) được nhanh hơn, thời gian ủ phân trung bình 10 ngày (tối đa 20 ngày).

+ Bước 3: Phân sau khi được ủ chín, tôi xấp tạo thành nguồn phân hữu cơ đảm bảo vệ sinh môi trường, mịn, nhẹ và mịn được đóng vào các bao tải (tận dụng từ bao đựng cám) để vận chuyển đi trồng, hoặc bón cho cây xanh trong khuôn viên Trang trại và cung cấp cho người dân có nhu cầu.

* Chất lượng phân sau ủ:

+ Sản phẩm cuối cùng của quá trình ủ phân như trên là loại phân hữu cơ được gọi là phân ủ. Thành phần gồm có mùn, một phần chất hữu cơ chưa phân hủy muối khoáng, các sản phẩm trung gian của quá trình phân hủy, một số enzym, chất kích thích và nhiều loài vi sinh vật hoại sinh.

+ Đây là loại phân bón hữu cơ truyền thống do cá nhân sản xuất để sử dụng không vì mục đích thương mại, do đó, không thuộc đối tượng thực hiện các trách nhiệm về quản lý phân bón theo quy định tại Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón.

* Phương án xử lý phân sau ủ: Phân sau khi được ủ hoai mục đạt yêu cầu theo Tiêu chuẩn TCVN 7185:2002 - Phân hữu cơ vi sinh vật được đưa đóng gói và được Chủ trang trại sử dụng bón cho cây trồng trong trang trại và phân phối cho

các hộ dân tại địa phương có nhu cầu để bón cho đất, phục vụ cho hoạt động trồng trọt tại địa phương.

3.3.3. *Chất thải từ hoạt động nuôi cá*

- Đối với bùn đáy ao thì định kỳ 1 năm sẽ được tiến hành cải tạo một lần và sử dụng để ủ gốc cây xanh.

- Bùn đáy từ quá trình kéo lưới đánh bắt cá do khối lượng ít nên có thể tận dụng ủ gốc cho các loại cây xanh trong khuôn viên trang trại.

3.3.4. *Chất thải rắn khác:*

- Bao bì đựng thức ăn (khoảng 10kg/ngày) được thu gom, một phần tận dụng để chứa phân hữu cơ sau khi được ủ, phần còn lại sẽ thu gom lại bán phế liệu.

- Đối với bèo Lục Bình tại các hồ điều hòa, trong trường hợp phát sinh bèo với mật độ quá dày, sẽ được Chủ trang trại thu dọn bớt và tập trung vào 1 vị trí cố định trong trại để phơi khô và ủ hoai mục trước khi sử dụng để bón cho cây xanh trong khuôn viên trang trại.

- Bùn, đất cặn từ hoạt động nạo vét mương thoát nước mưa, bể tự hoại:

- + Đối với bùn cặn từ bể tự hoại (1,53m³/lần): khoảng 5 năm hút bùn cặn 1 lần. Chủ trang trại thuê đơn vị chức năng thu hút đi xử lý theo quy định.

- + Đối với đất, cặn từ nạo vét mương thoát nước mưa: Định kỳ 6 tháng/lần tổ chức nạo vét toàn bộ hệ thống mương thoát nước trong khuôn viên trang trại. Khối lượng phát sinh sẽ được tận dụng bón cho cây xanh trong khuôn viên trang trại, không phát tán ra bên ngoài.

- Đối với xác lợn chết (không do dịch bệnh): Chủ trang trại sẽ có các biện pháp xử lý tuân thủ QCVN 01-41:2011/BNNPTNT và hướng dẫn tại thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT đảm bảo quy định, cụ thể như sau:

- + Đối với xác lợn chết không do dịch bệnh với số lượng nhỏ sẽ được xử lý bằng phương pháp cho vào hố chôn lấp đảm bảo tại khu vực phía Đông Nam của trang trại đúng theo hướng dẫn của Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- + Trong trường hợp dịch bệnh gây bệnh ở quy mô lớn, Chủ trang trại sẽ chủ động thông báo kịp thời cho cơ quan thú y biết để có hướng dẫn xử lý đảm bảo theo quy định của pháp luật.

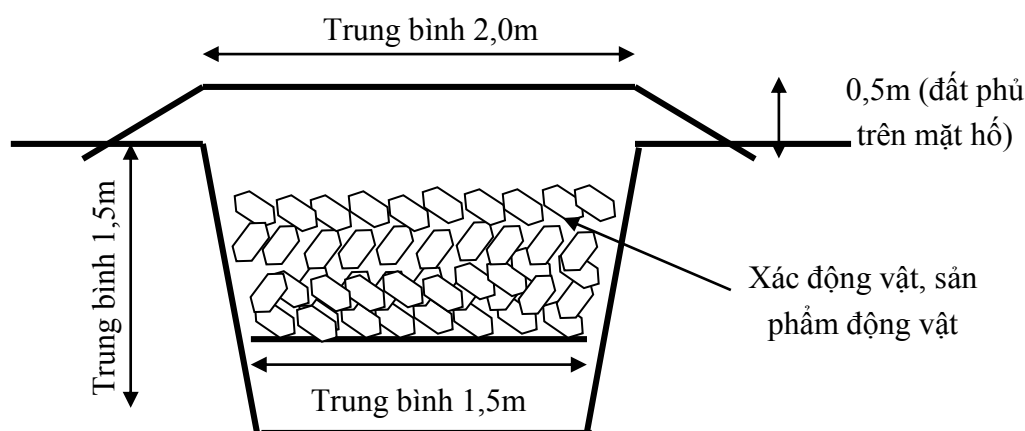
Quy trình kỹ thuật chôn lấp như sau (Theo quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT):

- + Đào hố và chôn lấp: Tùy thuộc vào số lượng xác chết cần chôn lấp và phương tiện đào hố; với chiều rộng không quá 2m; chiều dài có thể từ 1,5-2m; chiều sâu có thể từ 1,5-2m; đáy hố chôn phủ lớp vật liệu chống thấm HPDE để cô lập các chất ô nhiễm, giảm ô nhiễm nguồn nước xung quanh; Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi /m², cho bao chứa xuống

hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nén chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sứt, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

+ Vị trí thực hiện chôn lấp tại phía Đông Bắc khu vực dự án.

+ Khu vực chôn lấp phải được kiểm tra 1 tuần/lần trong vòng 1 tháng đầu sau khi chôn lấp. Nếu có hiện tượng bất thường như hố chôn bị sứt, lún, vỡ bề mặt... cần có biện pháp xử lý kịp thời, đó là phủ thêm đất, lấp lại, phun hóa chất khử trùng.



Hình 3.12: Sơ đồ mặt cắt ngang hố chôn lấp.

+ Trong trường hợp xuất hiện dịch bệnh, Trang trại sẽ không tự xử lý mà thông báo cho cơ quan thú y biết để được đưa đi xử lý theo Luật chăn nuôi hiện hành. Việc khai báo và báo cáo dịch động vật sẽ được thực hiện theo Điều 7, mục 2 Thông tư 07/2016-BNNPTMT ngày 31/5/2016 để đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

✚ **Khối lượng phát sinh:**

Tổng hợp khối lượng phát sinh đã được dự báo trong báo cáo ĐTM của dự án, cụ thể như sau:

- Các loại dẻ lau chùi dính dầu mỡ, thiết bị, bóng đèn hỏng các loại,... phát sinh trong hoạt động chăn nuôi: khoảng 2-5kg/tháng.
- Xác lợn chết do dịch bệnh: phát sinh đột xuất.

✚ **Công trình thu gom, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:**

* Thành phần chất thải nguy hại phát sinh như sau:

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Trang trại sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng ước tính (kg/tháng)
1	Chất hấp thụ, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	0,5
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	NH	1,0
3	Bóng đèn huỳnh quang và các vật dụng thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	0,5
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 02 01	NH	1,0
5	Bao bì đựng thuốc thú y mềm (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	KS	1,0
6	Bao bì đựng thuốc thú y cứng (đã chứa chất thải ra là CTNH) thải	18 01 03	KS	1,0
Tổng				5,0

- Xác lợn chết do dịch bệnh (mã chất thải: 14 02 01; trạng thái thái tồn tại: Rắn): Phát sinh đột xuất, không ước tính được khối lượng.

* Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại: Đối với lợn chết do dịch bệnh: Chủ cơ sở thông báo với chính quyền địa phương, cơ quan thú y biết để được đưa đi xử lý theo quy định pháp luật về chăn nuôi hiện hành.

- Chất thải nguy hại phát sinh tại Trang trại được phân loại và lưu trữ vào khu vực lưu chứa chất thải nguy hại (nhà chứa CTNH) có nền được láng bê tông chống thấm; bao ngăn bằng gạch kích thước BxL = 2,5mx2,0m = 5,0m², lợp mái bằng tôn, có biển báo khu vực lưu chứa chất thải nguy hại. Định kỳ hợp đồng với Công ty cổ phần xử lý môi trường Nghệ An thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung sẽ được thực hiện như sau:

- Kiểm tra thường xuyên và siết lại các ốc, vít bị lỏng, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, phương tiện, máy móc, nhằm hạn chế các nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Khu vực chuồng nuôi được bố trí cách ly với khu vực, nhà ở công nhân, nhà bếp + nhà ăn nhân viên, để hạn chế tiếng lợn kêu ảnh hưởng đến cán bộ, công nhân.

- Không vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm vào giờ cao điểm theo quy định để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt của dân cư xung quanh.

- Lắp đặt các tấm đệm làm bằng cao su hoặc xốp cho một số máy móc như máy phát điện dự phòng nhằm làm giảm chấn động do thiết bị gây nên. Sử dụng máy phát điện dự phòng có chất lượng tốt, phát sinh tiếng ồn nhỏ. Máy được đặt cách ly với các khu vực khác (máy được đặt tại khu vực gần cổng ra vào) để giảm thiểu tiếng ồn đến cán bộ, công nhân và vật nuôi trong khu vực Trang trại.

- Vị trí đặt máy phát điện được lắp buồng tiêu âm riêng, để được ghép đệm cao su, Chủ cơ sở đã lắp đặt máy phát điện tiên tiến, hiệu năng cao, phát sinh tiếng ồn thấp để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh hãng MITSUBISHI PG-I40. Hệ thống máy phát được bọc bởi lớp tiêu âm và bảo vệ bên ngoài (như hình) đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Quá trình dự án đi vào hoạt động, vận hành thử nghiệm mà xảy ra sự cố thì tập trung xử lý theo quy định, đồng thời báo cáo cơ quan chức năng để theo dõi, giám sát việc thực hiện. Các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cụ thể như sau:

3.6.1. Phòng ngừa, ứng cứu sự cố cháy nổ:

Để đảm bảo an toàn, chúng tôi sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị PCCC cần thiết theo quy định. Bao gồm việc xây dựng nội quy PCCC, trang bị các bình chữa cháy cá nhân theo đúng quy định;

- Phối hợp với các lực lượng tại địa phương để ứng cứu nếu sự cố cháy nổ xảy ra;

- Các thiết bị điện được lắp đặt dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng điện và có thiết bị bảo vệ quá tải;

- Định kỳ tổ chức thực tập về phòng chống cháy nổ cho cán bộ, công nhân để nắm vững phương pháp xử lý sự cố và nghiệp vụ phòng chống cháy nổ;

- Khi xảy ra sự cố cháy nổ công ty sẽ huy động lực lượng tại chỗ của Trang trại và kết hợp với lực lượng của địa phương để ứng cứu;

- Lắp đặt đầy đủ hệ thống chống sét đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo đúng quy định.

* Đối với sự cố cháy rừng:

Quá trình hoạt động của Trang trại cần phải có các giải pháp PCCC rừng có hiệu quả, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành, cụ thể như sau:

- Thực hiện các quy định, nội quy, điều kiện an toàn, biện pháp về phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

- Đơn đốc nhắc nhở cán bộ công nhân viên thường trực trên công trường khai thác thực hiện quy định, nội quy, các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng.

- Phát hiện cháy, báo cháy và tham gia chữa cháy rừng trong mọi trường hợp có cháy rừng.

- Tham gia các hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, tích cực tham gia chữa cháy rừng khi có cháy rừng xảy ra.

3.6.2. Phòng ngừa sự cố bão, lũ:

Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết bất thường, theo dự báo về các trường hợp thời tiết bất thường có thể xảy ra để kịp thời sử dụng nhân lực trong trang trại và phối hợp với địa phương, cơ quan chức năng để lên kế hoạch ứng phó kịp thời sự cố mưa bão trong trang trại, cụ thể:

- Trước khi có mưa bão sẽ che kín, chằng chống lại nhà cửa, chuồng trại, nhà kho,...;

- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước để đảm bảo được khả năng tiêu thoát nước tốt nhất;

- Duy trì hoạt động của đội cứu hộ bão, lũ ở Trang trại để ứng cứu các sự cố có thể xảy ra và phối hợp với lực lượng cứu hộ tại địa phương trong những trường hợp cần thiết;

- Đối với các sự cố gây sạt lở, ngập tràn hồ sinh học sẽ được tiến hành các giải pháp như sau:

+ Thiết kế, xây dựng bờ bao các hồ sinh học cao hơn các khu vực xung quanh để nước mưa chảy tràn không chảy vào các hồ sinh học.

+ Kiểm tra, gia cố bờ bao các hồ sinh học bằng đắp đất hoặc dùng bao tải đựng cát đắp xung quanh bờ bao.

+ Xây dựng hệ thống cống tràn giữa các hồ sinh học. Đảm bảo hoạt động vận hành xử lý nước thải.

3.6.3. Phòng ngừa dịch bệnh:

(1) Biện pháp phòng ngừa tổng hợp:

Chủ trang trại sẽ thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định tại Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Chính phủ như:

- + Biện pháp phòng chống dịch bệnh bằng cách:
 - Thực hiện phòng bệnh bằng vắc-xin và các biện pháp phòng bệnh khác cho lợn theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y;
 - Vệ sinh, khử trùng, tiêu độc khu vực chăn nuôi, dụng cụ chăn nuôi, môi trường chăn nuôi;
 - Chấp hành các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho lợn theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- + Biện pháp xử lý ổ dịch bệnh khi xuất hiện:
 - Cách ly ngay động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh;
 - Không giết mổ, mua bán, vứt động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, động vật chết, sản phẩm động vật mang mầm bệnh ra môi trường;
 - Thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, tiêu hủy, giết mổ bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, động vật chết theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
 - Cung cấp thông tin chính xác về dịch bệnh động vật theo yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y và nhân viên thú y cấp xã;
 - Chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- * Trước các đợt nuôi:
 - + Vệ sinh, tiêu độc chuồng trại, khu vực xung quanh, dụng cụ chăn nuôi trước khi tiến hành nuôi lứa mới;
 - + Sau khi vệ sinh, tiêu độc cần để trống chuồng tối thiểu 2 ngày trước khi thả giống vào nuôi.
- * Trong quá trình nuôi:
 - + Đảm bảo mật độ chuồng nuôi theo quy định;
 - + Công nhân trước khi đi vào chuồng đều phải mặc áo bảo hộ vệ sinh chăn nuôi theo quy định của trang trại và phải qua khu vực nhà khử trùng để tiêu trùng hết các mầm bệnh trước khi vào chuồng nuôi;
 - + Thường xuyên vệ sinh xung quanh chuồng trại, dọn sạch cỏ dại phát sinh xung quanh các dãy chuồng;

+ Thường xuyên kiểm tra các khay chứa thức ăn, nước uống tự động để xem có thức ăn dư thừa bị hư hỏng để thu gom, không để lợn ăn phải; đồng thời, định kỳ vệ sinh các khay thức ăn, máng uống tự động đảm bảo vệ sinh an toàn cho đàn lợn: Định kỳ khoảng 4-5 ngày kiểm tra và vệ sinh 1 lần;

+ Định kỳ khoảng 15-20 ngày tiến hành vệ sinh, dọn dẹp xung quanh các chuồng nuôi, đồng thời rải một lớp vôi bột để phòng ngừa bệnh;

+ Hồ sát trùng được đặt trong khay bằng nhựa hoặc inox đặt trước cửa ra vào cơ sở, dung dịch sát trùng sử dụng là Formol 2% và vôi bột;

+ Thường xuyên kiểm tra và cách ly những lợn ốm, yếu ra khỏi đàn để tiến hành chăm sóc, nuôi dưỡng riêng. Sau khi đạt thể trạng tốt mới cho tái đàn. Trường hợp lợn ốm chết cần phải được tiêu hủy theo đúng quy định tại Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT;

+ Hạn chế người lạ ra vào khu vực Cơ sở nếu không có phận sự;

+ Thường xuyên vệ sinh chuồng trại, thu gom phân đưa về nhà ủ phân.

* Sau mỗi đợt nuôi:

+ Quét dọn sạch sẽ nền, tường và trần chuồng nuôi;

+ Cọ rửa nền chuồng bằng nước sạch, kiểm tra chất lượng nền chuồng; trường hợp phát hiện ẩm mốc cần phải được tiến hành sửa chữa, gia cố để chuẩn bị cho đợt nuôi mới;

+ Khử trùng bằng formol 2% hoặc vôi bột 10%;

+ Tháo toàn bộ các khay đựng thức ăn, nước uống tại dàn liên kết và rửa sạch, sau đó khử trùng bằng dung dịch formol 2% rồi phơi khô và cất kho trong thời gian chờ nuôi lứa mới;

+ Kiểm tra lại toàn bộ hệ thống điện, làm mát, vệ sinh hệ thống silo chứa thức ăn để chuẩn bị cho đợt nuôi mới;

+ Để trống chuồng từ 5-10 ngày trước khi tiến hành nuôi đợt mới.

(2) Biện pháp phòng ngừa dịch bệnh cho đàn lợn:

- *Biện pháp phòng ngừa dịch bệnh:*

+ Giữ gìn môi trường luôn sạch sẽ nhằm tạo môi trường sống thông thoáng, vệ sinh cho lợn;

+ Định kỳ sát trùng chuồng trại: Phun thuốc sát trùng trên các lối đi và khu vực xung quanh chuồng 1 lần/tuần (khi không có dịch bệnh) và 01 lần/ngày (khi có dịch bệnh) theo hướng dẫn của nhà sản xuất đảm bảo không ảnh hưởng đến sức khỏe của lợn;

+ Định kỳ tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm cho lợn như: dịch tả, lở mồm long móng,... theo sự hướng dẫn của cơ quan thú y;

+ Thường xuyên theo dõi và cách ly kịp thời những con lợn bị bệnh để tránh lây lan cho những con khác;

+ Trang bị đầy đủ các kiến thức về dịch bệnh và phòng chống dịch bệnh cho tất cả công nhân viên làm việc tại Trang trại;

+ Trước và sau khi làm việc các công nhân viên của trại sẽ được khử trùng sạch sẽ tại nhà sát trùng;

+ Nhân viên và khách tham quan trước khi vào khu chăn nuôi đều phải thay quần áo, giày dép và mặc quần áo bảo hộ của Trang trại, trước khi vào các chuồng nuôi phải được sát trùng tại nhà sát trùng của Trang trại, cách ly trước khi vào trại.

- *Biện pháp ứng phó với sự cố dịch bệnh:*

Khi xảy ra dịch bệnh, các giải pháp ứng phó sẽ được triển khai như sau:

+ Cách ly các con lợn bị nhiễm bệnh với các con lợn còn khỏe mạnh. Các con lợn bị bệnh được đưa về nhốt tại nhà cách ly lợn bệnh. Vệ sinh sạch sẽ và tiến hành tiêu độc, khử trùng tất cả các dãy chuồng;

+ Báo ngay cơ quan thú y gần nhất khi phát hiện có lợn bị bệnh, chết nghi mắc bệnh thuộc danh mục các bệnh động vật phải công bố, để có biện pháp cách ly và xử lý kịp thời. Đồng thời sẽ báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan thú y để có biện pháp đi tiêu hủy theo quy định;

+ Đối với những con lợn bị mắc bệnh, chết vì mắc các bệnh không thuộc danh mục các bệnh động vật phải công bố thì sẽ được chữa bệnh hoặc xử lý theo hướng dẫn của cơ quan thú y có thẩm quyền;

+ Tiêm phòng khẩn cấp hoặc áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho đàn lợn;

+ Bố trí người chăm sóc, sử dụng riêng dụng cụ, thức ăn đối với lợn bệnh; tiêu độc, khử trùng tất cả dụng cụ thú y, phương tiện chuyên chở; hạn chế lưu thông lợn ra vào trại khi có dịch. Trong quá trình điều trị cho lợn bệnh sẽ ghi chép đầy đủ các thông tin cần thiết (như theo dõi diễn biến bệnh, người điều trị,...);

+ Cách ly Trang trại hoàn toàn với khu vực bên ngoài như: Tuyệt đối không buôn bán lợn trong thời kỳ có dịch. Tất cả các phương tiện cũng như con người ra vào Trang trại được khử trùng sạch sẽ ngay tại cổng ra vào Trang trại;

+ Tiêu độc, khử trùng toàn bộ khu vực chuồng nuôi và xung quanh Trang trại;

+ Thông báo ngay với chính quyền và người dân địa phương về việc phát sinh dịch bệnh tại Trang trại;

+ Cấm người không có nhiệm vụ vào Trang trại khi đang có dịch.

• **Đề phòng dịch lợn lây nhiễm sang người:**

- Không tiếp xúc với đàn lợn, trừ trường hợp bắt buộc;

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động trong khi làm việc. Sau khi làm việc phải tắm rửa, để quần áo, giày dép tại khu vực riêng. Các dụng cụ bảo hộ lao động cần có đối với công nhân nuôi:

+ Quần áo bảo hộ liền bộ, dài tay;

+ Đeo găng tay cao su đã được khử trùng;

+ Đeo khẩu trang;

+ Đeo kính bảo hộ;

+ Đội mũ bảo hộ;

+ Đi ủng cao su;

- Những công nhân tiếp xúc với lợn bệnh cần rửa tay thường xuyên bằng xà phòng, sát trùng trước khi vào khu vực chuồng nuôi và sau khi ra khỏi chuồng nuôi.

- Những người tiếp xúc với lợn bệnh có các triệu chứng ho, mệt mỏi, sốt, hoặc các triệu chứng bệnh lý khác phải đến ngay cơ sở y tế gần nhất để khám.

d) Phòng ngừa, xử lý sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

(1) Sự cố khi hệ thống xử lý nước thải bằng bể Biogas không hoạt động hoặc hoạt động nhưng không đạt hiệu quả như thiết kế:

- Nguồn chất thải phải đảm bảo không bị lẫn với các dung dịch hóa chất.

- Kiểm tra đồng hồ đo khí Biogas để xác định tính ổn định của hệ thống, trường hợp hệ thống xử lý không đạt hiệu quả như thiết kế cần liên hệ với đơn vị thi công để có biện pháp khắc phục.

- Thường xuyên kiểm tra xung quanh bể biogas, nếu người thấy mùi khí sinh học sẽ tiến hành kiểm tra xem xét nơi phát sinh mùi để khắc phục kịp thời.

(2) Sự cố tắc nghẽn đồng hồ đo lưu lượng nước thải:

Do nước thải chứa nhiều cặn bẩn, bám vào cánh quạt của đồng hồ làm cho đồng hồ bị tắc nghẽn, chỉ số đồng hồ chạy sai hoặc không quay. Các giải pháp thực hiện như sau:

- Lựa chọn thiết bị ban đầu tốt, đúng mục đích sử dụng;

- Khơi thông dòng chảy, bổ sung thêm các thiết bị phụ trợ như lưới chắn rác, lọc,... để hạn chế tình trạng rác thải, cặn bẩn,...;

(3) Sự cố thùng bọt tại bể biogas hoặc các hồ sinh học không đảm bảo khả năng chống thấm:

- Sử dụng bọt chống thấm loại tốt;
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện sự cố hư hỏng bọt chống thấm của các hồ để có biện pháp cải tạo;
- Đối với lỗ thùng nằm phía trên mặt hầm biogas sẽ được đơn vị lắp đặt đưa máy đến vá.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện sự cố hư hỏng bọt chống thấm của các hồ để có biện pháp cải tạo. Trường hợp bọt chống thấm bị rách/thủng nằm phía dưới bể biogas hoặc đáy hồ sinh học sẽ thực hiện các bước sau:

Bước 1: Bơm nước từ hồ sinh học sang hồ điều hòa.

Bước 2: Tiến hành hút hết phân và bùn từ bể biogas sang hồ sinh học để chứa tạm thời (nếu bể biogas bị rách/thủng), bơm nước thải từ hồ sinh học bị rách/thủng sang các hồ sinh học còn lại (nếu hồ sinh học bị rách/thủng).

Bước 3: Tiến hành xử lý chỗ rách/thủng bọt biogas, hồ sinh học bằng cách vá hoặc thay mới tùy vào mức độ hư hỏng của bọt.

Bước 4: Sau khi xử lý xong bọt chống thấm tại biogas/ hồ sinh học, tiến hành bơm ngược nước thải, chất thải trở lại để xử lý theo đúng quy trình.

- Đối với phương án xử lý lỗ thùng, rò rỉ tại hồ sinh học tương tự xử lý sự cố như bể biogas bằng cách bơm dẫn tạm nước thải sang hồ bên cạnh để xử lý kịp thời, sau đó bơm ngược lại để xử lý theo quy trình.

(4) Sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Có cán bộ theo dõi, vận hành thường xuyên kiểm tra hệ thống để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, phải ngừng xả thải ra môi trường để khắc phục xử lý lượng nước này sẽ được đưa vào lại bể Biogas và xử lý lại.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

3.7.1. Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội:

- Đề ra quy trình quản lý công nhân lao động trong Trang trại. Không để xảy ra các tình trạng rượu chè, cờ bạc, mâu thuẫn gây mất trật tự trong khu vực.

- Phối hợp với chính quyền địa phương, các Cơ sở sản xuất trên khu vực và cơ quan chức năng trong việc tuyên truyền, phổ biến về phòng chống dịch bệnh. Tạo điều kiện cho công nhân tham gia các đợt hội thảo về quy trình chăn nuôi an toàn.

3.7.2. Biện pháp cải thiện yếu tố vi khí hậu:

Để cải thiện các yếu tố vi khí hậu khu vực Trang trại, Chủ cơ sở thực hiện các giải pháp như sau:

- Thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi theo đúng các quy trình kỹ thuật đã nêu;
- Tiến hành xây dựng các hạng mục theo đúng thiết kế kỹ thuật. Cách ly khu vực chuồng trại và khu vực quản lý.
- Áp dụng các biện pháp thông gió cưỡng bức (điều hòa nhiệt độ tại nhà nghỉ nhân viên; lắp đặt quạt hút công nghiệp, hệ thống colling làm mát,... tại các chuồng nuôi đảm bảo môi trường không khí cho con người và vật nuôi).
- Tiến hành trồng cây xanh, cây ăn quả theo đúng quy hoạch để tận dụng diện tích đất trong Trang trại, cải thiện điều kiện vi khí hậu cho Trang trại, đồng thời giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

3.7.3 Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái:

- Quy trình chăn nuôi khép kín, các hoạt động chăn nuôi lợn có sự kiểm soát bởi cán bộ kỹ thuật trong Trang trại, hạn chế tiếng ồn phát sinh ra bên ngoài;
- Sử dụng các máy móc, thiết bị tiên tiến, hiện đại như Máy phát điện,... để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến các loài động vật bản địa.
- Các loại chất thải khác (chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại) được thu gom thường xuyên và cho vào các thùng chứa theo quy định, không để rò rỉ ra bên ngoài; nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn hiện hành, nước mưa chảy tràn được thu gom và lắng cặn trước khi đổ ra môi trường, không gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, không làm ảnh hưởng đến các loài động thực vật xung quanh Trang trại.
- Kiểm soát các loài động vật xung quanh khu vực Trang trại, không có vào khu vực Trang trại nếu không được sự cho phép của Chủ trang trại.

3.7.4. Biện pháp giảm thiểu tác động giữa các hoạt động sản xuất trong Trang trại và giữa Trang trại với các Cơ sở sản xuất xung quanh:

- * Đối với các hoạt động sản xuất trong trang trại:
 - Khu vực cây ăn quả được trồng tách biệt với khu vực chăn nuôi, khoảng cách giữa vườn cây và chuồng trại từ $\geq 5\text{m}$ đảm bảo an toàn. Các chuồng nuôi được thiết kế chuồng kín, tách biệt với bên ngoài thông qua hệ thống làm mát và thông gió cưỡng bức. Thực tế, hoạt động trồng cây ăn quả tác động qua lại với hoạt động chăn nuôi trong trại là không đáng kể. Quá trình sản xuất an toàn sinh học được Chủ trang trại thực hiện nghiêm túc, đảm bảo.
- * Đối với các hoạt động giữa Trang trại và các Cơ sở sản xuất xung quanh:
 - Xung quanh khu vực trang trại, cách trang trại khoảng km không có Cơ sở sản xuất nào, tuy nhiên để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh thì công ty sẽ thực hiện các nội dung sau:

- Tổ chức tốt quy trình sản xuất, các biện pháp bảo vệ môi trường và phòng chống dịch bệnh trong khu vực trang trại đã nêu ở trên.

- Thường xuyên trao đổi, phối hợp với các trại chăn nuôi xung quanh về quy trình sản xuất, các loài vật nuôi. Đề xuất các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh, xử lý chất thải đạt hiệu quả để ngăn ngừa dịch bệnh phát sinh trong vùng.

- Phối hợp với các cơ quan địa phương, các cơ quan chức năng trong lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt tổ chức các đợt tập huấn nâng cao chất lượng trong sản xuất, thường xuyên cập nhật các ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến để áp dụng trong sản xuất tại các Cơ sở, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, phòng chống dịch bệnh và phát triển kinh tế.

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):

So với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2015, quá trình thi công dự án có một số điều chỉnh, các hạng mục công trình để phù hợp với thực tế hoạt động của Cơ sở, cụ thể:

Bảng 3.5: Tổng hợp các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo yêu cầu của ĐTM và theo thực tế đã thực hiện

TT	Hạng mục	Theo báo cáo ĐTM	Thực tế đã xây dựng	Đánh giá tác động của việc thay đổi
I	Công trình, biện pháp xử lý nước thải			
I.1	Công trình, biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt			
1	Bể tự hoại	1 bể thể tích tối thiểu là 1,92 m ³	1 bể có kích thước BxLxH=2,4x2,1x2,7m, thể tích 13,6m ³	Tăng hiệu quả xử lý so với yêu cầu ĐTM
2	Bể lắng cặn	Không có kích thước cụ thể	1 bể lắng có kích thước BxLxH=1,3x1,0x1,0m, thể tích 1,3m ³	Tăng hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt
3	Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt	Được dẫn vào bể lắng cặn, sau đó dẫn vào hồ sinh học	Được dẫn vào bể lắng cặn, sau đó dẫn vào hồ nuôi cá	Vẫn đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt
I.2	Công trình, biện pháp xử lý nước thải sản xuất			
1	Bể lắng phân	BxLxH = 3x10x2 = 60m ³	BxLxH = 4,66x2,44x2,5m, thể tích = 28,4 m ³	Tăng thể tích lưu chứa phân, đảm bảo cho máy ép phân hút phân thuận lợi
2	Bể biogas	01 thể tích 1.440m ³	01 bể có thể tích 8.968 m ³	Sẽ làm gia tăng thời gian lưu và hiệu quả xử lý nước thải trong bể biogas. Tác động của việc thay đổi là tích cực, làm tốt hơn so với yêu cầu trong báo cáo ĐTM

TT	Hạng mục	Theo báo cáo ĐTM	Thực tế đã xây dựng	Đánh giá tác động của việc thay đổi
3	Hồ kỵ khí	Diện tích 80m ² , thể tích 160m ³	1 hồ diện tích 420 m ² ; thể tích 1.554 m ³	Sẽ làm gia tăng thời gian lưu và hiệu quả xử lý nước thải trong bể biogas. Tác động của việc thay đổi là tích cực, làm tốt hơn so với yêu cầu trong báo cáo ĐTM
4	Hồ tùy nghi	Diện tích 86m ² , thể tích 129m ³	1 hồ có kích thước DxRxH = 30x14x3,2m; thể tích 1.344m ³ .	Sẽ làm gia tăng thời gian lưu và hiệu quả xử lý nước thải trong bể biogas. Tác động của việc thay đổi là tích cực, làm tốt hơn so với yêu cầu trong báo cáo ĐTM
5	Hồ hiếu khí	Diện tích 240m ² , thể tích 96m ³	1 hồ hiếu khí có kích thước DxRxH=30x19x22,2m; thể tích 1.254m ³ .	Sẽ làm gia tăng thời gian lưu và hiệu quả xử lý nước thải trong bể biogas. Tác động của việc thay đổi là tích cực, làm tốt hơn so với yêu cầu trong báo cáo ĐTM
6	Hồ lắng	-	01 hồ diện tích 765m ² , thể tích 2.831m ³	Tăng hiệu quả xử lý nước thải. Tác động của việc thay đổi là tích cực, làm tốt hơn so với yêu cầu trong báo cáo ĐTM
7	Bể lọc và bể khử trùng	-	Bể lọc có kích thước DxRxH=2,72x1,6x1,5m; thể tích là 6,53m ³ Bể khử trùng có kích thước DxRxH=2,42x1,6x1,5m, thể tích 5,81m ³	Tăng hiệu quả xử lý nước thải. Tác động của việc thay đổi là tích cực, làm tốt hơn so với yêu cầu trong báo cáo ĐTM
II	Công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn			

TT	Hạng mục	Theo báo cáo ĐTM	Thực tế đã xây dựng	Đánh giá tác động của việc thay đổi
1	Xác lợn chết	Xác lợn chết được xử lý bằng lò đốt. Trước khi đốt xác lợn được băm nhỏ để quá trình cháy nhanh	Chôn lấp theo Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT tại khu vực phía Bắc trang trại	Đảm bảo theo quy định hiện hành. Đã được UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh phương án sử dụng lò đốt Model A200 (A)2 của hãng INCINER 8 sang phương án bố trí khu đất trong khuôn viên trang trại để chôn lấp theo Văn bản số 2219/UBND-NL ₂ ngày 14/4/2017
2	Đối với phân lợn	Phân lợn được đẩy vào bể lắng phân, sau đó được thu gom vào nhà ủ phân	Đầu tư máy ép phân, hút phân từ bể tách phân sau đó ủ tại nhà chứa phân, hạn chế phân chảy vào bể biogas	Tăng hiệu quả xử lý nước thải so với ĐTM được phê duyệt
3	Hợp đồng vận chuyển	- Chất thải rắn thông thường: Dự kiến hợp đồng với Hợp tác xã môi trường xã Thạch Mỹ thu gom, vận chuyển, xử lý. - Chất thải nguy hại: Dự kiến hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.	- Chất thải rắn thông thường: hợp đồng với Hợp tác xã môi trường xã Thạch Mỹ; - Chất thải nguy hại: hợp đồng với Cty Cổ phần xử lý môi trường Nghệ An	Đáp ứng theo yêu cầu ĐTM
III Công trình, biện pháp giảm thiểu mùi				
1	Tấm Colling làm mát	Không yêu cầu	04 tấm/chuồng; tổng có 16 tấm	Đáp ứng theo yêu cầu hiện hành

TT	Hạng mục	Theo báo cáo ĐTM	Thực tế đã xây dựng	Đánh giá tác động của việc thay đổi
2	Quạt chụp hút chuồng trại	Sử dụng các quạt chụp hút để thu gom khí phát sinh từ chuồng nuôi. Các quạt hút được nối với hệ thống ống dẫn, khí thải chứa mùi theo hệ thống đường ống dẫn vào ống thải trên trời, trong ống thải bố trí các lớp than hoạt tính để hấp phụ khí gây mùi. Độ cao của ống thải là 4m.	mỗi chuồng 06 cái, tổng cộng có 24 cái	Vẫn đảm bảo theo yêu cầu hiện hành.

Thuyết minh những thay đổi chính:

Đối với hệ thống nước thải: Đầu tư xây dựng thêm hồ lắng, bể lọc, bể khử trùng so với ĐTM. Những thay đổi này tích cực hơn cho công tác bảo vệ môi trường.

Đối với biện pháp xử lý mùi: theo phương pháp ĐTM phê duyệt là “*Sử dụng các quạt chụp hút để thu gom khí phát sinh từ chuồng nuôi. Các quạt hút được nối với hệ thống ống dẫn, khí thải chứa mùi theo hệ thống đường ống dẫn vào ống thải trên trời, trong ống thải bố trí các lớp than hoạt tính để hấp phụ khí gây mùi. Độ cao của ống thải là 4m*”. Tuy nhiên, những dự án tương đồng gần đây chỉ cần bố trí các quạt chụp hút cuối chuồng là được, không cần bổ sung thêm ống dẫn khí dẫn lên trời và sử dụng than hoạt tính để hấp phụ khí nữa, vì thực tế nếu sử dụng phương pháp này sẽ khó thi công và chi phí cao nhưng cũng không hiệu quả. Việc thay đổi này được đánh giá là có hiệu quả tương đồng với phương án ĐTM được phê duyệt. Do vậy, Chủ cơ sở xin đề xuất sử dụng quạt hút đặt cuối dãy chuồng như hiện trạng.

Đối với xử lý chất thải rắn: Theo báo cáo ĐTM thì xác lợn chết được xử lý bằng lò đốt. Trước khi lò đốt xác lợn chết được

bấm nhỏ để quá trình cháy nhanh. Đây là phương án được phê duyệt trước khi có hướng dẫn của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn. Tuy nhiên, năm 2017 Cơ sở đã được UBND tỉnh chấp thuận theo phương án chôn lấp xác lợn chết theo Văn bản số 2219/UBND-NL₂ ngày 14/4/2017 của UBND tỉnh.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 xác định những nội dung đề nghị cấp phép đối với dự án bao gồm: Nước thải, khí thải và tiếng ồn. Cụ thể:

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

4.1.1 Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh 0,6 m³/ngày.đêm (được xử lý sơ bộ trước khi dẫn về hồ nuôi cá).

+ Nguồn số 02: Nước thải phát sinh trong hoạt động chăn nuôi phát sinh 32 m³/ngày.đêm (bao gồm nước tiểu, nước tắm cho lợn, nước rửa chuồng).

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

- Tổng lưu lượng nước thải xả thải tối đa sau khi qua hệ thống xử lý nước thải là 32,6 m³/ngày.đêm.

4.1.3. Dòng nước thải

- 01 dòng nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của trang trại ra môi trường tiếp nhận.

4.1.4. Thông số và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

- Số lượng thông số đánh giá (06 thông số): pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng Nitơ (TN), Tổng Coliform.

- Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B, K_q=0,9 và K_f=1,3. Trong đó:

+ C_{max}: Là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

+ C: Là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi quy định tại Bảng 1 của QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

+ K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.1.3 QCVN 62-MT:2016/BTNMT ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch, kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm, phá; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ.

+ K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.1.4 QCVN 62-MT:2016/BTNMT ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở chăn nuôi khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

+ Cột B: Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

(kênh 27/7 là nguồn tiếp nhận nước thải của Cơ sở).

Như vậy, nước thải của cơ sở trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận phải thấp hơn hoặc bằng giá trị $C_{\max}$ ở bảng sau:

Bảng 4.1. Thông số và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	117
3	COD	mg/l	351
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	175,5
5	Tổng Nito	mg/l	175,5
6	Tổng Coliform	CFU/100ml	5.000

4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải:

Vị trí xả nước thải thuộc thôn Tây Giang, xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà. Tọa độ vị trí xả nước thải theo hệ tọa độ VN2000, KKT 105⁰30', múi chiếu 3⁰ như sau:

Điểm xả số 1: X = 2038042; Y = 538052.

Điểm xả số 2: X = 2038048; Y = 538224.

- Phương thức xả thải: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn được dẫn ra mương thoát nước nội đồng chảy ra kênh 27/7 theo phương thức tự chảy. Nước thải được xả ven bờ, trên bề mặt nguồn tiếp nhận.

- Chế độ xả nước thải vào nguồn nước: 24/24h.

- Nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Kênh 27/7, xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh (cách dự án khoảng 200 m về phía Đông Nam).

+ Tọa độ vị trí tiếp nhận nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰30', múi chiếu 3⁰): X = 2037968; Y = 538503.

4.2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn

4.2.1. Nguồn phát sinh

Nguồn phát sinh tiếng ồn trong hoạt động của Trang trại chủ yếu gồm các nguồn sau:

- Nguồn thứ nhất: Từ hoạt động chăn nuôi (tiếng kêu của lợn trong chuồng);
- Nguồn thứ hai: Từ quạt công nghiệp (quạt hút cuối chuồng nuôi lợn);
- Nguồn thứ ba: Từ máy bơm nước;

- Nguồn thứ tư: Từ máy phát điện dự phòng;
- Nguồn thứ năm: Từ các phương tiện giao thông ra vào trang trại.

4.2.2. Vị trí phát sinh

Đây là các nguồn thải phân tán, không tập trung nên không thể xác định cụ thể vị trí, mức độ phát sinh tiếng ồn.

4.2.3. Giá trị giới hạn

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Thông số và giá trị giới hạn tiếng ồn

Giá trị giới hạn	Tần suất	Ghi chú
85	Tối thiểu 1 lần/năm	Vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Kết quả quan trắc định kỳ trong 02 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo được tổng hợp từ Dữ liệu chương trình quan trắc định kỳ của cơ sở, như sau (*Kết quả phân tích được đính kèm phụ lục của báo cáo*):

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

- Vị trí lấy mẫu: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của Trang trại (sau hồ khử trùng), điểm lấy mẫu có toạ độ: X=2038042; Y=538052.

- Thời gian: năm 2023 và tháng 6 năm 2024.

- Giá trị giới hạn: QCVN 62:2016/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi.

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải năm 2023 và năm 2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	Kết quả			QCVN 62-MT:2016/BTNMT
			Đợt 1 năm 2023	Đợt 2 năm 2023	năm 2024	
1	pH ⁽¹⁾	-	7,8	7,3	7,46	5,5-9
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	85,7	73,4	32,8	150
3	BOD ₅	mg/l	102,3	101,3	37,2	100
4	COD	mg/l	201,3	98,5	84	300
5	Tổng Nito	mg/l	84,6	72,6	87	150
6	Coliform	MPN/100ml	5.400	5.400	4.100	5000

(Nguồn : Kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2023, 2024)

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.

- Vị trí lấy mẫu: Khu vực chuồng nuôi có tọa độ X = 2038071; Y=538129 và khu vực ủ phân và xử lý nước thải có tọa độ X = 2038081; Y = 538077.

- Thời gian: năm 2023 và năm 2024.

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc chất lượng không khí năm 2023 và năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị đo	Kết quả				QCVN 05:2023/ BTNMT	QCVN 26:2010/BTN MT
			năm 2023		năm 2024			
1	Độ ồn	dBA	64,5	65,7	58,7	55,6	-	70

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Trang trại sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

2	Bụi lơ lửng	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	112	98	130	115	300	-
3	CO	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	3.174	3.125	3.120	3.009	30.000	-
4	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	42	45	42	40	350	-
5	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	33	31	31	30	200	-

(Nguồn : Kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2023, 2024)

5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước mặt.

- Vị trí lấy mẫu: tại kênh 27/7 và tại bara Đò Điệm, điểm lấy mẫu có tọa độ: X=2038094; Y = 538556 và tọa độ X=2037928; Y=538508.

- Thời gian lấy mẫu: năm 2023 và năm 2024.

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt năm 2023 và năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08:2023/BTNMT, Mức B
			năm 2023	năm 2024	
1	pH ⁽¹⁾	-	6,6	6,5	6,0-8,5
2	DO ⁽¹⁾	mg/l	5,7	5,4	≥ 5
3	BOD ₅	mg/l	3,01	5,8	≤ 6
4	COD	mg/l	8,2	14	≤ 15
5	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	7,23	12	≤ 100
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	mg/l	1,07	0,84	-
7	Photphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	0,73	0,42	-
8	Coliform	MPN/100ml	540	1.000	≤ 1000
9	Clorua	mg/l	52,4	22,7	-
10	Tổng Nito	mg/l	-	0,55	$\leq 1,5$

(Nguồn : Kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2023, 2024)

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Căn cứ vào thực tế hiện trạng của Cơ sở, các công trình hoàn thành công trình bảo vệ môi trường. Xác định kế hoạch dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở như sau:

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Về thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải

Công trình	Lưu lượng nước thải (m ³ /ngày đêm)	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
Công trình xử lý nước thải	32,6	30/9/2024	30/12/2024

Công suất hoạt động của Dự án tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm là công suất chăn nuôi tối đa của Trang trại là 2.000 con lợn thương phẩm.

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

a) Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý:

- Thời gian thực hiện: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.
- Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần.

Chủ đầu tư lập kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 6.2 Kế hoạch lấy mẫu nước thải:

STT	Thời gian lấy mẫu dự kiến	Thông số quan trắc	Loại mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	05/01/2025	pH, BOD ₅ , COD, Tổng Nitơ (theo N), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng Coliform	Mẫu đơn	02 vị trí: - 01 điểm trước hệ thống xử lý (tại bể tách phân)

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Trang trại sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

STT	Thời gian lấy mẫu dự kiến	Thông số quan trắc	Loại mẫu	Vị trí lấy mẫu
				- 01 điểm sau hệ thống xử lý (sau bể khử trùng)
2	06/01/2025	pH, BOD ₅ , COD, Tổng Nitơ (theo N), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng Coliform	Mẫu đơn	01 vị trí - 01 điểm sau hệ thống xử lý (sau bể khử trùng)
3	07/01/2025	pH, BOD ₅ , COD, Tổng Nitơ (theo N), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng Coliform	Mẫu đơn	01 vị trí - 01 điểm sau hệ thống xử lý (sau bể khử trùng)

Ghi chú:

- Tọa độ vị trí lấy mẫu tại bể tách phân là: X=2038082; Y=0538555 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

- Tọa độ vị trí lấy mẫu sau hố khử trùng là: 2038042; Y = 538052 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

- Quy chuẩn so sánh: So sánh với Cột B QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, K_q=0,9 và K_f=1,3.

b) Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

Dự kiến giai đoạn vận hành thử nghiệm, Chủ đầu tư sẽ phối hợp với Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Hà Tĩnh thực hiện quan trắc nước thải, đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải.

Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh, được thành lập theo Quyết định số 609/2004/QĐ-UB-TC ngày 10/12/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 05/3/2012. Trung tâm được đổi tên từ “Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường” theo quyết định số 121/QĐ-STNMT ngày 10/5/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm được thực hiện theo Quyết định số 438/QĐ-STNMT ngày 15/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh. Trung tâm có chức năng giúp Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức, thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường định kỳ theo mạng lưới quan trắc đã được UBND

tỉnh phê duyệt, xây dựng và quản lý dữ liệu môi trường, lập hồ sơ môi trường, hồ sơ tài nguyên nước, hồ sơ khai thác khoáng sản, quan trắc môi trường lao động, đánh giá diễn biến chất lượng các thành phần môi trường trên địa bàn tỉnh. Phối hợp cùng Thanh tra Sở, Phòng môi trường và các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Đơn vị được Văn phòng công nhận chất lượng - Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận phù hợp với các yêu cầu của ISO/IEC 17025:2005 (lĩnh vực công nhận: Hoá; mã số VILAS 610, hiệu lực công nhận lần 3) theo Quyết định số 100-2019/QĐ-VPNCNCL ngày 14/2/2019; được Bộ tài nguyên và Môi trường cấp chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo Quyết định số 805/QĐ-BTNMT ngày 22/4/2022 với số hiệu VIMCERTS 061.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Theo Quy định tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, quy định về hoạt động quan trắc nước thải, Cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phát sinh nước thải dưới 200m³/ngày (24 giờ) thì không phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải.

Như vậy, với lưu lượng nước thải lớn nhất là 32,6 m³/ngày đêm thì Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Theo Quy định tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, quy định về hoạt động quan trắc nước thải, Cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phát sinh nước thải dưới 500m³/ngày (24 giờ) thì không phải quan trắc tự động liên tục.

Như vậy, với lưu lượng nước thải lớn nhất là 32,6 m³/ngày đêm thì Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục nước thải.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Bảng 6.3. Bảng tổng hợp chi phí quan trắc định kỳ hàng năm

TT	Nội dung quan trắc	Số đợt/năm	Đơn giá/đợt	Thành tiền
1	Quan trắc nước thải	2	2.202.479	4.404.958
2	Quan trắc không khí	2	6.057.930	12.115.860
3	Quan trắc nước dưới đất	2	2.829.443	5.658.886
4	Quan trắc nước mặt	2	3.508.654	7.017.308
Tổng				29.197.000

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong thời gian 02 năm gần nhất không có kết luận của thanh tra, kiểm tra đối với trang trại.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường và các pháp luật liên quan khác, hộ cá thể Lê Quang Hùng cam kết các nội dung như sau:

Cam kết rằng các số liệu, thông tin về cơ sở, các biện pháp, hạng mục bảo vệ môi trường của cơ sở được cung cấp trong Báo cáo đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở có tính chính xác và hoàn toàn trung thực. Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nhằm bảo đảm đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, bao gồm:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
3. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động liên quan đến cơ sở;
4. Khắc phục ô nhiễm môi trường do các hoạt động của cơ sở gây nên;
5. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân trong quá trình thi công xây dựng và khi đi vào hoạt động;
6. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra và báo cáo định kỳ về bảo vệ môi trường;
7. Nếu để xảy ra sự cố môi trường sẽ thực hiện các biện pháp sau để xử lý:
 - Điều tra, xác định phạm vi, giới hạn, mức độ, nguyên nhân, biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường;
 - Tiến hành ngay các biện pháp để ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân trong vùng;
 - Thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường và các quy định pháp luật liên quan khác;

- Chịu mọi trách nhiệm về hậu quả đối với cộng đồng khu vực xung quanh nếu để xảy ra sự cố môi trường.

8. Tuân thủ các tiêu chuẩn thải theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình thực hiện tại cơ sở:

- Môi trường không khí: Tiếng ồn, độ rung phát ra từ các thiết bị trong quá trình hoạt động sẽ đảm bảo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

- Nước thải: Nước thải sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải nằm trong giới hạn Cột B QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, $K_d=0,9$ và $K_f=1,3$.

- Chất thải: Thu gom, xử lý chất thải đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

9. Các công trình xử lý môi trường được hoạt động, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo chất lượng.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất của cơ sở theo quy định của pháp luật.
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Văn bản về quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường (trừ dự án được phê duyệt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường) và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I

- CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN
- PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG ĐÃ THỰC HIỆN

PHỤ LỤC II

- CÁC BẢN VẼ MẶT BẰNG TỔNG THỂ

PHỤ LỤC III

- CÁC VĂN BẢN CỦA CHỦ DỰ ÁN GỬI LẤY Ý KIẾN THAM VẤN
- VĂN BẢN TRẢ LỜI CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC XIN Ý KIẾN
- BIÊN BẢN HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

Số: 6689/QĐ-UBND

Thạch Hà, ngày 08 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm khảo sát, lập quy hoạch dự án cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lưu

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tạm thời trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển chăn nuôi, vùng chăn nuôi tập trung và Quy hoạch phát triển trang trại, vùng trang trại chăn nuôi lợn tập trung công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020;

Xét Tờ trình ngày 30/9/2015 của nhà đầu tư ông Lê Quang Hùng đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm khảo sát, lập quy hoạch dự án cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lưu;

Theo đề nghị của các phòng: Tài chính – Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tài nguyên – Môi trường; Ủy ban nhân dân xã Thạch Lưu tại Biên bản làm việc ngày 21/9/2015;

Theo ý kiến thống nhất của các Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lưu:

1. Tên dự án: Dự án cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lưu.
2. Tên nhà đầu tư: Ông Lê Quang Hùng.

- Số chứng minh thư nhân dân: 183216344, cấp ngày 14/6/2008, do Công an Hà Tĩnh cấp.



- Địa chỉ: Xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Mục tiêu đầu tư: Phát triển mô hình nuôi lợn giống cung cấp cho địa bàn huyện và vùng phụ cận mang lại hiệu quả kinh tế cao trên địa bàn, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới của xã.

4. Quy mô dự án: Xây dựng hệ thống nuôi lợn giống chất lượng cao theo công nghệ khép kín đảm bảo vệ sinh môi trường với các hạng mục chính: Nhà văn phòng điều hành, khu khử trùng, hệ thống chuồng trại khép kín, hệ thống xử lý môi trường,...

5. Địa điểm xây dựng: Khu vực Trại Vịt, xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà.

6. Diện tích sử dụng đất, ranh giới khu đất:

- Diện tích sử dụng đất: 4,9ha.

- Phạm vi ranh giới khu đất:

+ Phía Bắc giáp: Đất UBND xã quản lý;

+ Phía Nam giáp: Đường vào khu chăn nuôi tập trung;

+ Phía Đông giáp: Đất UBND xã quản lý;

+ Phía Tây giáp: Trại ông Trương Huy Thành.

7. Tổng mức đầu tư dự kiến: 14.000 triệu đồng (Mười bốn tỷ đồng).

8. Nguồn vốn: Vốn tự có của Nhà đầu tư và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

9. Hình thức đầu tư: Nhà đầu tư trực tiếp đầu tư thực hiện dự án.

10. Phương án quản lý, vận hành dự án: Nhà đầu tư trực tiếp quản lý và vận hành dự án.

11. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất.

12. Tiến độ thực hiện Dự án: Hoàn thành toàn bộ dự án đưa vào hoạt động trong thời gian 10 tháng kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất.

13. Các ưu đãi đầu tư đối với dự án: Dự án được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giao các phòng, ban và địa phương:

1. Phòng Tài chính – Kế hoạch: hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện đầy đủ các hồ sơ, thủ tục đầu tư để triển khai dự án theo đúng quy định; chủ trì, phối hợp với các phòng, ngành và địa phương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện dự án của Nhà đầu tư; kịp thời tham mưu UBND huyện xử lý, thu hồi chủ trương đầu tư, chấm dứt hoạt động dự án nếu Nhà đầu tư vi phạm các quy định trong quá trình chuẩn bị đầu tư và thực hiện Dự án theo đúng quy định.

2. Phòng Kinh tế - Hạ tầng: hướng dẫn nhà đầu tư lập quy hoạch mặt bằng sử dụng đất trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và tổ chức

thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn chính quyền địa phương, Nhà đầu tư khẩn trương thực hiện công tác giải phóng mặt bằng (nếu có) và thực hiện các hồ sơ, thủ tục về đất đai, môi trường theo đúng quy định; theo dõi, giám sát việc sử dụng đất và thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường của dự án.

4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp các phòng, ngành liên quan và chính quyền địa phương hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện các nội dung quy trình kỹ thuật nuôi theo các tiêu chuẩn để hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đúng quy định.

5. UBND xã Thạch Lưu chỉ đạo Nhà đầu tư khẩn trương triển khai thực hiện dự án, giám sát, theo dõi việc thực hiện dự án, kiến nghị UBND huyện về những vấn đề phát sinh có liên quan đến Dự án.

Điều 3. Yêu cầu Nhà đầu tư (ông Lê Quang Hùng):

1. Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo đúng quy định và thực hiện dự án đúng tiến độ cam kết.

2. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm có báo cáo bằng văn bản gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch về tình hình thực hiện dự án đầu tư, gồm các nội dung: Tiến độ xây dựng dự án, vốn đầu tư thực hiện, kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, xử lý và bảo vệ môi trường, các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động và các nội dung liên quan của dự án.

Điều 4. Sau thời hạn 03 tháng kể từ ngày ban hành Quyết định này, Nhà đầu tư không hoàn thành hồ sơ, thủ tục; không triển khai xây dựng dự án; thực hiện không đúng, không đầy đủ các nội dung cam kết hoặc các nội dung quy định tại Quyết định này thì UBND huyện sẽ thu hồi Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và không hoàn trả các chi phí liên quan đến các công việc đã thực hiện đối với dự án của Nhà đầu tư.

Điều 5. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính – Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng; Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tài nguyên – Môi trường; Ủy ban nhân dân xã Thạch Lưu, Nhà đầu tư (Ông Lê Quang Hùng) và Thủ trưởng các phòng, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Đã*

Nơi nhận:

- Như điều 2; PHÒNG CÔNG CHỨNG HỒNG LAM
- TT HU, TT HĐND huyện; PHÒNG VIỆN
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu VT, TCKH.



NGUYỄN ĐUU TÀI

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Việt Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Số: 6689/QĐ-UBND

Thạch Hà, ngày 08 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm khảo sát, lập quy hoạch dự án cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lư

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tạm thời trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển chăn nuôi, vùng chăn nuôi tập trung và Quy hoạch phát triển trang trại, vùng trang trại chăn nuôi lợn tập trung công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020;

Xét Tờ trình ngày 30/9/2015 của nhà đầu tư ông Lê Quang Hùng đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm khảo sát, lập quy hoạch dự án cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lư;

Theo đề nghị của các phòng: Tài chính – Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tài nguyên – Môi trường; Ủy ban nhân dân xã Thạch Lư tại Biên bản làm việc ngày 21/9/2015;

Theo ý kiến thống nhất của các Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lư:

1. Tên dự án: Dự án cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lư.

2. Tên nhà đầu tư: Ông Lê Quang Hùng.

- Số chứng minh thư nhân dân: 183216344, cấp ngày 14/6/2008, do Công an Hà Tĩnh cấp.

**UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1424/SNN-ĐTQH

V/v điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chăn
nuôi lợn tập trung công nghiệp tại xã
Thạch Lưu, huyện Thạch Hà.

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 8 năm 2016

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Thạch Hà.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Văn bản số 1244/UBND ngày 08/7/2016 và văn bản số 1325/UBND-NN ngày 25/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch Hà về việc đề nghị xem xét điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chăn nuôi lợn tập trung công nghiệp tại xã Thạch Lưu; sau khi kiểm tra, xem xét thực tế tại hiện trường và đối chiếu với những quy định hiện hành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

1. Về đề nghị bổ sung quy hoạch:

- Đề nghị UBND huyện Thạch Hà chỉ đạo UBND xã Thạch Lưu, tạo mọi điều kiện và kêu gọi các nhà đầu tư, đầu tư xây dựng các trang trại chăn nuôi phủ kín hết phần diện tích đã được quy hoạch theo Quyết định 1281/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển chăn nuôi, vùng chăn nuôi tập trung và quy hoạch phát triển trang trại, vùng trang trại chăn nuôi lợn tập trung công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, cụ thể: xứ đồng Bãi Cát, thôn Trung Nam 30ha, vùng Đập Bùn, thôn Trung Tiến 27,6ha; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ tham mưu trình UBND tỉnh xem xét bổ sung khi diện tích đã quy hoạch được sử dụng hết.

- Trường hợp thật sự cần thiết, cấp bách thì UBND huyện Thạch Hà chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, phối hợp cùng UBND xã Thạch Lưu, kiểm tra, xem xét, giải trình cụ thể, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ tham mưu trình UBND tỉnh xem xét, quyết định thời gian tới.

2. Đối với cơ sở chăn nuôi lợn nái quy mô 600 con, tại Vùng Bãi Cát, thôn Trung Nam

Vị trí xây dựng có lệch 1/3 diện tích so với vị trí trên bản đồ quy hoạch tổng thể phát triển chăn nuôi, vùng chăn nuôi tập trung và quy hoạch phát triển trang trại, vùng trang trại chăn nuôi lợn tập trung công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, nhưng vẫn thuộc vùng quy hoạch, đảm bảo các tiêu chí được quy định tại Quyết định 1281/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh, do vậy có thể khẳng định "cơ sở chăn nuôi lợn nái quy mô 600 con, tại Vùng Bãi Cát, thôn Trung Nam" vẫn thực hiện đúng quy hoạch được phê duyệt. Vì, theo quy định các loại bản đồ quy hoạch chỉ mang tính minh họa, định vùng là chủ yếu.

3. Đề nghị UBND huyện Thạch Hà chủ động thu hút, hướng dẫn các nhà đầu tư về trình tự, thủ tục, triển khai thực hiện tại các vùng chăn nuôi lợn tập trung đã được quy hoạch theo Quyết định 1281/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh; chỉ đạo các phòng chuyên môn hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi lợn xây dựng đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, môi trường, khi quy hoạch chi tiết trang trại chăn nuôi tại các vùng chăn nuôi phải đảm bảo các tiêu chí theo đúng các quy định hiện hành.

Với nội dung trên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị của UBND huyện Thạch Hà triển khai thực hiện. / *De*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, phó GD phụ trách sở NNPTNT;
- Chi cục chăn nuôi và thú y;
- Đoàn Điều tra QHNN & PTNT;
- Lưu VT.

CHỨNG THỰC BẢN SÀO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực *117* Ngày số *02* SET/MS

13 - 08 - 2018

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HỒNG LAM
CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Hữu Quý



Nguyễn Tuấn Thanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH HÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4244/UBND

Về việc đề nghị xem xét điều chỉnh
quy hoạch chăn nuôi lợn tập trung
công nghiệp tại Thạch Lư

Thạch Hà, ngày 08 tháng 7 năm 2016

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- Đoàn điều tra quy hoạch nông lâm nghiệp.

Thực hiện Quyết định 1281/QĐ-UBND, ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển chăn nuôi, vùng chăn nuôi tập trung và quy hoạch quy hoạch phát triển trang trại, vùng trang trại chăn nuôi lợn tập trung công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020; Kế hoạch số 4111/KH-UBND, ngày 01/12/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phát triển giống lợn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 – 2015 định hướng đến năm 2020. Ủy ban nhân dân huyện Thạch Hà đã tập trung chỉ đạo, tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở chăn nuôi lợn nái ngoại; hiện nay đã có 03 cơ sở đầu tư xây dựng, quy mô 600 con/lứa tại Ngọc Sơn, Thạch Lư và Thạch Đài. Tuy nhiên, cơ sở tại xã Thạch Lư vị trí xây dựng một phần diện tích nằm ngoài quy hoạch tại Quyết định 1281/QĐ-UBND, ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh. Cụ thể vị trí của cơ sở được giới hạn bởi 8 điểm có tọa độ như sau (tọa độ VN 2000):

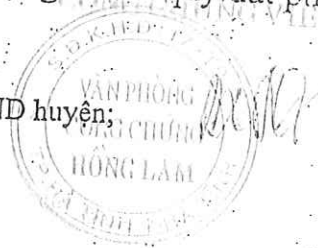
Điểm	X	Y
Đ1	535327,6765	2025895,0427
Đ2	535349,6162	2025922,4272
Đ3	535368,4270	2025945,9063
Đ4	535465,8083	2026067,4551
Đ5	535667,2732	2025880,4143
Đ6	535557,3232	2025770,5343
Đ7	535536,0930	2025749,3142
Đ8	535511,3187	2025724,5568

Vì vậy, đề triển khai thực hiện UBND huyện Thạch Hà kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Đoàn điều tra quy hoạch nông lâm nghiệp kiểm tra, xem xét, có phương án tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, đồng thời xem xét điều chỉnh chung cho quy hoạch chăn nuôi lợn của toàn vùng Bãi Cát – thôn Trung Nam và Đập Bùn - thôn Trung Tiến của xã Thạch Lư để tận dụng tối đa quỹ đất phát triển chăn nuôi tập trung.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT;
- Phòng TNMT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hải

Quang

**CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG
VIỆT THÁI**

Số 32 /CV-VT

V/v xin phép xả nước thải của dự án “Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lư”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Thạch Lư

Tên tôi là: Lê Quang Hùng

Chủ dự án “Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lư”.

Quá trình triển khai dự án có gây ra một số tác động về mặt môi trường, trong đó đáng kể nhất là nước thải sản xuất của dự án phát sinh trong giai đoạn vận hành. Theo tính toán, dự kiến khối lượng nước thải sản xuất của dự án khoảng 90 m³/ngày. Vị trí tiếp nhận nước thải là mương tiêu thoát nước nội đồng phía Tây Nam khu vực dự án, thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân xã Thạch Lư.

Chúng tôi xin cam kết về chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy định theo QCVN 62-MT/2016 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi cũng như tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường khi dự án đi vào hoạt động.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã Thạch Lư cho phép Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái được phép xả nước thải của dự án vào nguồn tiếp nhận là mương tiêu thoát nước nội đồng xã Thạch Lư.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

CHỦ DỰ ÁN


Lê Quang Hùng

UBND XÃ THẠCH LƯU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/CV-UBND

V/v cho phép xả nước thải của dự án “Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lưu” vào kênh Biền.

Thạch Lưu, ngày 30 tháng 8 năm 2016

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh.

Sau khi nhận được Công văn số 32/CV-VT của ông Lê Quang Hùng về việc xin phép xả nước thải của dự án “Cơ sở sản xuất lợn giống tại xã Thạch Lưu”, Ủy ban nhân dân xã Thạch Lưu đã khảo sát, xem xét và có một số ý kiến như sau:

1. Vị trí xả nước thải chăn nuôi của cơ sở nằm về phía Tây Nam khu đất thực hiện dự án (có tọa độ theo hệ tọa độ quốc gia VN2000: X = 535514; Y = 2025715) là mương tiêu thoát nước nội đồng xã Thạch Lưu (mương này do Dự án “Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái” tự làm), không phục vụ mục đích cấp nước sinh hoạt, mương chạy dọc theo tuyến đường bê tông và cuối cùng chảy ra kênh Biền cách vị trí dự án khoảng 300m. Nước tại kênh Biền không phục vụ cho mục đích tưới tiêu nông nghiệp, không phục vụ mục đích cấp nước sinh hoạt.

2. Công nghệ xử lý nước thải của Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái (giai đoạn vận hành) có hiệu quả cao trong việc xử lý nước thải chăn nuôi. Nước thải sau khi xử lý có chất lượng đảm bảo theo quy định tại QCVN 62-MT:2016 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

3. Đồng ý cho phép Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái do ông Lê Quang Hùng làm Chủ dự án được phép xả nước thải chăn nuôi vào nguồn tiếp nhận là kênh Biền, xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên, nước thải phải được xử lý đúng theo quy trình công nghệ được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, chất lượng nước thải sau xử lý phải đảm bảo có nồng độ các chất ô nhiễm đạt quy định tại QCVN 62-MT:2016 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

Ủy ban nhân dân xã Thạch Lưu kính đề nghị UBND tỉnh Hà Tĩnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và tạo điều kiện cho dự án sớm đi vào hoạt động. / *ĐK*

Nơi nhận:

- Như trên;
- (Ông) Lê Quang Hùng;
- Lưu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THẠCH LƯU
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hùng



Nguyễn Văn Hùng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

V/v: thu mua phân của cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lư, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH 13 ngày 24/11/2015

Căn cứ Bộ Luật thương mại số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của 2 bên;

Hôm nay, ngày tháng năm 201 , tại văn phòng Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái, chúng tôi gồm:

BÊN A: CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI

Đại diện là (ông): Lê Quang Hùng chức vụ: Chủ trang trại

Địa chỉ: xã Thạch Lư, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0913.928.939

BÊN B: TRẠI GIAM XUÂN HÀ.

Địa chỉ: xã Thạch Lư, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

Người đại diện: Ông Nguyễn Đình Hoàng - Chức vụ:

Điện thoại: 0913.10.1345

Số tài khoản:

Bên A là cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi lợn giống tại xã Thạch Lư, huyện Thạch Hà, có khả năng cung cấp phân lợn; Bên B là một đơn vị cần sử dụng phân để đảm bảo cho hoạt động trong trồng rau. có nhu cầu thu mua phân về ủ để trồng rau cung cấp nguồn thực phẩm cho trại giam;

Sau khi thỏa thuận, hai Bên cùng đồng ý ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc cung ứng hàng hóa phân cho bên B (sau đây gọi là “Hợp đồng”) với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên B sẽ tiến hành thu gom vận chuyển phân lợn, bùn trong quá trình nạo vét hệ thống xử lý nước thải về ủ bón cho cây trồng.

Điều 2: Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện cứ định kỳ 1 tuần 1 lần bên A đóng phân vào bao 2 lớp bên B sẽ sang vận chuyển về trại giam để ủ bón cho cây trồng nhằm cung cấp lương thực, thực phẩm cho trại giam.

Trong trường hợp bên A nạo vét bùn các hồ sinh học sẽ liên hệ trực tiếp với bên B để sang vận chuyển bùn thải về ủ phân.

Điều 3: Kinh phí và phương thức thanh toán

Kinh phí thực hiện hợp đồng: Kinh phí thực hiện hợp đồng được xác định theo khối lượng công việc thực hiện và theo đơn giá thỏa thuận.

Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Thanh toán 100% kinh phí đã xác định khi bên B hoàn thành khối lượng công việc của từng đợt.

Điều 4: Trách nhiệm và nghĩa vụ mỗi bên

* Bên A cam kết:

Cung cấp lượng phân lợn ổn định cho bên B sản xuất.

Chuyển kinh phí và thanh toán cho bên B theo Điều 3 của Hợp đồng này.

* Bên B cam kết:

Thực hiện việc thu gom phân theo đúng quy định, ra vào trang trại phải được sự đồng ý của Cơ sở chăn nuôi.

Trong trường hợp bên A yêu cầu sang thu gom thì bên B cũng phối hợp để vận chuyển phân về.

Quá trình vận chuyển không để rơi vãi phân ra, nếu xảy ra rơi vãi thì sẽ có biện pháp tổ chức thu gom.

Điều 5: Các điều khoản khác

Hai bên cam kết thực hiện hợp đồng như các điều khoản đã ký. Trong quá trình thực hiện nếu có điều khoản nào cần thay đổi hai bên sẽ cùng bàn bạc và giải quyết.

Mọi thay đổi, bổ xung trong các điều khoản bổ xung của Hợp đồng này phải được hai bên chấp nhận bằng văn bản và coi là phụ lục Hợp đồng.

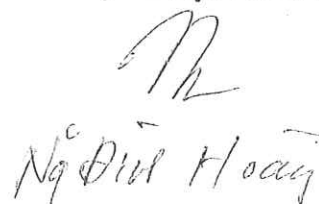
Hợp đồng có giá trị từ ngày ký và được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Lê Quang Hùng

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Hoàng



BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

“ Về việc mua sắm, sản xuất và lắp đặt hệ thống thiết bị trang trại chăn nuôi
lợn nái công nghiệp”

Số: 16/HĐKT/2016

ĐỊA ĐIỂM LẮP ĐẶT:
THÔN TRUNG NAM, XÃ THẠCH LƯU, HUYỆN THẠCH HÀ,
TỈNH HÀ TĨNH

GIỮA

CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI
VÀ

CƠ SỞ SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CHẾ TẠO HỢP NHẤT

HÀ TĨNH, NĂM 2016

Handwritten signature

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

“Về việc mua sắm, sản xuất và lắp đặt hệ thống thiết bị trang trại chăn nuôi lợn nái công nghiệp”

Căn cứ luật dân sự và luật thương mại của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ban hành ngày 14/06/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006.

Căn cứ nghị định số 37/2015/NĐ – CP ngày 22/4/2015 của chính phủ về hợp đồng xây dựng.

Căn cứ thông tư số 09/2011/TT – BXD ngày 28 tháng 06 năm 2011 của Bộ xây dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng.

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 02 năm 2016, tại trụ sở Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái, Thôn Trung Nam, xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà – tỉnh Hà Tĩnh gồm có:

Tên chủ đầu tư: (Gọi tắt là bên A):

CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI

Địa chỉ: thôn Trung Nam, xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Điện thoại: 0984 384 939

Đại diện: Lê Quang Hùng

Chức vụ: Chủ đầu tư

Tên nhà thầu (sau đây gọi là Bên B): CƠ SỞ SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CHẾ TẠO HỢP NHẤT

Địa chỉ: Xã Hưng Thắng – huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0917.108.046

Số CMND: 182398350 do CA Nghệ An cấp ngày 27/8/2016

Đại diện ông: Phan Văn Thuật Chức vụ: Chủ thầu

Số TK: 0641 000 022 621 tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Bắc Hà Tĩnh

Sau khi bàn bạc hai bên thỏa thuận ký hợp đồng kinh tế gồm các điều khoản như sau:

Điều 1: Về kế hoạch lắp đặt và nhận mua sắm, sản xuất lắp đặt hệ thống thiết bị trang trại chăn nuôi lợn nái công nghiệp.

1.1. Bên A đồng ý thuê, bên B đồng ý nhận mua sắm, gia công lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống thiết bị trang trại chăn nuôi lợn nái công nghiệp.

1.2: Khối lượng đơn giá dự toán như sau:

TT	Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Giá trị hợp đồng
----	-----------	-----	----------	---------	------------------

Luc

1	Thiết bị nhà mang thai: 1 nhà KT: 21,6mx60m	nhà	1	1.013.860.000	1.013.860.000
2	Thiết bị nhà nái đẻ: 02 nhà KT: 15,2mx43m	nhà	2	696.880.000	1.393.760.000
3	Thiết bị nhà cai sữa: 02 nhà KT: 15mx43m	nhà	2	359.720.000	719.440.000
4	Thiết bị chuồng đực: 01 nhà (KT: 7mx36m)	nhà	1	160.100.000	160.100.000
5	Thiết bị nhà pha chế tinh	nhà	1	97.860.000	97.860.000
6	Máy ép phân	cái	1	190.000.000	190.000.000
7	Hệ thống ao Biogas	ao	1	445.511.000	445.511.000
8	Hệ thống nhà sát trùng người	nhà	1	34.471.215	34.471.215
9	Hệ thống nhà sát trùng xe	nhà	1	22.000.000	22.000.000
TỔNG CỘNG					4.077.002.215

Bằng chữ: Bốn tỷ, không trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm lẻ hai nghìn, hai trăm mười lăm đồng chẵn

1.3. Bên B cung cấp lắp đặt thiết bị cho bên A theo số lượng, chủng loại nêu tại phụ lục hợp đồng số 01/PLHD kèm theo

1.4. Về thuế:

+ Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%.

Điều 2. Khối lượng và chất lượng:

2.1. Khối lượng trên là khối lượng tạm tính, khối lượng thanh toán là khối lượng thực tế đã thi công và bàn giao giữa hai bên.

2.2. Chất lượng: hàng mới 100% đảm bảo chất lượng quy cách, kích thước mẫu chuồng mà bên B đã thi công cho các đơn vị trước.

Điều 3. Phương thức, địa điểm giao hàng, lắp đặt và nghiệm thu

3.1. Bên B thực hiện toàn bộ hợp đồng cung cấp hàng hóa, theo tiến độ của Bên A đến ngày 31/07/2016 bàn giao đưa vào sử dụng.

3.2. Địa điểm giao hàng: Thôn Trung Nam, xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

3.3. Yêu cầu kỹ thuật chất lượng: Bên B lắp đặt các thiết bị đúng chủng loại theo phụ lục của hợp đồng này và đảm bảo quy trình tiêu chuẩn kỹ thuật mà bên B đã thực hiện cho các đơn vị trước.

Điều 4. Tạm ứng và thanh toán hợp đồng

4.1. Về tạm ứng:

Bên A cho bên B tạm ứng số tiền: **600.000.000 đồng** *Bằng chữ: (Sáu trăm triệu đồng chẵn)* (trước khi bên B thực hiện lắp đặt thiết bị).

4.2. Về thanh toán:

Khi bên B thi công công trình thì hai bên tiến hành nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng thì bên A phải thanh toán 95% của giá trị khối lượng hoàn thành trong thời gian không quá 60 ngày.

4.3. Số tiền còn lại bên A sẽ thanh toán cho bên B sau khi hết thời gian bảo hành.

Điều 5: Trách nhiệm của mỗi bên:

5.1. Trách nhiệm bên A:

- Bàn giao mặt bằng lắp đặt sạch cho bên B để thi công. Đảm bảo an toàn lao động cho bên B thi công.
- Cử cán bộ quản lý cùng bên B theo dõi thực hiện lắp đặt thiết bị.
- Bên A có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra quy cách, số lượng, chất lượng sản phẩm bên B giao.
- Chịu chi phí phát sinh ngoài hợp đồng như điện, nước, sân bãi..
- Cùng bên B bảo quản tài sản, thiết bị máy móc khi bên B tham gia thi công.

- Đào các hố bioga và các hố lọc của hệ thống nước thải để bên B lắp đặt và khi bên B lắp đặt xong bên A hỗ trợ máy để đào lấp các thiết bị đã lắp đặt tại hệ thống nước thải.

- Thanh toán mọi chi phí phát sinh ngoài hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận.
- Cho bên B tạm ứng và thanh toán kịp thời theo cam kết trên.

5.2. Trách nhiệm bên B:

- Vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, lắp đặt thiết bị đến khi bàn giao đưa vào sử dụng.
- Lắp đặt đầy đủ thiết bị đưa vào sử dụng đúng thời gian hợp đồng đã ký.
- Tự tổ chức ăn, nghỉ sinh hoạt cho công nhân lắp đặt thiết bị.
- Công nhân lắp đặt ở lại qua đêm phải có chứng minh nhân dân để đăng ký tạm trú ở địa phương.
- Trong thời gian lắp đặt phải đảm bảo an toàn lao động
- Trước khi bàn giao đưa vào sử dụng thì bên B có trách nhiệm hướng dẫn vận hành, sử dụng cho bên A.

Điều 6: Bảo hành công trình:

- Bên B có trách nhiệm thực hiện bảo hành sau khi bàn giao cho Bên A. Nội dung bảo hành công trình bao gồm khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc khi công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của nhà thầu gây ra như bảo hành mô tơ quạt hút công nghiệp, bạt bioga HDPE, các mối hàn và đảm bảo có gas để phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

- Thời gian bảo hành ít nhất 180 ngày được tính từ ngày bên A ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

- Bên B không bảo hành trong trường hợp sau: do thiên tai, lũ lụt cháy nổ, chập điện, vi phạm nguyên tắc sử dụng để hỏng hóc hoặc do ngoại cảnh tác động. vv...

- Việc sửa chữa bảo hành nếu do bên B thì bên B chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí, hoặc hư hỏng do ngoại cảnh, hoặc bên A gây nên thì bên B có trách nhiệm sửa chữa, nhưng bên A phải thanh toán mọi chi phí cho Bên B.

Điều 7: Vi phạm hợp đồng

Trong trường hợp bên A hoặc bên B không thực hiện hợp đồng thì bên A hoặc B phải chịu mức phạt 10% giá trị hợp đồng.

Trường hợp bên B giao hàng chậm theo điều 3 của hợp đồng (trừ trường hợp bất khả kháng như bão, lũ lụt, chiến tranh, hỏa hoạn...) bên B phải chịu mức phạt không thay đổi như sau:

Phạt 1,67% giá trị của đợt giao hàng chậm nhưng tổng số tiền phạt không vượt quá 10% tổng giá trị hợp đồng.

Trong trường hợp sau 60 ngày kể từ ngày hai bên tiến hành nghiệm thu khối lượng hoàn thành đầu vào sử dụng mà bên A vẫn chưa thanh toán cho Bên B thì bên A phải chịu mức phạt 1,67% tính cho 1 ngày trả chậm, nhưng tổng số tiền phạt không vượt quá 10% tổng giá trị hợp đồng.

Điều 8: Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng điều khoản ghi trong hợp đồng. Nếu có phát sinh khó khăn, trở ngại hai bên thông báo cho nhau và tích cực bàn bạc giải quyết.

Trường hợp vướng mắc hai bên không giải quyết được thì hai bên đưa ra tòa án kinh tế nơi thực hiện để giải quyết, quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng để hai bên thực hiện, án phí bên có lỗi chịu.

Mọi thay đổi hay bổ sung nào cho hợp đồng này đều phải được chấp thuận bằng văn bản và được đại diện có thẩm quyền hai bên ký. Những sự thay đổi và sửa chữa này xem như là một phần không thể tách rời của hợp đồng.

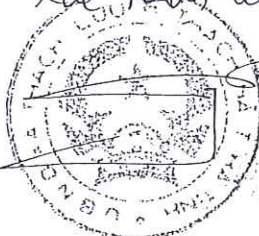
Hợp đồng này lập thành 04 bản mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



TRƯỞNG VĂN PHÒNG
CCV- Nguyễn Bích Uyên



Phan Văn Thúc
Xác nhận và ký

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG
SỐ 01/PLHĐ

TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Giá trị hợp đồng
I	NHÀ MANG THAI: 1 nhà KT: 21,6mx60m		1		
1	Chuồng heo mang thai 0,65mx2,0m (2 con 1 cây nùm uống, có máng ăn inox dày 1,2mm, hàn lắp ghép kiểu lưng cong dùng sắt đặc Ø18, chân sắt đặc Ø8, sắt dằng chuồng Ø16, cần gạt máng tuýp xoắn máng ăn Ø42)	chuồng	520	1.200.000	624.000.000
2	Vách đầu dãy chuồng mang thai (kiểu lưng cong dùng sắt đặc Ø18)	vách	12	600.000	7.200.000
3	Cửa chắn lối đi nhà mang thai SĐ Ø18 (kt: 50cmx70cm)	cái	28	110.000	3.080.000
4	Bảng thẻ chuồng hậu bị (Inox430kt: 20cmx15cm)	cái	522	40.000	20.880.000
5	Cọc + cáp treo biển (kt: 30m cọc tuýp Ø, dây cáp bọc nhựa 3mm)	dây	12	450.000	5.400.000
6	X đẩy cám + xúc cám xe đẩy 4 bánh, thùng inox 430(kt: 60cmx60cmx90cm)	dây	2	2.000.000	4.000.000
7	Xe đẩy phân khung sắt V4, kt: 80cmx60cm	cái	1	1.200.000	1.200.000
8	Quạt hút công nghiệp 50" (kt: 1380x1380x400(mm), 6 cánh dập inox, mô tơ: 1,1kw/hp 3 phase, 380 V)	cái	10	6.000.000	60.000.000
9	tủ điều khiển hệ thống quạt (điều khiển 5 quạt, cảm biến nhiệt, báo mất pha, khởi động từ, rowle nhiệt)	cái	2	8.000.000	16.000.000
10	Giấy làm mát Coodling pad: kt:1800x600x150(mm), màu đen chống rỉ)	tấm	90	620.000	55.800.000
11	Lưới chống chuột inox (lưới mắt cáo)	m ²	110	100.000	11.000.000
12	Vách chắn giấy tuýp Ø27, Ø21 (kt: 0,7mx5m bảo vệ giấy khi lừa heo)	vách	4	1.000.000	4.000.000
13	Máy bơm nước giàn mát 750w	cái	2	1.200.000	2.400.000
14	Hệ thống điện chiếu sáng và điện quạt nhà mang thai	nhà	1	15.000.000	15.000.000
15	Tủ điều khiển máy bơm giàn mát (2 máy bơm)	nhà	1	2.600.000	2.600.000
16	Hệ thống nước nhà mang thai	nhà	1	15.000.000	15.000.000
17	Máy bơm cáo áp rửa chuồng 5,5kw	bộ	1	9.000.000	9.000.000
18	Chuồng đực (KT: 2mx2m)	cái	1	3.400.000	3.400.000
19	Chuồng ép phối (4,5mx2m)	cái	1	3.500.000	3.500.000
20	Đường ống tuýp kẽm Ø 21 chia đường cao áp + dây rửa chuồng	nhà	1	9.000.000	9.000.000
21	Bồn đựng nước khử trùng 500l	cái	1	1.500.000	1.500.000
22	Khung giấy làm mát nhà nái đẻ, khung V4 inox 430, dày 2mm: kt: 5x1,89(m), không bao gồm lưới chống chuột và hệ thống chia nước)	khung	4	1.200.000	4.800.000
23	Vách chắn quạt	cái	10	800.000	8.000.000
24	Tủ điều khiển máy bơm cao áp	cái	1	3.500.000	3.500.000
25	Đan BT 50mx1,2mx6cm	tấm	1.080	95.000	102.600.000

TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Giá trị hợp đồng
26	Chí phí vận chuyển	chuyển	6	3.500.000	21.000.000
	Tổng cộng I			-	1.013.860.000
II	NHÀ NÁI ĐÈ: 02 nhà KT: 15,2mx43m		2	-	
1	Chuồng heo nái đẻ 1,8x2,2(m), khung SN inox nhựa Nhật Tiến cho heo con, hai núm uống, máng inox, chuồng kế tiếp dùng sắt đặc: Ø18, Ø9	chuồng	176	5.200.000	915.200.000
2	Vách đầu dãy chuồng nái đẻ	vách	8	600.000	4.800.000
3	Cửa chắn lối đi nhà nái đẻ, SĐ Ø18: kt:50x70(cm)	cái	32	150.000	4.800.000
4	Bảng thẻ chuồng nái đẻ + cọc Ø 27 bảng thẻ tôn sắt 2mm (kt: 30cmx60cm, cọc Ø18 dài 50cm)	bộ	88	100.000	8.800.000
5	Xe đẩy cám + xúc cám, xe đẩy 4 bánh, (thùng inox 430: kt: 60x60x90(cm)	cái	2	2.000.000	4.000.000
6	Xe đẩy phân, khung sắt V4 (kt: 80cmx60cm)	cái	2	1.200.000	2.400.000
7	Chuồng úm heo con hình chữ L (kt:105cmx40cm bung tôn kín, có nắp đậy và cửa ra vào)	cái	176	550.000	96.800.000
8	Bóng úm hồng ngoại 175w: (Điện áp 1phase 220V, đui sứ, ánh sáng tím công dụng làm ấm và diệt khuẩn không khí)	cái	176	95.000	16.720.000
9	Quạt hút CN 50" (KT:1380mx1380mx400mm, 06 cánh dập inox, mô tơ: 1.1 kw/hp 3 phase, 380V)	cái	4	5.200.000	20.800.000
10	Tủ điều khiển hệ thống quạt (Điều khiển 3 quạt, cảm biến nhiệt, báo mất pha, khởi động từ, rơ le nhiệt, chuông báo động)	cái	8	5.500.000	44.000.000
11	Quạt hút CN 36" nhập ĐL liên doanh TQ: KT: 1060x1060 x400(mm), 6 cánh inox: Công suất mô tơ: 0,55 kw/hp: sử dụng nguồn điện 3 phase, 380V	Cái	8	5.000.000	40.000.000
12	Giấy làm mát Coodling pad (kt:1800x600x150(mm), màu đen chống rỉ)	cái	52	620.000	32.240.000
13	Khung giấy làm mát nhà nái đẻ, khung V4 inox 430, dày 2mm: (kt: 5mx1,8m, không bao gồm lưới chống chuột và hệ thống chia nước)	khung	8	1.200.000	9.600.000
14	Lưới chống chuột inox (lưới mắt cáo)	m ²	140	100.000	14.000.000
15	Vách chắn giấy: Tuýp Ø 27, Ø21 (kt: 0,7mx3,0m bảo vệ giấy khi lừa heo)	vách	8	1.000.000	8.000.000
16	Máy bơm nước giàn mát 750w	cái	4	1.250.000	5.000.000
17	Tủ điều khiển máy bơm giàn mát	cái	2	3.500.000	7.000.000
18	Hệ thống điện chiếu sáng và quạt nhà nái đẻ	dây	2	12.000.000	24.000.000
19	Hệ thống nước nhà nái đẻ	nhà	2	11.000.000	22.000.000
20	Máy bơm cao áp rửa chuồng 5,5kw	bộ	2	9.000.000	18.000.000
21	Tủ điều khiển máy bơm cao áp	cái	2	3.500.000	7.000.000
22	Hệ thống điện bóng úm	nhà	2	8.000.000	16.000.000
23	Đường ống tuýp kẽm Ø 21 chia đường cao áp + dây rửa chuồng	nhà	2	9.000.000	18.000.000
24	Bồn đựng nước khử trùng 500 lít	cái	2	1.500.000	3.000.000
25	Vách chắn quạt 1,4	vách	12	800.000	9.600.000

TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Giá trị hợp đồng
26	Vách chắn quạt 1,1			600.000	-
27	Chi phí vận chuyển	chuyển	12	3.500.000	42.000.000
	Tổng cộng II (1 NHÀ)			-	1.393.760.000
III	NHÀ CAI SỮA: 02 nhà KT: 15mx43m		2	-	
1	Chuồng cai sữa sắt đặc 2m x4m	chuồng	40	4.500.000	180.000.000
2	Nhựa 40cmx40cm	tấm	2.000	65.000	130.000.000
3	Máng 1 bao Inox	cái	40	950.000	38.000.000
4	Vách đầu dây chuồng cai sữa	vách	4	500.000	2.000.000
5	Quạt hút CN 50" (KT:1380x1380x400mm, 06 cánh dập inox, mô tơ: 1.1 kw/hp 3 phase, 380V)	cái	8	6.000.000	48.000.000
6	Quạt hút CN 36" nhập ĐL liên doanh TQ: KT: 1060x1060 x400mm, 06 cánh inox: Công suất mô tơ: 0,55 kw/hp: sử dụng nguồn điện 3 phase, 380V	cái	8	5.000.000	40.000.000
7	Tủ điều khiển hệ thống quạt (Điều khiển 4 quạt, cảm biến nhiệt, báo mất pha, khởi động từ, role nhiệt)	cái	4	8.000.000	32.000.000
8	Giấy làm mát Coodling pad kt:1800x600x150mm, màu vàng gỗ, sản xuất theo công nghệ Thái Lan	cái	52	620.000	32.240.000
9	Khung giấy làm mát nhà cai sữa, khung V4 inox 430, dày 2mm: (kt: 5mx1,8m, không bao gồm lưới chống chuột và hệ thống chia nước)	khung	8	1.200.000	9.600.000
10	Lưới chống chuột inox (lưới mắt cáo)	m ²	140	100.000	14.000.000
11	Vách chắn giấy tuýp Ø 27, Ø21 (kt: 0,7mx5.m bảo vệ giấy khi lửa heo)	vách	8	1.000.000	8.000.000
12	Máy bơm nước giàn mát 750w	cái	4	1.200.000	4.800.000
13	Tủ điều khiển máy bơm giàn mát	cái	2	3.500.000	7.000.000
14	vách chuồng heo cai sữa sắt Ø 18 kt: 4mx0,7m)	Vách	16	800.000	12.800.000
15	Cửa chuồng heo cai sữa sắt đặc Ø18	cái	14	150.000	2.100.000
16	Máng TD 2 bao inox,(chân inox hoàn toàn khối lượng cám: 50kg, bền đẹp, cây chỉnh cám dùng rulô mạ kẽm tiện dụng)	cái	14	1.300.000	18.200.000
17	Núm uống inox Ø 21	cái	84	25.000	2.100.000
18	Hệ thống điện chiếu sáng và quạt nhà cai sữa	dây	2	12.000.000	24.000.000
19	Hệ thống nước nhà cai sữa	dây	2	10.000.000	20.000.000
20	Hệ thống bơm cao áp rửa chuồng 5,5kw	cái	2	9.000.000	18.000.000
21	Tủ điều khiển máy bơm cao áp	cái	2	3.500.000	7.000.000
22	Vách chắn quạt 1,4	cái	16	1.000.000	16.000.000
23	Vách chắn quạt 1,1		8	800.000	6.400.000
24	X đẩy cám + xúc cám xe đẩy 4 bánh, thùng inox 430(kt: 60cmx60cmx90cm)	cái	2	2.000.000	4.000.000
25	Xe đẩy phân khung sắt V4, kt: 80cmx60cm	cái	1	1.200.000	1.200.000
26	Đường ống tuýp kẽm Ø 21 chia đường cao áp + dây rửa chuồng	nhà	2	9.000.000	18.000.000
27	Bình đựng nước khử trùng 500 lít	cái	2	1.500.000	3.000.000
28	Chi phí vận chuyển	chuyển	6	3.500.000	21.000.000

TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Giá trị hợp đồng
	Tổng cộng III (1 nhà)			-	719.440.000
IV	CHUÔNG ĐỰC: 01 nhà (KT: 7mx36m)		1	-	
1	Chuông khai thác tinh	Chuông	1	1.800.000	1.800.000
2	Chuông đực	chuông	25	3.600.000	90.000.000
3	Vách đầu dây chuông đực	vách	2	800.000	1.600.000
4	Quạt hút CN 50" (KT:1380x1380x400mm, 6 cánh đập inox, mô tơ: 1.1 kw/hp 3 phase, 380V)	cái	2	6.000.000	12.000.000
5	Quạt hút CN 36" nhập ĐL liên doanh TQ: KT: 1060x1060 x400mm, 6 cánh inox: Công suất mô tơ: 0,55 kw/hp: sử dụng nguồn điện 3 phase, 380V	cái	1	5.000.000	5.000.000
6	Giấy làm mát Coodling pad (kt:1800x600x150mm, màu vàng gỗ)	tấm	10	620.000	6.200.000
7	Khung giấy làm mát nhà cách ly, khung V4 inox 430, dày 2mm: (kt: 3m x1,8m, không bao gồm lưới chống chuột và hệ thống chia nước)		2	1.200.000	2.400.000
8	Lưới chống chuột inox (lưới mắt cáo)	m ²	30	100.000	3.000.000
9	Vách chắn giấy tuýp Ø 27,Ø21 (kt:0,7m x3m bảo vệ giấy khi lửa heo)	vách	2	1.000.000	2.000.000
10	Vách chắn quạt	vách	3	600.000	1.800.000
11	Tủ điện 3 quạt	cái	1	5.000.000	5.000.000
12	Tủ điện máy bơm	cái	1	3.500.000	3.500.000
13	Máy bơm 0,75W	cái	1	2.600.000	2.600.000
14	Hệ thống điện chiếu sáng và quạt nhà đực	nhà	1	8.000.000	8.000.000
15	Hệ thống nước nhà cách ly	nhà	1	7.000.000	7.000.000
16	Giá nhảy cố định: (Kính thước 110x60x44,5cm: Khung làm bằng thép không rỉ, bề mặt được bọc bạt dày)	bộ	1	1.200.000	1.200.000
17	Chi phí vận chuyển	chuyển	2	3.500.000	7.000.000
	Tổng cộng IV				160.100.000
V	NHÀ PHA CHẾ TINH		1		
1	Cốc thủy tinh giữ nhiệt: 25*12cm, nặng 0,7kg)	Cái	6	900.000	5.400.000
2	Kính hiển vi: kết nối máy tính kính 3 mắt, camera kết nối ophaanf mềm và kết nối.	Cái	1	13.000.000	13.000.000
3	Máy làm ẩm phiên kính 360	Cái	1	12.000.000	12.000.000
4	Máy làm ẩm nước dung tích 12l. Vỏ làm bằng nhựa cách nhiệt, điện	Cái	1	2.500.000	2.500.000
5	Bơm chia liều tinh 2l/phút	cái	1	5.600.000	5.600.000
6	Máy hàn tuýp tinh4-6 tuýp 220v/50HZ, Điều chỉnh nhiệt độ, tự động ngắt khi quá nhiệt	Cái	1	8.500.000	8.500.000
7	Tủ bảo ôn 140l 150: Điện áp 220v/50HZ, có bộ điều hòa nhiệt độ và đồng hồ	Cái	1	9.000.000	9.000.000
8	Bình nhựa pha tinh	cái	10	650.000	6.500.000
9	Bình tam giác: loại 500ml	cái	3	800.000	2.400.000
10	Bình tam giác: loại 1000ml	Cái	3	920.000	2.760.000
11	Bình tam giác: loại 2000ml	Cái	3	1.800.000	5.400.000

TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Giá trị hợp đồng
12	Bình tam giác : loại 3000ml	Cái	3	2.900.000	8.700.000
13	Bình đo độ loại 1000ml	Cái	1	1.600.000	1.600.000
14	Hộp vận chuyển tỉnh đi xa	Cái	3	1.500.000	4.500.000
15	Máy dán nhãn liều tỉnh 2 đường 8 số	Cái	1	7.500.000	7.500.000
16	Chi phí vận chuyển	chuyển	1	2.500.000	2.500.000
Tổng cộng V				-	97.860.000
VI	MÁY ÉP PHÂN : 1 MÁY	CÁI	1	190.000.000	190.000.000
VII	HỆ THỐNG AO BIOGAS		1	-	
1	Bạt HDPE 1mm (bạt lót)	m ²	2.861	55.000	157.355.000
2	Bạt HDPE 1mm (bạt phủ)		2.861	80.000	228.880.000
3	Hệ thống ống ra vào, phao xử lý, van xả tự động, thu gas, mắt xích khóa ga	Bộ	1	8.000.000	8.000.000
4	Phi nhựa 200 lít (Phao xử lý biogas)		1	500.000	500.000
5	Công hàn bạt	m ²	5.722	8.000	45.776.000
6	Chi phí vận chuyển + cầu bạt	chuyển	1	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng VI				-	445.511.000
VIII	HỆ THỐNG NHÀ SÁT TRÙNG NGƯỜI	Nhà	1		34.471.215
1	Vật tư thiết bị		1	18.000.000	18.000.000
2	Zic Zắc 304		12	370.000	4.440.000
3	Tủ sát trùng		1	3.500.000	3.500.000
4	Vật tư điện, nước+ cảm biến quang		1	5.000.000	5.000.000
5	Bex phun khử trùng đồng		60	15.520	931.215
6	Máy bơm 2HP	Cái	1	2.600.000	2.600.000
Cộng VIII					34.471.215
IX	HỆ THỐNG NHÀ SÁT TRÙNG XE	Nhà	1	22.000.000	22.000.000
TỔNG CỘNG					4.077.002.215

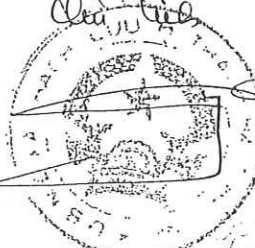
Bảng chữ: Bốn tỷ, không trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm lẻ hai nghìn, hai trăm mười lăm đồng chẵn

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG CÔNG CHỨNG
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

Hà Tĩnh, ngàythángnăm 2016
ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



TRƯỞNG VĂN PHÒNG
CCV-Nguyễn Đức Uyên



Xác nhận UBND xã Thạch Linh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH

- Căn cứ hợp đồng kinh tế số: 1201/HĐKT/2016 “ V/v mua bán thiết bị chăn nuôi công nghiệp và thi công hoàn thiện hệ thống ao Biogas” ký ngày 24 tháng 02 năm 2016 giữa cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái với Công ty TNHH Hùng Đồng.

- Căn cứ khối lượng bàn giao hàng hóa tại công trường.

- Hôm nay, ngày 20 tháng 05 năm 2016, Tại công trình Trang trại Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái: xã Thạch Lưu – huyện Thạch Hà – tỉnh Hà Tĩnh, chúng tôi gồm có:

Tên chủ đầu tư: (Gọi tắt là bên A):

CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI

Địa chỉ: thôn Trung Nam, xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Điện thoại: 0984 384 939

Đại diện: Lê Quang Hùng

Chức vụ: Chủ đầu tư

Tên nhà thầu (sau đây gọi là Bên B):

CÔNG TY TNHH HÙNG ĐỒNG.

Địa chỉ: thôn Hạ Vàng – xã Thiên Lộc – huyện Can Lộc - tỉnh Hà Tĩnh.

Điện thoại: 03513 850.736

Fax: 03513 850.736

Đại diện Ông: Nguyễn Văn Sơn

Chức vụ: P.Giám đốc

Đại diện Ông: Nguyễn Đức Vinh

Chức vụ: Kế toán

Đại diện Bà: Lê Thị Hợp

Chức vụ: Kế toán

1/ Nội dung khối lượng thi công công trình hoàn thành:

TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Số lượng		Ghi chú
			Hợp đồng	Thực tế	
I	NHÀ MANG THAI: 1 nhà KT: 21,6mx60m				
1	Chuồng heo mang thai 0,65mx2,0m (2 con 1 cây nỏm uống, có máng ăn inox dày 1,2mm, hàn lắp ghép kiểu lưng cong dùng sắt đặc Ø18, chân sắt đặc Ø8. sắt dằn chuồng Ø16, cần gạt máng tuýp xỏ máng ăn Ø42)	chuồng	520	520	
2	Vách đầu dây chuồng mang thai (kiểu lưng cong dùng sắt đặc Ø18)	vách	12	12	
3	Cửa chắn lối đi nhà mang thai Sắt Ø18 (kt: 50cmx70cm)	cái	28	28	
4	Bảng thẻ chuồng hậu bị (Inox430kt: 20cmx15cm)	cái	522	522	
5	Cọc + cáp treo biển (kt: 30m cọc tuýp Ø, dây cáp bọc nhựa 3mm)	dây	12	12	
6	Xe đẩy cám + xúc cám xe đẩy 4 bánh, thùng inox 430(kt: 60cmx60cmx90cm)	dây	2	2	
7	Xe đẩy phân khung sắt V4, kt: 80cmx60cm	cái	1	1	

TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Số lượng		Ghi chú
			Hộp đồng	Thực tế	
8	Quạt hút công nghiệp 50" (kt: 1380x1380x400(mm), 06 cánh đập inox, mô tơ: 1,1kw/hp 3 phase, 380 V)	cái	10	10	
9	tủ điều khiển hệ thống quạt (điều khiển 5 quạt, cảm biến nhiệt, báo mất pha, khởi động từ, rowle nhiệt)	cái	2	2	
10	Giấy làm mát Coodling pad: (kt:1800mmx600mmx150mm, màu đen chống riêu)	tấm	90	90	
11	Lưới chống chuột inox (lưới mắt cáo)	m ²	110	110	
12	Vách chắn giấy tuýp Ø27, Ø21 (kt: 0,7mx5m bảo vệ giấy khi lửa heo)	vách	4	4	
13	Máy bơm nước giàn mát 750w	cái	2	2	
14	Hệ thống điện chiếu sáng và điện quạt nhà mang thai	nhà	1	1	
15	Tủ điều khiển máy bơm giàn mát (2 máy bơm)	nhà	1	1	
16	Hệ thống nước nhà mang thai	nhà	1	1	
17	Máy bơm cáo áp rửa chuồng 5,5kw	bộ	1	1	
18	Chuồng đực (KT: 2mx2m)	cái	1	1	
19	Chuồng ép phối (4,5mx2m)	cái	1	1	
20	Đường ống tuýp kẽm Ø 21 chia đường cao áp + dây rửa chuồng	nhà	1	1	
21	Bồn đựng nước khử trùng 500l	cái	1	1	
22	Khung giấy làm mát nhà nái đẻ, khung V4 inox 430, dày 2mm (kt: 5mx1,8m, không bao gồm lưới chống chuột và hệ thống chia nước)	khung	4	4	
23	Vách chắn quạt	cái	10	10	
24	Tủ điều khiển máy bơm cao áp	cái	1	1	
25	Đan BT 50mx1,2mx6cm	tấm	1.080	1.080	
II	NHÀ NÁI ĐẼ: 02 nhà KT: 15,2mx43m			-	
1	Chuồng heo nái đẻ 1,8 x 2,2 (m), khung SN inox nhựa Nhật Tiến cho heo con, hai núm uống, máng inox, chuồng kế tiếp dùng sắt đặc, sắt đặc Ø18, Ø9	chuồng	176	176	
2	Vách đầu dãy chuồng nái đẻ	vách	8	8	
3	Cửa chắn lối đi nhà nái đẻ, SĐ Ø18 (kt: 50cmx70cm)	cái	32	32	
4	Bảng thẻ chuồng nái đẻ + cọc Ø 27 bảng thẻ tôn sắt 2mm (kt: 30cmx60cm, cọc Ø18 dài 50cm)	bộ	88	88	
5	Xe đẩy cám + xúc cám, xe đẩy 4 bánh, (thùng inox 430: kt: 60cmx60cmx90cm)	cái	2	2	
6	Xe đẩy phân, khung sắt V4 (kt: 80cmx60cm)	cái	2	2	
7	Chuồng úm heo con hình chữ L (kt:105cmx40cm bụng tôn kín, có nắp đậy và cửa ra vào)	cái	176	176	
8	Bóng úm hồng ngoại 175w: (Điện áp 1phase 220V, đui sứ, ánh sáng tím công dụng làm ấm và diệt khuẩn không khí)	cái	176	176	

TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Số lượng		Ghi chú
			Hợp đồng	Thực tế	
9	Quạt hút CN 50" (KT:1380mx1380mx400mm, 06 cánh dập inox, mô tơ: 1.1 kw/hp 3 phase, 380V)	cái	4	4	
10	Tủ điều khiển hệ thống quạt (Điều khiển 3 quạt, cảm biến nhiệt, báo mất pha, khởi động từ, rơ le nhiệt, chuông báo động)	cái	8	8	
11	Quạt hút CN 36" nhập ĐL liên doanh TQ: KT: 1060x1060 x400mm,, 06 cánh inox: Công suất mô tơ: 0,55 kw/hp: sử dụng nguồn điện 3 phase, 380V	Cái	8	8	
12	Giấy làm mát Coodling pad (kt:1800mmx600mmx150mm, màu đen chống riêu)	cái	52	52	
13	Khung giấy làm mát nhà nái dề, khung V4 inox 430, dày 2mm: (kt: 5mx1,8m, không bao gồm lưới chống chuột và hệ thống chia nước.)	khung	8	8	
14	Lưới chống chuột inox (lưới mắt cáo)	m ²	140	140	
15	Vách chắn giấy: Tuýp Ø 27, Ø21 (kt: 0,7mx3,0m bảo vệ giấy khi lửa heo)	vách	8	8	
16	Máy bơm nước giàn mát 750w	cái	4	4	
17	Tủ điều khiển máy bơm giàn mát	cái	2	2	
18	Hệ thống điện chiếu sáng và quạt nhà nái dề	dây	2	2	
19	Hệ thống nước nhà nái dề	nhà	2	2	
20	Máy bơm cao áp rửa chuồng 5,5kw	bộ	2	2	
21	Tủ điều khiển máy bơm cao áp	cái	2	2	
22	Hệ thống điện bóng úm	nhà	2	2	
23	Đường ống tuýp kẽm Ø 21 chia đường cao áp + dây rửa chuồng	nhà	2	2	
24	Bồn đựng nước khử trùng 500 lít	cái	2	2	
25	Vách chắn quạt 1,4	vách	12	12	
III	NHÀ CAI SỮA: 02 nhà KT: 15mx43m				
1	Chuồng cai sữa sắt đặc 2m x4m	chuồng	40	40	
2	Nhựa 40cmx40cm	tấm	2.000	2.000	
3	Máng 1 bao Inox	cái	40	40	
4	Vách đầu dây chuồng cai sữa	vách	4	4	
5	Quạt hút CN 50" (KT:1380x1380x400mm, 06 cánh dập inox, mô tơ: 1.1 kw/hp 3 phase, 380V)	cái	8	8	
6	Quạt hút CN 36" nhập ĐL liên doanh TQ: KT: 1060x1060 x400mm, 06 cánh inox: Công suất mô tơ: 0,55 kw/hp: sử dụng nguồn điện 3 phase, 380V	cái	8	8	
7	Tủ điều khiển hệ thống quạt (Điều khiển 4 quạt, cảm biến nhiệt,báo mất pha, khởi động từ, rơ le nhiệt)	cái	4	4	
8	Giấy làm mát Coodling pad kt:1800x600x150mm, màu vàng gỗ, sản xuất theo công nghệ Thái Lan	cái	52	52	
9	Khung giấy làm mát nhà cai sữa, khung V4 inox 430, dày 2mm: (kt: 5mx1,8m, không bao gồm lưới chống	khung	8	8	

K.H.Đ: 12
VĂN PHÒNG
CÔNG CHỨC
HỒNG LAM
TỈNH T.H.A

21265

ÔNG TY
N.H.I
NG ĐỒ

ĐC: T.H.A

TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Số lượng		Ghi chú
			Hộp đồng	Thực tế	
	chuột và hệ thống chia nước)				
10	Lưới chống chuột inox (lưới mắt cáo)	m ²	140	140	
11	Vách chắn giấy tuýp Ø 27, Ø21 (kt: 0,7mx5.m bảo vệ giấy khi lửa heo)	vách	8	8	
12	Máy bơm nước giàn mát 750w	cái	4	4	
13	Tủ điều khiển máy bơm giàn mát	cái	2	2	
14	vách chuồng heo cai sữa sắt Ø 18 kt: 4mx0,7m)	Vách	16	16	
15	Cửa chuồng heo cai sữa sắt đặc Ø18	cái	14	14	
16	Máng TĐ 2 bao inox,(chân inox hoàn toàn khối lượng cám: 50kg, bền đẹp, cây chỉnh cám dùng rulô mạ kẽm tiện dụng)	cái	14	14	
17	Núm uống inox Ø 21	cái	84	84	
18	Hệ thống điện chiếu sáng và quạt nhà cai sữa	dây	2	2	
19	Hệ thống nước nhà cai sữa	dây	2	2	
20	Hệ thống bơm cao áp rửa chuồng 5,5kw	cái	2	2	
21	Tủ điều khiển máy bơm cao áp	cái	2	2	
22	Vách chắn quạt 1,4	cái	16	16	
23	Vách chắn quạt 1,1		8	8	
24	X đẩy cám + xúc cám xe đẩy 4 bánh, thùng inox 430(kt: 60cmx60cmx90cm)	cái	2	2	
25	Xe đẩy phân khung sắt V4, kt: 80cmx60cm	cái	1	1	
26	Đường ống tuýp kẽm Ø 21 chia đường cao áp + dây rửa chuồng	nhà	2	2	
27	Bình đựng nước khử trùng 500 lít	cái	2	2	
IV	CHUỒNG ĐỰC: 01 nhà (KT: 7mx36m)			-	
1	Chuồng khai thác tinh	Chuồng	1	1	
2	Chuồng đực	chuồng	25	25	
3	Vách đầu dây chuồng đực	vách	2	2	
4	Quạt hút CN 50" (KT:1380x1380x400mm. 06 cánh dập inox, mô tơ: 1.1 kw/hp 3 phase, 380V)	cái	2	2	
5	Quạt hút CN 56" nhập ĐL liên doanh TQ: KT: 1060x1060 x400mm, 06 cánh inox: Công suất mô tơ: 0,55 kw/hp: sử dụng nguồn điện 3 phase, 380V	cái	1	1	
6	Giấy làm mát Coodling pad (kt:1800x600x150mm, màu vàng gỗ)	tấm	10	10	
7	Khung giấy làm mát nhà cách ly, khung V4 inox 430, dày 2mm: (kt: 3m x1,8m, không bao gồm lưới chống chuột và hệ thống chia nước)		2	2	
8	Lưới chống chuột inox (lưới mắt cáo)	m ²	30	30	
9	Vách chắn giấy tuýp Ø 27,Ø21 (kt:0,7m x3m bảo vệ giấy khi lửa heo)	vách	2	2	
10	Vách chắn quạt	vách	3	3	

BẢNG QUYẾT TOÁN GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG
 Hợp đồng số: 1201/HĐKT/2016 ngày 24 tháng 2 năm 2016
CÔNG TRÌNH: CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI

ĐỊA CHỈ: THÔN TRUNG NAM XÃ THẠCH LƯU - HUYỆN THẠCH HÀ - TỈNH HÀ TĨNH

Hạng mục: Thiết bị nhà mang thai, nái đẻ, cai sữa, máy phát điện, hệ thống ao biogas, nhà sát trùng xe, sát trùng người

Đơn vị tính: VNĐ

TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Giá trị hợp đồng	Phát sinh		Giá trị quyết toán
			Hợp đồng	Thực tế			Giảm	Tăng	
I	NHÀ MANG THAI: 1 nhà KT: 21,6mx60m					-	-	-	-
1	Chuồng heo mang thai 0,65mx2,0m (2 con 1 cây nùm uống, có máng ăn inox dày 1,2mm, hàn lấp ghép kiểu lung cong dùng sắt đặc Ø18, chân sắt đặc Ø8, sắt dầm chuồng Ø16, cần gạt máng tuýp xô máng ăn Ø42)	chuồng	520	520	1.200.000	624.000.000	-	-	624.000.000
2	Vách đầu dây chuồng mang thai (kiểu lung cong dùng sắt đặc Ø18)	vách	12	12	600.000	7.200.000	-	-	7.200.000
3	Cửa chắn lối đi nhà mang thai SD Ø18 (kt: 50cmx70cm)	cái	28	28	110.000	3.080.000	-	-	3.080.000
4	Bảng thẻ chuồng hậu bị (Inox430kt: 20cmx15cm)	cái	522	522	40.000	20.880.000	-	-	20.880.000
5	Cọc + cáp treo biển (kt: 30m cọc tuýp Ø, dây cáp bọc nhựa 3mm)	dây	12	12	450.000	5.400.000	-	-	5.400.000
6	X dây cám + xúc cám xe dây 4 bánh, thùng inox 430(kt: 60cmx60cmx90cm)	dây	2	2	2.000.000	4.000.000	-	-	4.000.000
7	Xe đẩy phân khung sắt V4, kt: 80cmx60cm	cái	1	1	1.200.000	1.200.000	-	-	1.200.000
8	Quạt hút công nghiệp 50" (kt: 1380x1380x400(mm), 06 cánh dập inox, mô tơ: 1,1kw/hp 3 phase, 380 V)	cái	10	10	6.000.000	60.000.000	-	-	60.000.000
9	tủ điều khiển hệ thống quạt (điều khiển 5 quạt, cảm biến nhiệt, báo mất pha, khởi động từ, rowle nhiệt)	cái	2	2	8.000.000	16.000.000	-	-	16.000.000
10	Giấy làm mát Coodling pad: (kt:1800mmx600mmx150mm, màu đen chống rêu)	tám	90	90	620.000	55.800.000	-	-	55.800.000
11	Lưới chống chuột inox (lưới mắt cáo)	m ²	110	110	100.000	11.000.000	-	-	11.000.000

TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Giá trị hợp đồng	Phát sinh		Giá trị quyết toán
			Hợp đồng	Thực tế			Giảm	Tăng	
12	Vách chắn giấy tủy Ø27, Ø21 (kt: 0,7mx5m bảo vệ giấy khi lùa heo)	vách	4	4	1.000.000	4.000.000	-	-	4.000.000
13	Máy bơm nước giàn mát 750w	cái	2	2	1.200.000	2.400.000	-	-	2.400.000
14	Hệ thống điện chiếu sáng và điện quạt nhà mang thai	nhà	1	1	15.000.000	15.000.000	-	-	15.000.000
15	Tủ điều khiển máy bơm giàn mát (2 máy bơm)	nhà	1	1	2.600.000	2.600.000	-	-	2.600.000
16	Hệ thống nước nhà mang thai	nhà	1	1	15.000.000	15.000.000	-	-	15.000.000
17	Máy bơm cáo áp rửa chuồng 5,5kw	bộ	1	1	9.000.000	9.000.000	-	-	9.000.000
18	Chuồng đục (KT: 2mx2m)	cái	1	1	3.400.000	3.400.000	-	-	3.400.000
19	Chuồng ép phối (4,5mx2m)	cái	1	1	3.500.000	3.500.000	-	-	3.500.000
20	Đường ống tủy kèm Ø 21 chia đường cao áp + dây rửa chuồng	nhà	1	1	9.000.000	9.000.000	-	-	9.000.000
21	Bồn đựng nước khít từng 500l	cái	1	1	1.500.000	1.500.000	-	-	1.500.000
22	Khung giấy làm mái nhà nái đẻ, khung V4 inox 430, dày 2mm (kt: 5mx1,8m, không bao gồm lưới chống chuột và hệ thống chia nước)	khung	4	4	1.200.000	4.800.000	-	-	4.800.000
23	Vách chắn quạt	cái	10	10	800.000	8.000.000	-	-	8.000.000
24	Tủ điều khiển máy bơm cao áp	cái	1	1	3.500.000	3.500.000	-	-	3.500.000
25	Đan BT 50mx1,2mx6cm	tám	1.080	1.080	95.000	102.600.000	-	-	102.600.000
26	Chi phí vận chuyển	chuyến	6	6	3.500.000	21.000.000	-	-	21.000.000
	Tổng cộng I			-	-	1.013.860.000	-	-	1.013.860.000
II	NHÀ NÁI ĐÈ: 02 nhà KT: 15,2mx43m			-	-	-	-	-	-
1	Chuồng heo nái đẻ 1,8 x 2,2 (m), khung SN inox nhựa Nhật Tiến cho heo con, hai nún uống, máng inox, chuồng kế tiếp dùng sắt đặc, sắt đặc Ø18, Ø9	chuồng	176	176	5.200.000	915.200.000	-	-	915.200.000
2	Vách đầu dây chuồng nái đẻ	vách	8	8	600.000	4.800.000	-	-	4.800.000
3	Cửa chắn lối đi nhà nái đẻ, SD Ø18 (kt: 50cmx70cm)	cái	32	32	150.000	4.800.000	-	-	4.800.000
4	Bảng thẻ chuồng nái đẻ + cọc Ø 27 bảng thẻ tôn sắt 2mm (kt: 30cmx60cm, cọc Ø18 dài 50cm)	bộ	88	88	100.000	8.800.000	-	-	8.800.000

TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Giá trị hợp đồng	Phát sinh		Giá trị quyết toán
			Hợp đồng	Thực tế			Giảm	Tăng	
5	Xe đẩy cảm + xúc cảm, xe đẩy 4 bánh, (thùng inox 430: kt: 60cmx60cmx90cm)	cái	2	2	2.000.000	4.000.000	-	-	4.000.000
6	Xe đẩy phân, khung sắt V4 (kt: 80cmx60cm)	cái	2	2	1.200.000	2.400.000	-	-	2.400.000
7	Chuồng ủ heo con hình chữ L (kt: 105cmx40cm bụng tôn kín, có nắp đẩy và cửa ra vào)	cái	176	176	550.000	96.800.000	-	-	96.800.000
8	Bóng ủ hồng ngoại 175w: (Điện áp 1phase 220V, đui sứ, ánh sáng tím công dụng làm ấm và diệt khuẩn không khí)	cái	176	176	95.000	16.720.000	-	-	16.720.000
9	Quạt hút CN 50" (KT: 1380mmx1380mmx400mm, 06 cánh đập inox, mô tơ: 1.1 kw/hp 3 phase, 380V)	cái	4	4	5.200.000	20.800.000	-	-	20.800.000
10	Tủ điều khiển hệ thống quạt (Điều khiển 3 quạt, cảm biến nhiệt, báo mất pha, khởi động từ, rò le nhiệt, chuông báo động)	cái	8	8	5.500.000	44.000.000	-	-	44.000.000
11	Quạt hút CN 36" nhập ĐL liên doanh TQ: KT: 1060x1060 x400mm,, 06 cánh inox: Công suất mô tơ: 0,55 kw/hp: sử dụng nguồn điện 3 phase, 380V	Cái	8	8	5.000.000	40.000.000	-	-	40.000.000
12	Giấy làm mát Coodling pad (kt: 1800mmx600mmx150mm, màu đen chống riêu)	cái	52	52	620.000	32.240.000	-	-	32.240.000
13	Khung giấy làm mát nhà nai đẻ, khung V4 inox 430, dày 2mm: (kt: 5mx1,8m, không bao gồm lưới chống chuột và hệ thống chia nước.)	khung	8	8	1.200.000	9.600.000	-	-	9.600.000
14	Lưới chống chuột inox (lưới mắt cáo)	m ²	140	140	100.000	14.000.000	-	-	14.000.000
15	Vách chắn giấy: Tuýp Ø 27, Ø 21 (kt: 0,7mx3,0m bảo vệ giấy khi lừa heo)	vách	8	8	1.000.000	8.000.000	-	-	8.000.000
16	Máy bơm nước giàn mát 750w	cái	4	4	1.250.000	5.000.000	-	-	5.000.000
17	Tủ điều khiển máy bơm giàn mát	cái	2	2	3.500.000	7.000.000	-	-	7.000.000
18	Hệ thống điện chiếu sáng và quạt nhà nai đẻ	dây	2	2	12.000.000	24.000.000	-	-	24.000.000
19	Hệ thống nước nhà nai đẻ	nhà	2	2	11.000.000	22.000.000	-	-	22.000.000
20	Máy bơm cao áp rửa chuồng 5,5kw	bộ	2	2	9.000.000	18.000.000	-	-	18.000.000

TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Giá trị hợp đồng	Phát sinh		Giá trị quyết toán
			Hợp đồng	Thực tế			Giảm	Tăng	
21	Tủ điều khiển máy bơm cao áp	cái	2	2	3.500.000	7.000.000	-	-	7.000.000
22	Hệ thống điện bóng úm	nhà	2	2	8.000.000	16.000.000	-	-	16.000.000
23	Đường ống tuyền kẽm Ø 21 chia đường cao áp + dây rửa chuồng	nhà	2	2	9.000.000	18.000.000	-	-	18.000.000
24	Bồn đựng nước khử trùng 500 lít	cái	2	2	1.500.000	3.000.000	-	-	3.000.000
25	Vách chắn quạt 1,4	vách	12	12	800.000	9.600.000	-	-	9.600.000
26	Vách chắn quạt 1,1			-	600.000	-	-	-	-
27	Chi phí vận chuyển	chuyển	12	12	3.500.000	42.000.000	-	-	42.000.000
	Tổng cộng II (1 NHÀ)			-	-	1.393.760.000	-	-	1.393.760.000
III	NHÀ CẢI SỬA: 02 nhà KT: 15mx43m			-	-	-	-	-	-
1	Chuồng cai sữa sắt đặc 2m x4m	chuồng	40	40	4.500.000	180.000.000	-	-	180.000.000
2	Nhựa 40cmx40cm	tấm	2.000	2.000	65.000	130.000.000	-	-	130.000.000
3	Máng 1 bao Inox	cái	40	40	950.000	38.000.000	-	-	38.000.000
4	Vách đầu dây chuồng cai sữa	vách	4	4	500.000	2.000.000	-	-	2.000.000
5	Quạt hút CN 50" (KT:1380x1380x400mm, 06 cánh đập inox, mô tơ: 1.1 kw/hp 3 phase, 380V)	cái	8	8	6.000.000	48.000.000	-	-	48.000.000
6	Quạt hút CN 36" nhập DL liên doanh TQ: KT: 1060x1060 x400mm, 06 cánh inox: Công suất mô tơ: 0,55 kw/hp: sử dụng nguồn điện 3 phase, 380V	cái	8	8	5.000.000	40.000.000	-	-	40.000.000
7	Tủ điều khiển hệ thống quạt (Điều khiển 4 quạt, cảm biến nhiệt, báo mất pha, khởi động từ, role nhiệt)	cái	4	4	8.000.000	32.000.000	-	-	32.000.000
8	Giấy làm mát Coodling pad kt:1800x600x150mm, màu vàng gỗ, sản xuất theo công nghệ Thái Lan	cái	52	52	620.000	32.240.000	-	-	32.240.000
9	Khung giấy làm mát nhà cai sữa, khung V4 inox 430, dây 2mm: (kt: 5mx1,8m, không bao gồm lưới chống chuột và hệ thống chia nước)	khung	8	8	1.200.000	9.600.000	-	-	9.600.000
10	Lưới chống chuột inox (lưới mắt cáo)	m ²	140	140	100.000	14.000.000	-	-	14.000.000
11	Vách chắn giấy tuyền Ø 27, Ø21 (kt: 0,7mx5 m bảo vệ giấy khi lùa heo)	vách	8	8	1.000.000	8.000.000	-	-	8.000.000

TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Giá trị hợp đồng	Phát sinh		Giá trị quyết toán
			Hợp đồng	Thực tế			Giảm	Tăng	
12	Máy bơm nước giàn mát 750w	cái	4	4	1.200.000	4.800.000	-	-	4.800.000
13	Tủ điều khiển máy bơm giàn mát	cái	2	2	3.500.000	7.000.000	-	-	7.000.000
14	vách chuông heo cai sữa sắt Ø 18 kt: 4mx0,7m)	Vách	16	16	800.000	12.800.000	-	-	12.800.000
15	Cửa chuông heo cai sữa sắt đặc Ø18	cái	14	14	150.000	2.100.000	-	-	2.100.000
16	Máng TB 2 bao inox, (chân inox hoàn toàn khối lượng cácm: 50kg, bền đẹp, cây chính cảm dùng rulô mạ kẽm tiện dụng)	cái	14	14	1.300.000	18.200.000	-	-	18.200.000
17	Núm uống inox Ø 21	cái	84	84	25.000	2.100.000	-	-	2.100.000
18	Hệ thống điện chiếu sáng và quạt nhà cai sữa	dây	2	2	12.000.000	24.000.000	-	-	24.000.000
19	Hệ thống nước nhà cai sữa	dây	2	2	10.000.000	20.000.000	-	-	20.000.000
20	Hệ thống bơm cao áp rửa chuông 5,5kw	cái	2	2	9.000.000	18.000.000	-	-	18.000.000
21	Tủ điều khiển máy bơm cao áp	cái	2	2	3.500.000	7.000.000	-	-	7.000.000
22	Vách chắn quạt 1,4	cái	16	16	1.000.000	16.000.000	-	-	16.000.000
23	Vách chắn quạt 1,1	cái	8	8	800.000	6.400.000	-	-	6.400.000
24	X dây cám + xúc cám xe đẩy 4 bánh, thùng inox 430(kt: 60cmx60cmx90cm)	cái	2	2	2.000.000	4.000.000	-	-	4.000.000
25	Xe đẩy phân khung sắt V4, kt: 80cmx60cm	cái	1	1	1.200.000	1.200.000	-	-	1.200.000
26	Đường ống tuýp kẽm Ø 21 chia đường cao áp + dây rửa chuông	nhà	2	2	9.000.000	18.000.000	-	-	18.000.000
27	Bình đựng nước khử trùng 500 lít	cái	2	2	1.500.000	3.000.000	-	-	3.000.000
28	Chi phí vận chuyển	chuyển	6	6	3.500.000	21.000.000	-	-	21.000.000
	Tổng cộng III (1 nhà)			-	-	719.440.000	-	-	719.440.000
IV	CHUÔNG ĐÚC: 01 nhà (KT: 7mx36m)			-	-	-	-	-	-
1	Chuông khai thác tinh	Chuông	1	1	1.800.000	1.800.000	-	-	1.800.000
2	Chuông đực	chuông	25	25	3.600.000	90.000.000	-	-	90.000.000
3	Vách đầu dây chuông đực	vách	2	2	800.000	1.600.000	-	-	1.600.000
4	Quạt hút CN 50" (KT:1380x1380x400mm, 06 cánh đập inox, mô tơ: 1.1 kw/lhp 3 phase, 380V)	cái	2	2	6.000.000	12.000.000	-	-	12.000.000

TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Giá trị hợp đồng	Phát sinh		Giá trị quyết toán
			Hợp đồng	Thực tế			Giảm	Tăng	
5	Quạt hút CN 36" nhập DL liên doanh TQ: KT: 1060x1060 x400mm, 06 cánh inox: Công suất mô tơ: 0,55 kw/1hp: sử dụng nguồn điện 3 phase, 380V	cái	1	1	5.000.000	5.000.000	-	-	5.000.000
6	Giấy làm mát Coodling pad (kt:1800x600x150mm, màu vàng gỗ)	tám	10	10	620.000	6.200.000	-	-	6.200.000
7	Khung giấy làm mát nhà cách ly, khung V4 inox 430, dày 2mm: (kt: 3m x1,8m, không bao gồm lưới chống chuột và hệ thống chia nước)		2	2	1.200.000	2.400.000	-	-	2.400.000
8	Lưới chống chuột inox (lưới mắt cáo)	m²	30	30	100.000	3.000.000	-	-	3.000.000
9	Vách chắn giấy tủy Ø 27,Ø21 (kt:0,7m x3m bảo vệ giấy khi lửa heo)	vách	2	2	1.000.000	2.000.000	-	-	2.000.000
10	Vách chắn quạt	vách	3	3	600.000	1.800.000	-	-	1.800.000
11	Tủ điện 3 quạt	cái	1	1	5.000.000	5.000.000	-	-	5.000.000
12	Tủ điện máy bơm	cái	1	1	3.500.000	3.500.000	-	-	3.500.000
13	Máy bơm 0,75 W	cái	1	1	2.600.000	2.600.000	-	-	2.600.000
14	Hệ thống điện chiếu sáng và quạt nhà dục	nhà	1	1	8.000.000	8.000.000	-	-	8.000.000
15	Hệ thống nước nhà cách ly	nhà	1	1	7.000.000	7.000.000	-	-	7.000.000
16	Giá nhảy cố định: (Kính thước 110x60x44,5 cm: Khung làm bằng thép không rỉ, bệ mặt được bọc bạt dày)	bộ	1	1	1.200.000	1.200.000	-	-	1.200.000
17	Chai phi vận chuyển	chuyển	2	2	3.500.000	7.000.000	-	-	7.000.000
V	Tổng cộng IV		-	-		160.100.000	-	-	160.100.000
1	NHÀ PHÁ CHẾ TINH			-		-	-	-	-
1	Cốc thủy tinh giữ nhiệt: 25*12cm, nặng 0,7kg)	Cái	6	6	900.000	5.400.000	-	-	5.400.000
2	Kính hiển vi: kết nối máy tính kính 3 mắt, camera kết nối ophaanf mềm và kết nối.	Cái	1	1	13.000.000	13.000.000	-	-	13.000.000
3	Máy làm ẩm phiên kính 360	Cái	1	1	12.000.000	12.000.000	-	-	12.000.000
4	Máy làm ẩm nước dung tích 12L. Vỏ làm bằng nhựa cách nhiệt, điện	Cái	1	1	2.500.000	2.500.000	-	-	2.500.000

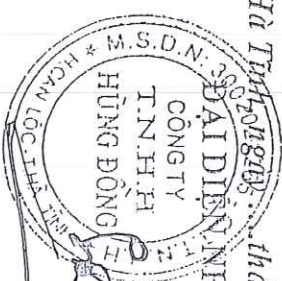
TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Giá trị hợp đồng	Phát sinh		Giá trị quyết toán
			Hợp đồng	Thực tế			Giảm	Tăng	
5	Bơm chia liều tính 2l/phút	cái	1	1	5.600.000	5.600.000	-	-	5.600.000
6	Máy hàn tuýp tinh 4-6 tuýp 220v/50HZ, Điều chỉnh nhiệt độ, tự động ngắt khi quá nhiệt	Cái	1	1	8.500.000	8.500.000	-	-	8.500.000
7	Tủ bảo ôn 140l 150: Điện áp 220v/50HZ, có bộ điều hòa nhiệt độ và đồng hồ	Cái	1	1	9.000.000	9.000.000	-	-	9.000.000
8	Bình nhựa pha tinh	cái	10	10	650.000	6.500.000	-	-	6.500.000
9	Bình tam giác: loại 500ml	cái	3	3	800.000	2.400.000	-	-	2.400.000
10	Bình tam giác: loại 1000ml	Cái	3	3	920.000	2.760.000	-	-	2.760.000
11	Bình tam giác: loại 2000ml	Cái	3	3	1.800.000	5.400.000	-	-	5.400.000
12	Bình tam giác : loại 3000ml	Cái	3	3	2.900.000	8.700.000	-	-	8.700.000
13	Bình đo độ loại 1000ml	Cái	1	1	1.600.000	1.600.000	-	-	1.600.000
14	Hộp vận chuyển tinh đi xa	Cái	3	3	1.500.000	4.500.000	-	-	4.500.000
15	Máy dán nhãn liều tinh 2 đường 8 số	Cái	1	1	7.500.000	7.500.000	-	-	7.500.000
16	Chi phí vận chuyển	chuyển	1	1	2.500.000	2.500.000	-	-	2.500.000
Tổng cộng V									
VI	MÁY ÉP PHÂN : 1 MÁY	CÁI	1	1	190.000.000	190.000.000	-	-	190.000.000
VII	HỆ THỐNG AO BIOGAS								
1	Bạt HDPE 1mm (bạt lót)	m²	2.861	2.861	55.000	157.355.000	-	-	157.355.000
2	Bạt HDPE 1mm (bạt phủ)		2.861	2.861	80.000	228.880.000	-	-	228.880.000
3	Hệ thống ống ra vào, phao xử lý, van xả tự động, thu gas, mắt xích khóa ga	Bộ	1	1	8.000.000	8.000.000	-	-	8.000.000
4	Phi nhựa 200 lít (Phao xử lý biogas)		1	1	500.000	500.000	-	-	500.000
5	Công hàn bạt	m2	5.722	5.722	8.000	45.776.000	-	-	45.776.000
6	Chi phí vận chuyển + cầu bạt	chuyển	1	1	5.000.000	5.000.000	-	-	5.000.000
Tổng cộng VI									
VIII	HỆ THỐNG NHÀ SÁT TRÙNG NGƯỜI	Nhà				445.511.000	-	-	445.511.000
1	Vật tư thiết bị		1	1	18.000.000	18.000.000	-	-	18.000.000
2	Zic Zắc 304		12	12	370.000	4.440.000	-	-	4.440.000

TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Giá trị hợp đồng	Phát sinh		Giá trị quyết toán
			Hợp đồng	Thực tế			Giảm	Tăng	
3	Tủ sắt trưng		1	1	3.500.000	3.500.000	-	-	3.500.000
4	Vật tư điện, nước+ cảm biến quang		1	1	5.000.000	5.000.000	-	-	5.000.000
5	Bex phun khử trùng đồng		60	60	15.520	931.215	-	-	931.215
6	Máy bơm 2HP	Cái	1	1	2.600.000	2.600.000	-	-	2.600.000
	Cộng VIII			-		34.471.215	-	-	34.471.215
IX	HỆ THỐNG NHÀ SẮT TRÙNG XE	Nhà	1	1	22.000.000	22.000.000	-	-	22.000.000
	TỔNG CỘNG			-		4.077.002.215	-	-	4.077.002.215

Bảng chữ: Bốn tỷ, không trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm lẻ hai nghìn, hai trăm mười lăm đồng chẵn

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 04 năm 2016



ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Sơn

Nguyễn Văn Sơn

TRƯỜNG AN PHƯƠNG
CÔNG TY TNHH AN PHƯƠNG

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Số: 12/TLHĐ/HĐKT/2016

Căn cứ vào Hợp đồng số: 16/HĐKT/2016 ký ngày 22 tháng 02 năm 2016 giữa Ông Phan Văn Thuật và Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái “V/v mua bán thiết bị chăn nuôi công nghiệp và thi công hoàn thiện hệ thống ao Biogas”.

Hôm nay, ngày 28 tháng ~~12~~ năm 2016 tại Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái, chúng tôi gồm:

Tên chủ đầu tư: (Gọi tắt là Bên A):

CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI

Địa chỉ: thôn Trung Nam, xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Điện thoại: 0984 384 939

Đại diện: Lê Quang Hùng

Chức vụ: Chủ đầu tư

Tên nhà thầu (sau đây gọi là Bên B): CƠ SỞ SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CHẾ TẠO HỢP NHẤT

Địa chỉ: Xã Hưng Thắng – huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0917.108.046

Số CMND: 182398350 do CA Nghệ An cấp ngày 27/8/2016

Đại diện ông: Phan Văn Thuật

Chức vụ: Chủ thầu

Hai bên thống nhất ký biên bản thanh lý Hợp đồng kinh tế số 16/HĐKT/2016 ký ngày 22 tháng 02 năm 2016 với nội dung sau:

Điều 1: Bên B đã tiến hành thi công công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng cho Bên A theo hợp đồng kinh tế số: 16/HĐKT/2016 ký ngày 22 tháng 02 năm 2016.

Điều 2: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

Giá trị hợp đồng: 4.007.002.216 đồng

Giá trị thực hiện: 4.007.002.216 đồng

Bằng chữ: Bốn tỷ, không trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm lẻ hai nghìn, hai trăm mười sáu đồng chẵn.

Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt và cho Bên B khoản.

Điều 3: Bên A đã thanh toán toàn bộ số tiền trên cho Bên B theo như quy định tại điều 2 của Biên bản này.

Hai bên thống nhất thanh lý Hợp đồng kinh tế số: 16KT/2016 ký ngày 22 tháng 02 năm 2016 giữa Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái với Ông Phan Văn Thuật

Biên bản thanh lý này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Lê Quang Hùng

ĐẠI DIỆN BÊN B

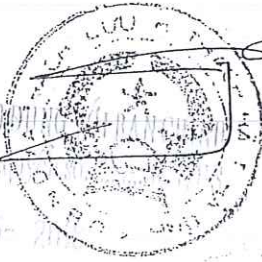


Phan Văn Thuật



Xác nhận của UBND xã Thạnh Vĩnh

CHỨNG THỰC BẢN SÁCH HIỆN TẠI
Số chứng thực: 001



30-05-2017

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HỒNG LAM
CỘNG HÒA VIỆT NAM



TRƯỞNG VĂN PHÒNG
CCV: Nguyễn Đức Nguyên

PHỤC LỤC II

PHIẾU ĐIỀU TRA KTXH, Y TẾ, KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

PHIẾU ĐIỀU TRA KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Khu vực điều tra:

..... Ủy ban nhân dân xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
 Người cung cấp số liệu: Phạm Văn Hưng, Chức vụ: Chủ tịch UBND xã

2. Tình trạng đất đai:

Tổng diện tích đất: 672,12 (ha). Trong đó: Đất nông nghiệp: 342 (ha),
 Đất rừng nguyên sinh: (ha), Đất rừng trồng: (ha)
 Đất chưa sử dụng: 40 (ha)

3. Tình hình kinh tế - xã hội:

- Số hộ dân: 268 (hộ); Tốc độ tăng dân số: 0,87%
- Tổng số dân: 3431 (người), nữ chiếm:
- Số hộ làm nông nghiệp: (hộ); Số hộ phi nông nghiệp: (hộ)
- Số hộ nghèo: 82 (hộ), tỷ lệ: 0,03% (%)
- Thu thập bình quân: 30,5 triệu đồng/năm; Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 18 (%)
- Tổng thu nhập toàn xã: 105.107.958 (đồng), trong đó: Thu nhập từ nông nghiệp: 50.133.64 (đồng), Từ các ngành nghề dịch vụ khác: 16.103.56 (đồng)
- Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc: 5.810 (con), Tổng đàn gia cầm: 30.000 (con)
- Số cơ quan đóng trên địa bàn: 03 (2 doanh nghiệp, 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường THCS, 01 trường THPT)
- Trường học: 02, Trong đó:

+ Trường mầm non: <u>01</u>	Số GV: <u>18</u>	Số HS: <u>210</u>
+ Trường cấp I: <u>01</u>	Số GV: <u>20</u>	Số HS: <u>263</u>
+ Trường cấp II: <u>01</u>	Số GV:	Số HS:
+ Trường cấp III: <u>01</u>	Số GV:	Số HS:
- Số nhà máy, xí nghiệp:; Số bệnh viện, trạm y tế: 01
- Số chợ: 01, Số nghĩa trang: 02, Đình, chùa, nhà thờ: 05
- Tình trạng giao thông:

+ Đường đất: km,	+ Đường cấp phối: km
+ Đường bê tông: <u>10</u> km,	+ Đường nhựa: <u>4</u> km
- Tình trạng thủy lợi:

+ Kênh mương bằng đất: <u>10</u> km,	+ Kênh mương bê tông: <u>15</u> km
--------------------------------------	------------------------------------
- Tình trạng cấp điện, nước, thông tin liên lạc:

+ Tỷ lệ hộ được cấp điện: <u>100</u> (%)	+ Tỷ lệ hộ được cấp nước: (%)
+ Tỷ lệ hộ có điện thoại: <u>95</u> (%)	+ Bưu điện văn hóa xã: <u>01</u>

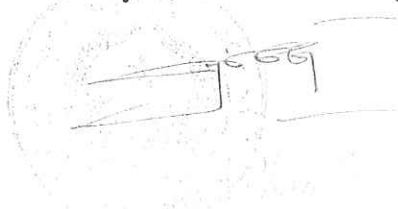
4. Yêu cầu và kiến nghị của địa phương về vệ sinh môi trường:

..... Yêu cầu tăng thu nhập cho người dân, giảm nghèo, cải thiện môi trường sống.

Thạch Lưu, ngày 14 tháng 6 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA XÃ THẠCH LƯU

Người điều tra



Phạm Văn Hưng
 Dương Thị Huệ Văn

PHIẾU ĐIỀU TRA

Tình hình y tế, sức khỏe cộng đồng và vệ sinh môi trường

1. Tên khu vực điều tra: Thạch Lưu
2. Người cung cấp: Nguyễn Mạnh Dũng Chức vụ: Trưởng Trạm
3. Y tế, sức khỏe cộng đồng và vệ sinh môi trường:

TT	Thông tin	Năm 2018	Ghi chú
1	Số lượt người đến khám, chữa bệnh	2963	
2	Về y tế học đường		
	Số học sinh mẫu giáo được khám	178	
	Số học sinh TH và THCS được khám	267	
3	Chăm sóc bà mẹ trẻ em		
	Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng	10	
	Trẻ 3-36 tháng uống Vitamin A	350	
	Trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	41,2%	
	Phụ nữ 15-49 tuổi khám phụ khoa	294	
4	Số người tàn tật được quản lý	24	
5	Số người cao tuổi (>60) được quản lý	642	
6	Số người mắc các loại bệnh		
	Số người mắc bệnh phổi	49	
	Số người mắc bệnh mắt	140	
	Số người mắc bệnh tai	10	
	Số người mắc bệnh đường ruột	30	
	Số người mắc bệnh bướu cổ	3	
	Số người nhiễm HIV/AIDS	0	
7	Điều kiện y tế		
	Số cán bộ y tế ở trạm	5	
	Số giường bệnh ở TT y tế xã	0	
	Số cán bộ thôn bản	5	
8	Tình hình vệ sinh môi trường		
	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh	99%	
	Tỷ lệ hộ sử dụng rác đúng quy cách	85%	
	Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh	100%	

Thạch Lưu, ngày 14 tháng 5 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA XÃ THẠCH LƯU



Handwritten signature



CÔNG TY CP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG T&T
T&T ENVIRONMENTAL NATURAL RESOURCE JOINT-STOCK COMPANY
PHÒNG THÍ NGHIỆM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số nhà 113 đường Nguyễn Công Trứ, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
Email: vimcerts105@gmail.com; Website: <http://moitruongtt.com.vn>
Điện thoại: 02396.559.222; 0913.872.191

Số: 21.05.01/2018/PTN/T&T

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 5 năm 2018

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- Mẫu phân tích : Chất lượng môi trường không khí xung quanh.
- Địa điểm lấy mẫu : Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.
- Ngày lấy mẫu : Ngày 14/5/2018.
- Đặc điểm thời tiết : Trời tạnh ráo.
- Người lấy mẫu : Nguyễn Cao Bằng.
- Kết quả phân tích :

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp phân tích	Đơn vị đo	Kết quả		
				K1	K2	K3
1	Độ ồn	TCVN 7878-2:2010	dB(A)	58,1	63,5	60,2
2	Bụi	TCVN 5067:1995	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	116	137	105
3	CO	SOP.TN.II.3	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	<5000	<5000	<5000
4	NO ₂	TCVN 6137:2009	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	26	24	26
5	SO ₂	TCVN 5971:1995	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	29	28	32

Ghi chú: SOP.TN.II.3: Quy trình nội bộ hướng dẫn phân tích CO trong phòng thí nghiệm.

Tọa độ vị trí điểm lấy mẫu cụ thể như sau:

TT	Ký hiệu	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°	Địa điểm lấy mẫu
1	K1	X(m) = 2025808; Y(m) = 535572	Cổng ra vào khu vực trang trại
2	K2	X(m) = 2025830; Y(m) = 535480	Khu vực thi công giai đoạn 2
3	K3	X(m) = 2025924; Y(m) = 535412	Khu vực chuồng nuôi của giai đoạn 1

Đại diện nhóm phân tích

Người kiểm tra

Giám đốc

Phan Thị Long

Nguyễn Thị Như Trang

Phạm Đức Long

Ghi chú: - KQPT trên chỉ đúng với mẫu thử của khách hàng đưa đến (gửi tới) hoặc mẫu do PTN lấy mẫu về.
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu tại thời điểm đo.
- Không được sao chép hoặc tẩy xóa kết quả khi không được sự đồng ý bằng văn bản của đơn vị phân tích.
- Thời gian lưu mẫu và giải quyết mọi thắc mắc không quá 7 ngày kể từ ngày trả KQPT.



CÔNG TY CP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG T&T
T&T ENVIRONMENTAL NATURAL RESOURCE JOINT-STOCK COMPANY
PHÒNG THÍ NGHIỆM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số nhà 113 đường Nguyễn Công Trứ, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
Email: vimcerts105@gmail.com; Website: <http://moitruongtt.com.vn>
Điện thoại: 02396.559.222; 0913.872.191

Số: 21.05.03/2018/PTN/T&T

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 5 năm 2018

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Mẫu phân tích : Chất lượng môi trường nước dưới đất.
2. Địa điểm lấy mẫu : Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lư, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.
3. Ngày lấy mẫu : Ngày 14/5/2018.
4. Đặc điểm thời tiết : Trời tạnh ráo.
5. Người lấy mẫu : Nguyễn Cao Bằng.
6. Kết quả phân tích :

TT	Thông số phân tích	Phương pháp phân tích	Đơn vị đo	Kết quả
				NN
1	pH	TCVN 6492:2011	Thang pH	6,7
2	Chất rắn tổng số *	SMEWW 2540B:2012	mg/l	21
3	Cl ⁻	TCVN 6194:1996	mg/l	17,4
4	NH ₄ ⁺	SMEWW 4500-NH ₃ .F:2012	mg/l	0,2
5	NO ₃ ⁻	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2012	mg/l	1,7
6	NO ₂ ⁻	SMEWW 4500-NO ₂ .B:2012	mg/l	0,14
7	Tổng Fe	TCVN 6177:1996	mg/l	0,6
8	Coliforms	TCVN 6187-2:2009	MPN/100ml	< 3
9	SO ₄ ²⁻ *	SMEWW 4500- SO ₄ ²⁻ .E:2012	mg/l	2,31
10	Mn *	SMEWW 4500- Mn.B:2012	mg/l	<0,1
11	As *	TCVN 6626:2000	mg/l	<0,002
12	Độ cứng (theo CaCO ₃) *	TCVN 6224:1996	mg/l	62

Ghi chú: (*): Chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.

Tọa độ vị trí lấy mẫu cụ thể như sau:

TT	Ký hiệu	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°	Địa điểm lấy mẫu
1	NN	X(m) = 2025877; Y(m) = 535546	Giếng khoan trong khu vực dự án

Đại diện nhóm phân tích

Người kiểm tra

Giám đốc

Phan Thị Long

Nguyễn Thị Như Trang

Phạm Đức Long

Ghi chú: - KQPT trên chỉ đúng với mẫu thử của khách hàng đưa đến (gửi tới) hoặc mẫu do PTN lấy mẫu về.
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu tại thời điểm đo.
- Không được sao chép hoặc tẩy xóa kết quả khi không được sự đồng ý bằng văn bản của đơn vị phân tích.
- Thời gian lưu mẫu và giải quyết mọi thắc mắc không quá 7 ngày kể từ ngày trả KQPT.



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Đ/c: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P.Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội.
Tel: 024.32007660

VIMCERTS 034

VILAS 755

Số:017295/KQPT/2018

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái
Địa chỉ : Xã Thạch Lũu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
Tên mẫu : Đất Số mẫu: 01
Mã mẫu : Đ0518_14¹
Ngày quan trắc : 14/05/2018 Ngày hoàn thành phân tích: 21/05/2018.

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích	Phương pháp phân tích	QCVN 03-MT:2015/BTNMT (Đất nông nghiệp)
			Đ		
1	As	mg/kg đất khô	3,13	TCVN 6649:2000+ TCVN 8467:2010	15
2	Cd	mg/kg đất khô	0,52	TCVN 6649:2000 + TCVN 6496:1999	1,5
3	Cu	mg/kg đất khô	23,2		100
4	Pb	mg/kg đất khô	28,4		70
5	Zn	mg/kg đất khô	45,6		200

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ Đ: Vị trí quy hoạch xây dựng khu chuồng trại giai đoạn 2 Tọa độ X(m) = 2025.883 ; Y(m) = 535.502

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất (Đất nông nghiệp)

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

Hà Nội, ngày 21 tháng 05 năm 2018

GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC

Khuất Anh Tuấn

- (-): Không có quy định,

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích;

- Quá thời hạn lưu mẫu, Phòng phân tích chất lượng Môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimmeris và Vilas

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng



CÔNG TY CP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG T&T
T&T ENVIRONMENTAL NATURAL RESOURCE JOINT-STOCK COMPANY
PHÒNG THÍ NGHIỆM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số nhà 113 đường Nguyễn Công Trứ, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
Email: vimcerts105@gmail.com; Website: <http://moitruongtt.com.vn>
Điện thoại: 02396.559.222; 0913.872.191

Số: 21.05.04/2018/PTN/T&T

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 5 năm 2018

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Mẫu phân tích : Chất lượng môi trường nước thải
2. Địa điểm lấy mẫu : Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.
3. Ngày lấy mẫu : Ngày 14/5/2018.
4. Đặc điểm thời tiết : Trời tạnh ráo.
5. Người lấy mẫu : Nguyễn Cao Bằng.
6. Kết quả phân tích :

TT	Thông số phân tích	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả
				NT
1	pH	TCVN 6492:2011	Thang pH	7,2
2	BOD ₅	SMEWW 5210D:2012	mg/l	135,5
3	COD	SMEWW 5220C:2012	mg/l	225,6
4	TSS	TCVN 6625:2000	mg/l	67
5	Tổng N	SMEWW 4500- N.C:2012	mg/l	87
6	Coliforms	TCVN 6187-2:2009	MPN/100ml	6300

Tọa độ vị trí lấy mẫu cụ thể như sau:

TT	Ký hiệu	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°	Địa điểm lấy mẫu
1	NT	X(m) = 2025.721; Y(m) = 535.506	Sau hệ thống xử lý nước thải của trang trại

Đại diện nhóm phân tích

Người kiểm tra

Giám đốc


Phan Thị Long


Nguyễn Thị Như Trang


Phạm Đức Long

Ghi chú: - KQPT trên chỉ đúng với mẫu thử của khách hàng đưa đến (gửi tới) hoặc mẫu do PTN lấy mẫu về.
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu tại thời điểm đo.
- Không được sao chép hoặc tẩy xóa kết quả khi không được sự đồng ý bằng văn bản của đơn vị phân tích.
- Thời gian lưu mẫu và giải quyết mọi thắc mắc không quá 7 ngày kể từ ngày trả KQPT.



CÔNG TY CP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG T&T
T&T ENVIRONMENTAL NATURAL RESOURCE JOINT-STOCK COMPANY
PHÒNG THÍ NGHIỆM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số nhà 113 đường Nguyễn Công Trứ, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
Email: vimcerts105@gmail.com; Website: <http://moitruongtt.com.vn>
Điện thoại: 02396.559.222; 0913.872.191

Số: 21.05.02/2018/PTN/T&T

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 5 năm 2018

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Mẫu phân tích : Chất lượng môi trường nước mặt.
2. Địa điểm lấy mẫu : Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.
3. Ngày lấy mẫu : Ngày 14/5/2018.
4. Đặc điểm thời tiết : Trời tạnh ráo.
5. Người lấy mẫu : Nguyễn Cao Bằng.
6. Kết quả phân tích :

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp phân tích	Đơn vị đo	Kết quả	
				NM1	NM2
1	pH	TCVN 6492:2011	Thang pH	6,8	6,9
2	DO	TCVN 7325:2004	mg/l	5,7	5,5
3	TSS	TCVN 6625:2000	mg/l	18,5	20,1
4	BOD ₅	SMEWW 5210D:2012	mg/l	11,2	12,7
5	COD	SMEWW 5210C:2012	mg/l	22,4	24,1
6	Cl ⁻	TCVN 6194:1996	mg/l	32,3	38,4
7	Nitrit (NO ₂ ⁻)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2012	mg/l	0,02	0,03
8	NH ₄ ⁺	SMEWW 4500-NH ₃ .F:2012	mg/l	0,26	0,4
9	NO ₃ ⁻	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2012	mg/l	2,1	2,7
10	PO ₄ ³⁻	TCVN 6202:2008	mg/l	0,1	0,21
11	Tổng Fe	TCVN 6177:1996	mg/l	0,35	0,5
12	Coliforms	TCVN 6187-2:2009	MPN/100ml	2.600	3.100

Tọa độ vị trí lấy mẫu cụ thể như sau:

TT	Ký hiệu	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°	Địa điểm lấy mẫu
1	NM1	X(m) = 2025525 Y(m) = 535376	Lấy tại kênh Biền phía thượng nguồn so với Dự án
2	NM2	X(m) = 2025738; Y(m) = 535524	Lấy tại kênh Biền phía hạ nguồn so với Dự án

Đại diện nhóm phân tích

Người kiểm tra

Phan Thị Long

Nguyễn Thị Như Trang

Giám đốc

Phạm Đức Long

Ghi chú: - KQPT trên chỉ đúng với mẫu thử của khách hàng đưa đến (gửi tới) hoặc mẫu do PTN lấy mẫu về.
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu tại thời điểm đo.
- Không được sao chép hoặc tẩy xóa kết quả khi không được sự đồng ý bằng văn bản của đơn vị phân tích.
- Thời gian lưu mẫu và giải quyết mọi thắc mắc không quá 7 ngày kể từ ngày trả KQPT.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HÓA XANH VIỆT NAM

PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 209

Đ/c: Km10.5 - Đường 32, phường Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 0243.2272900

Fax: 0243.2272900

Email: hoaxanhvietnam@gmail.com

Số: NI40518-15/KQTN/2018

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Công ty cổ phần Tài nguyên Môi trường T&T
Địa điểm quan trắc : Cơ sở sản xuất lợn Giống Việt Thái, xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
Tên mẫu : Nước ngầm Số lượng mẫu: 01
Ngày nhận mẫu : 14/5/2018 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 21/5/2018

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm
1.	Độ cứng (tính theo CaCO_3)	mg/l	TCVN 6224:1996	125
2.	Sunfat (SO_4^{2-})	mg/l	TCVN 6200:1996	17,5
3.	Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3500.Mn:2012	<0,08
4.	Asen (As)*	mg/l	TCVN 6626:2000	<0,005
5.	Chất rắn tổng số (TS)*	mg/l	TCVN 2540B:2012	185

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu: Giếng khoan trong khu vực dự án. Tọa độ X = 2025.877; Y = 0535.546
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
- Cột B: quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2018

TM. CÁN BỘ THỬ NGHIỆM

TP. THỬ NGHIỆM

GIÁM ĐỐC

Trần Thị Thúy Liên

Nguyễn Thị Thanh Hòa

ThS. Nguyễn Văn Hòa

1. (-) Không quy định

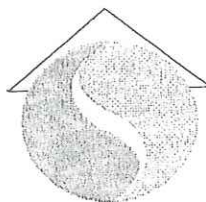
2. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

5. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

6. Thời gian lưu mẫu 7 ngày; quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



TN & MT

**CÔNG TY TNHH MTV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Đường Phong Định Cảng - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 02386.250.236 Fax: 02383.592198

VILAS 499

VIMCERT 004

VILAS

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: T825- BH 113618

- Tên khách hàng: Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái.
- Địa chỉ: Thôn Trung Nam, xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
- Vị trí đo, lấy mẫu: Tại điểm xả sau hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi của cơ sở.
Tọa độ: X(m)= 2025723; Y(m)= 614741
- Phương pháp lấy mẫu/ Bảo quản mẫu: TCVN 5999:1995/TCVN 6663-3: 2008
- Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 04/6/2018
- Ngày phân tích: 04/6-09/6/2018
- Loại mẫu: Nước thải Số lượng mẫu: 01
- Ký hiệu mẫu NTvt

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả
1.	pH		TCVN 6492:2011	6,42
2.	SS	mg/l	TCVN 6625: 2000	83,5
3.	COD	mg/l	SMEWW 5220 – C:2012	128,7
4.	BOD ₅	mg/l	SMEWW 5210 – D:2012	75
5.	Tổng N	mg/l	TCVN 5987:1995	49,2
6.	Tổng Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	4,3 x10 ³

Ngày 09 tháng 6 năm 2018

Trưởng PTN

Giám đốc

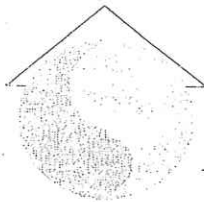
ThS: Trần Thị Thu Hằng

Phạm Anh Tuấn

Lê Quốc Việt

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.	- Kết quả này không được sao chép nếu không được sự đồng ý của PTN
- Chỉ tiêu in nghiêng là chỉ tiêu được công nhận theo vilas	
- Tại thời điểm trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.	



CÔNG TY TNHH MTV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Đường Phong Định Cảng - TP. Vinh - Nghệ An
 Điện thoại: 02386.250.236 Fax: 02383.592198 VILAS 499 VIMCERT 004

TN & MT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Số: T 1654 /2017)

- Tên khách hàng: Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái.
- Địa chỉ: Thôn Trung Nam, xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
- Vị trí lấy mẫu: Tại điểm xả sau hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi của cơ sở.
Tọa độ: X(m)= 2025723; Y(m)= 614741
- Phương pháp lấy mẫu/ Bảo quản mẫu: TCVN 5999:1995/TCVN 6663-3: 2008
- Ngày nhận mẫu: 01/12/2017
- Ngày phân tích: 01/12÷ 08/12/2017
- Loại mẫu: Nước thải Số lượng mẫu: 01 Thử tích mẫu: 2000 (ml)/mẫu
- Tình trạng mẫu: Mẫu đầy bình, có vón lơ lửng
- Ký hiệu mẫu: NT_{VT}

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả
1.	pH		TCVN 6492:2011	6,53
2.	SS	mg/l	TCVN 6625: 2000	90,0
3.	COD	mg/l	SMEWW 5220 – C:2012	132,2
4.	BOD ₅	mg/l	SMEWW 5210 – D:2012	80
5.	Tổng N	mg/l	TCVN 5987:1995	53,5
6.	Tổng Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	4,6 x10 ³

Trưởng PTN

QA/QC

Ngày 08 tháng 12 năm 2017

ThS: Trần Thị Thu Hằng

ThS: Nguyễn Thị Trang

Phạm Anh Tuấn

Chú thích:

- Kết quả này không được sao chép nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo công ty.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị tại thời điểm phân tích.
- Chỉ tiêu in nghiêng là chỉ tiêu do khách hàng yêu cầu thực hiện theo phương pháp đã được phê duyệt, công nhận.
- Tại thời điểm trả kết quả phân tích, nếu khách hàng không có phản hồi lại PTN sẽ hủy mẫu theo quy định.

PHỤ LỤC III
THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG

VIỆT THÁI

Số: 17 /CVTV

V/v ý kiến tham vấn về báo cáo ĐTM của
Dự án: “Cơ sở sản xuất lợn giống Việt
Thái tại xã Thạch Lư, huyện Thạch Hà,
tỉnh Hà Tĩnh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thạch Lư, ngày 09 tháng 01 năm 2018

Kính gửi: - UBND xã Thạch Lư, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
- UBMTTQ xã Thạch Lư, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các quy định của pháp luật về đánh giá tác động môi trường (ĐTM), ông Lê Quang Hùng (Chủ đầu tư) đã lập báo cáo ĐTM của dự án “Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái tại xã Thạch Lư, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Ông Lê Quang Hùng (Chủ đầu tư) của cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái gửi đến UBND và UBMTTQ xã Thạch Lư báo cáo ĐTM của dự án và rất mong nhận được ý kiến tham vấn của UBND và UBMTTQ xã Thạch Lư.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VP

CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG

VIỆT THÁI

CHỦ CƠ SỞ

Lê Quang Hùng

V/v ý kiến tham vấn về báo cáo ĐTM của
Dự án: “Cơ sở sản xuất lợn giống Việt
Thái tại xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà
tỉnh Hà Tĩnh.

Thạch Lưu, ngày 04 tháng 9 năm 2018

Kính gửi: Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái

UBMTTQ xã Thạch Lưu nhận được văn bản số: 19.../CVTV ngày 30 tháng 9 năm 2018 của Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án: “Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái” tại xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi xem xét, UBMTTQ xã Thạch Lưu có ý kiến như sau:

1. Về các tác động tiêu cực của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội về sức khỏe cộng đồng:

Báo cáo ĐTM đã trình bày khá chi tiết và đầy đủ các nguồn tác động xấu đến môi trường liên quan đến chất thải và không liên quan đến chất thải cũng như đối tượng, phạm vi chịu tác động trong quá trình thực hiện dự án.

UBMTTQ xã Thạch Lưu đồng ý với các tác động xấu của dự án đến môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội đã nêu trong báo cáo ĐTM.

2. Về các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng:

Báo cáo ĐTM đã trình bày những giải pháp và biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án có ý nghĩa thực tế và mang tính khả thi cao.

UBMTTQ xã Thạch Lưu nhất trí với các biện pháp, giải pháp đã đề xuất trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Kiến nghị đối với chủ dự án:

Trong quá trình thực hiện dự án, chủ dự án phải nghiêm chỉnh thực hiện những biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, kinh tế xã hội đã nêu ra trong báo cáo.

Quá trình hoạt động đảm bảo an toàn về điện, an toàn cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo sức khỏe của người lao động cũng như người dân gần khu vực dự án.

Xây dựng các nội quy, quy định trong quá trình hoạt động, về bảo vệ môi trường khi dự án đi vào hoạt động nhằm giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn.

Chủ dự án phải giám sát tất cả các hoạt động của Trang trại trong suốt quá trình thực hiện. Kịp thời đưa ra giải pháp và ứng phó khi sự cố xảy ra.

Chủ dự án ưu tiên tuyển lao động địa phương làm việc trong dự án.

Trên đây là ý kiến của UBMTTQ xã Thạch Lưu gửi Chủ đầu tư xem xét và hoàn chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC

CHỦ TỊCH



Nguyễn Mậu Dương

huok

ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ THẠCH LƯU

Số: 102/UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thạch Lưu, ngày 04 tháng 5 năm 2018

V/v ý kiến tham vấn về báo cáo ĐTM của
Dự án: “Cơ sở sản xuất lợn giống Việt
Thái tại xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà
tỉnh Hà Tĩnh.

Kính gửi: Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái

UBND xã Thạch Lưu nhận được văn bản số: 147/CVTV ngày 30 tháng 7 năm 2018 của cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án: “Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái” tại xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi xem xét, UBND xã Thạch Lưu có ý kiến như sau:

1. Về các tác động tiêu cực của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội về sức khỏe cộng đồng:

Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu khá đầy đủ về tác động xấu, đối tượng và phạm vi chịu tác động của dự án có thể xảy ra.

UBND xã Thạch Lưu đồng ý với các nội dung đã trình bày trong báo cáo Đánh giá tác động môi trường.

2. Về các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng:

UBND xã Thạch Lưu nhất trí với các giải pháp, biện pháp giảm thiểu tác động xấu của dự án đã nêu ra trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Kiến nghị đối với chủ dự án:

Nhằm góp phần hạn chế các tác động xấu đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường khu vực thực hiện dự án và vùng lân cận, UBND xã Thạch Lưu đề nghị chủ dự án:

Trong quá trình xây dựng các công trình, Chủ dự án cần nghiêm túc áp dụng, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường không khí do bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung từ phương tiện vận chuyển, từ máy móc thi công; các biện pháp giảm thiểu tác động từ nước thải do công nhân xây dựng thải ra, do quá trình xây dựng và nước mưa chảy tràn;

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu chất thải rắn.

Tuân thủ, đảm bảo phù hợp với các Quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành.

Trong suốt quá trình hoạt động, Chủ dự án nghiêm túc thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động đối với môi trường như: Ô nhiễm không khí, tiếng ồn, bụi, ô nhiễm nước gây ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận cũng như các tác động có hại đến môi

trường xã hội của địa phương. Duy tu, bảo dưỡng cung đường vận chuyển. Kiểm soát dịch bệnh, mùi, vận hành đúng quy trình, đầy đủ và có hiệu quả các công trình xử lý nước thải, đảm bảo nước thải đạt QCVN 62-MT:2106/BTNMT trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Khi có kiến nghị của Chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư về tình trạng ô nhiễm do dự án gây ra, phải nhanh chóng kiểm tra, khắc phục không để ảnh hưởng đến cuộc sống và sức khỏe của người dân địa phương.

Xây dựng nội quy, quy chế trong quá trình hoạt động, phối hợp với chính quyền xã quản lý lực lượng lao động làm việc tại dự án đảm bảo an ninh trật tự xã hội trên địa bàn xã.

Chủ dự án phải giám sát tất cả các hoạt động của Trang trại trong suốt quá trình thực hiện. Kịp thời đưa ra giải pháp và ứng phó khi sự cố xảy ra..

Trên đây là ý kiến của UBND xã Thạch Lư gửi Chủ đầu tư xem xét và hoàn chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nói trên.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Handwritten signature

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ CHỊU TÁC ĐỘNG
TRỰC TIẾP BỒI DƯ ẢN

Tên dự án: “Cơ sở sản xuất lợn giống Việt Thái ” tại xã Thạch Lư, huyện
Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Thời gian họp: vào hồi 15 giờ 30. ’ ngày 03 tháng 8. năm 2018

Địa chỉ họp:

Hội trường thôn Trung Nam, xã Thạch Lư, huyện
Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

1. Thành phần tham dự:

1.1.Đại diện UBND xã Thạch Lư:

Ông: Phan Quang Hưng - Chức vụ: Chủ tịch UBND

1.2.Đại diện chủ đầu tư:

Ông: Lê Quang Hưng - Chủ trương đầu tư

1.3.Đơn vị lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Ông: Phan Đức Long - Chức vụ: Giám đốc

1.4.Đại biểu tham dự:

Ông: Trần Văn Sơn - Bí thư chi bộ thôn Trung Nam

Ông: Trần Văn Sơn - Trưởng thôn Trung Nam

Ông: Trần Văn Sơn - Hội trưởng thôn

Ông: Trần Văn Sơn - Hội trưởng thôn

Bà: Nguyễn Thị Minh - Hội trưởng thôn

Bà: Lê Thị Sơn - Hội trưởng thôn

Đại diện một số hộ dân xung quanh khu vực dự án:

(Signature)

2. Nội dung diễn biến cuộc họp:

2.1. Chủ đầu tư thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần tham dự.

Trang Sơn Hải, chủ Việt Thái đã khởi công xây dựng nhà ở dân dụng quy mô nước ngoài, địa 600 m², là an ninh khu vực này, do khu vực địa phương nên công ty, kiến trúc sư, lượng lượng nhà ở và quy mô 600 m², với tổng quy mô dự án, 1.200 con, khu vực, 10 con khu vực địa phương, thuộc quy mô nước của dự án, chủ dự án xin ý kiến tham vấn về các tác động môi trường quy mô.

2.2. Đơn vị tư vấn thay mặt chủ đầu tư trình bày tóm tắt báo cáo ĐTM của dự án gồm các nội dung chính, các tác động tích cực và tiêu cực của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng và các biện pháp giảm thiểu.

a. Trong quá trình chuẩn bị và xây dựng các công trình

Quá trình chuẩn bị mặt bằng và thi công các hạng mục công trình sẽ phát sinh ra bụi, khí thải, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn. Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- + Thu gom các sinh khối, chất thải rắn từ quá trình dọn dẹp, chuẩn bị mặt bằng về vị trí quy định và có biện pháp xử lý hợp lý không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- + Sử dụng máy đào, máy ủi đã được kiểm định chất lượng và định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng máy.

- + Đối với nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng sẽ sử dụng bể tự hoại để xử lý đảm bảo nước thải ra môi trường đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước mưa chảy tràn sẽ được thu gom bằng mương dẫn có các hố ga lắng để xử lý trước khi chảy ra môi trường tiếp nhận.

- + Tiếng ồn, độ rung: Phương tiện máy móc phải được kiểm định bảo dưỡng định kỳ để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung. Thi công vào các thời điểm hợp lý để giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh.

- + Chủ đầu tư cam kết sẽ đảm bảo an toàn trong thi công các hạng mục công trình đảm bảo chất lượng, không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Xây dựng phương án phòng chống cháy nổ, sự cố thiên tai trong giai đoạn thi công.

b. Trong quá trình dự án đi vào hoạt động:

- * Đối với môi trường không khí:

- Xây tường bao quanh khu vực trang trại cao 2m.

- Thường xuyên vệ sinh khu vực chuồng trại và khuôn viên của trang trại, sử dụng các biện pháp giảm thiểu mùi (dùng chế phẩm sinh học,...).

- Trồng cây xanh và giữ vùng đệm cây xanh để hạn chế gió lùa và ngăn cản, giảm thiểu mùi phát tán ra môi trường xung quanh.

- Định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị để giảm thiểu tác động tới môi trường.

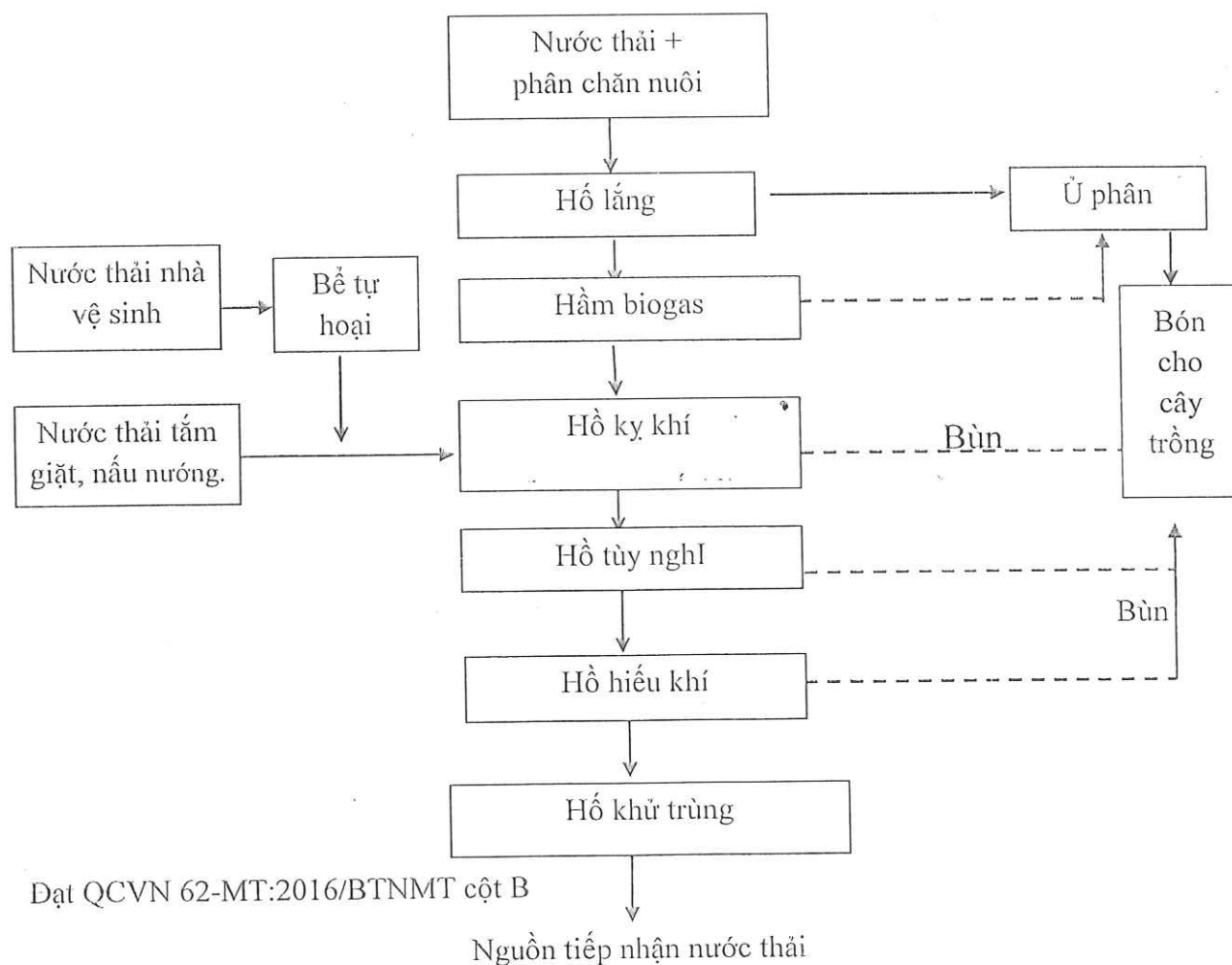
* Đối với môi trường nước:

- Đối với nước thải của cán bộ, công nhân: Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải của cán bộ, công nhân bằng công nghệ biogas cải tiến, đảm bảo xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

- Đối với nước thải từ quá trình chăn nuôi:

+ Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi bao gồm phân và nước thải của trang trại được trình bày tại hình dưới.

+ Nước thải sau khi qua hầm biogas sau đó được dẫn vào hệ thống hồ sinh học bao gồm: hồ kỵ khí, hồ tùy nghi, hồ hiếu khí, hồ khử trùng để xử lý tiếp trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.



Handwritten signature

Thuyết minh sơ đồ công nghệ xử lý:

- Toàn bộ phân, nước thải chuồng trại được thu gom theo các rãnh thu nước bằng bê tông dẫn đến hố lắng, ở đây hố lắng lắng bớt phân và cặn sau đó nước thải được dẫn đến hầm biogas.

Hầm Biogas được thiết kế với thời gian lưu của nước thải là 30 ngày, lưu bùn là 365 ngày, lưu khí 30 ngày. Hầm Biogas được phủ bạt và lót đáy bằng bạt HDPE siêu bền, chống axit ăn mòn, không bị rò khí gas đồng thời tự phá váng. Khi hút cặn bã (các chất vô cơ, cát, sỏi) ở đáy thì hệ thống vẫn hoạt động bình thường. Công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi bằng hầm Biogas phủ bạt HDPE đã được ứng dụng nhiều ở Việt Nam và mang lại hiệu quả, vừa xử lý được chất thải, vừa tận dụng được khí gas cho mục đích đun nấu và các mục đích khác. Khí gas được sử dụng cho mục đích sản xuất điện cung cấp cho toàn trại.

- Nước thải từ bể Biogas chứa hàm lượng chất hữu cơ cao, giá trị COD, BOD₅, SS khá lớn. Phần nước thải sau khi qua xử lý tại bể Biogas được dẫn vào hệ thống 3 hồ sinh học để xử lý bậc 2. Đầu tiên, nước thải được đưa vào hồ kỵ khí.

- Sau biogas sẽ là 1 hồ kỵ khí nữa để tăng hiệu quả xử lý các chất hữu cơ trong nước thải chăn nuôi lợn.

- Hồ kỵ khí dùng để lắng và phân hủy cặn lắng và phương pháp sinh hóa tự nhiên dựa trên cơ sở sống và hoạt động của vi sinh vật kỵ khí.

- Có khả năng xử lý nước thải chứa hàm lượng hữu cơ cao. Hồ kỵ khí làm giảm lượng N, P, K và các vi sinh vật gây bệnh bằng cách tạo ra bùn và giải phóng NH₃ vào không khí.

- Để đạt hiệu quả xử lý tốt (70-85%) thì hồ sinh học phải đảm bảo được thời gian lưu nước trong hồ 7-10 ngày, hoặc có thể hơn.

- Nước sau xử lý ở hồ tùy nghi sẽ được dẫn qua hồ hiếu khí để tiếp tục xử lý bậc 3.

- Trong hồ hiếu khí nước thải được làm thoáng tự nhiên, oxy được các vi sinh vật hiếu khí sử dụng để oxy hóa các hợp chất hữu cơ, ngoài ra trong hồ còn có các loại tảo và các thực vật trong nước phát triển. Tảo sử dụng năng lượng ánh sáng mặt trời, CO₂ và các nguyên tố khoáng, dinh dưỡng khác như N, P, K... để tổng hợp sinh khối thực vật. Sinh khối thực vật được sử dụng làm nguồn thức ăn trực tiếp cho cá. Thời gian nước lưu ở hồ hiếu khí ít nhất là 7-10 ngày hoặc có thể hơn. Hiệu suất xử lý đạt 60-80%.

- Với hệ thống xử lý nước thải 3 bậc (kỵ khí, tùy nghi, hiếu khí) đồng thời kết hợp thả bèo, nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B trước khi thải ra môi trường tiếp nhận, tuy nhiên vì diện tích các hồ lớn nên chủ hộ gia đình không thải ra môi trường thường xuyên mà được thải ra từng đợt tùy thuộc vào mực nước trong hồ.

Tổng hợp hiệu suất xử lý các công trình xử lý nước thải

TT	Tên hồ, bể	Hiệu suất xử lý (%)
1	Hầm biogas	60
2	Hồ kỵ khí	60
3	Hồ tùy nghi	70
4	Hồ hiếu khí	60

* Đối với chất thải rắn:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

Tại mỗi khu nhà: Nhà điều hành, nhà khử trùng... chủ dự án sẽ bố trí các thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt. Tại mỗi khu nhà sẽ bố trí các giỏ đựng rác khô, có khả năng tái chế như vỏ lon, đồ nhựa, kim loại... tại khu vực nhà ăn bố trí thùng rác có nắp đậy đựng rác có khả năng phân hủy như thực phẩm thừa, rau quả hư hỏng... Hằng ngày, nhân viên vệ sinh sẽ tiến hành thu gom các loại chất thải này tập trung về một chỗ tập kết đúng quy định.

Chất thải rắn sinh hoạt sau khi được thu gom và phân loại. Đối với những chất thải có khả năng tái chế sẽ được tận dụng, bán phế liệu. Đối với các loại rác không có khả năng tái sử dụng, tái chế thì thu gom tập trung và định kỳ 1 tuần/lần Hợp tác xã môi trường xã Thạch Lưu vận chuyển đưa đi xử lý.

- Chất thải rắn sản xuất:

Phân lợn:

Phân tại chuồng nuôi lợn được chủ trang trại bố trí nhân công thu gom một ngày hai lần bằng các dụng cụ cầm tay như chổi, xúc cầm tay để thu gom lượng phân về cuối các dãy chuồng tại khu vực mương dẫn rồi đưa đến ủ phân tại hố ủ phân ở nhà ủ phân. Lượng phân còn lại được thu gom bằng cách dùng máy bơm và vòi phun nước để đẩy toàn bộ lượng phân tại các chuồng xuống mương dẫn.

Lượng phân thu gom đưa vào nhà ủ phân bao gồm:

+ Lượng phân khô được lấy từ các dãy chuồng

+ Lượng cặn tại bể biogas

Phân sẽ được ủ dưới đất, sau khi ủ tiến hành khử trùng tiêu độc khu vực xung quanh bằng vôi bột hoặc hóa chất như Xút 2-3%, ...

Phân sau khi được ủ hợp vệ sinh dùng để bón cây nếu thừa sẽ tận dụng bán cho người dân làm phân bón cho cây trồng (Nếu người dân có nhu cầu).

Xung quanh nhà ủ phân có mương thoát nước để dẫn nước mưa chảy tràn về hồ sinh học để xử lý.

Đối với cặn lắng từ bể biogas:

Bể biogas theo định kỳ 1 năm sẽ tiến hành hút cặn 1 lần. Biện pháp hút cặn cụ thể như sau: Đáy bể biogas sẽ được lắp đặt ống hút bằng cao su Φ160 dẫn lên mặt đất và được bịt kín, chỉ mở miệng ống khi tiến hành hút cặn. Định kỳ sẽ thuê phương tiện hút cặn chuyên dụng để hút cặn, toàn bộ lượng cặn sẽ được đưa đến nhà ủ phân.

- Định kỳ 1 năm sẽ tiến hành nạo vét các hồ sinh học để đảm bảo hiệu quả hoạt động và vận hành của các chuỗi hồ sinh học. Quy trình nạo vét hồ như sau:

Dăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại ngay khi Trang trại đi vào hoạt động. Các loại chất thải nguy hại được tập trung vào thùng composit có nắp đậy rồi hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại để vận chuyển đi xử lý theo đúng hướng dẫn tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu và thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Ngoài ra còn có Chủ đầu tư còn áp dụng các biện pháp giảm thiểu khác đối với các nguồn thải không liên quan đến chất thải nhằm đảm bảo trong quá trình hoạt động trang trại gây ảnh hưởng đến mức tối thiểu đến môi trường trong và ngoài khu vực Trang trại.

- Chủ dự án sẽ hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ khu vực dự án, định kỳ tập huấn, tuyên truyền công tác phòng cháy chữa cháy đến từng hộ dân.

- Chủ dự án cam kết sẽ phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương quản lý các mặt về trật tự an ninh trong khu vực dự án. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, không để xảy ra các tệ nạn xã hội trong khu vực.

- Chủ đầu tư cam kết định kỳ 3 tháng/lần giám sát chất lượng môi trường nước theo quy định của pháp luật. Định kỳ nộp báo cáo quan trắc môi trường định kỳ lên sở TNMT.

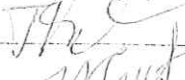
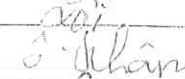
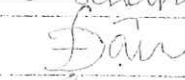
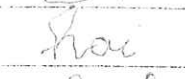
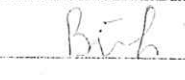
Thảo luận trao đổi giữa cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp với chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân xã về các vấn đề mà chủ dự án đã trình bày tại cuộc họp.

Đề xuất kiến nghị của nhân dân địa phương phải báo cáo về cấp trên để giải quyết và xử lý của các đơn vị chức năng.

- 1) *Tổ chức chơi thể thao, tập thể dục, rèn luyện sức khỏe cho nhân dân địa phương.*
- 2) *Tổ chức các buổi họp, gặp gỡ, trao đổi với nhân dân địa phương.*
- 3) *Tổ chức các buổi họp, gặp gỡ, trao đổi với nhân dân địa phương.*
- 4) *Tổ chức các buổi họp, gặp gỡ, trao đổi với nhân dân địa phương.*
- 5) *Tổ chức các buổi họp, gặp gỡ, trao đổi với nhân dân địa phương.*
- 6) *Tổ chức các buổi họp, gặp gỡ, trao đổi với nhân dân địa phương.*

hết

Danh sách những người tham dự, ký tên như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Chữ ký
1	Trần Văn Sơn	Chủ tịch Hội	
2	Trần Văn Sơn	Chủ tịch Hội	
3	Trần Văn Sơn	Chủ tịch Hội	
4	Trần Văn Sơn	Chủ tịch Hội	
5	Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch Hội	
6	Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch Hội	
7	Đoàn Văn Sơn	Chủ tịch Hội	
8	Đoàn Văn Sơn	Chủ tịch Hội	
9	Đoàn Văn Sơn	Chủ tịch Hội	
10	Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch Hội	
11			
12			
13			
14			
15			

ĐẠI DIỆN UBND XÃ THẠCH LƯU



ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN



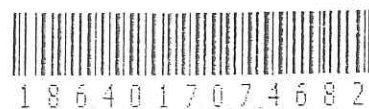
Lê Quang Hùng



PHỤ LỤC IV
CÁC SƠ ĐỒ, BẢN VẼ

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

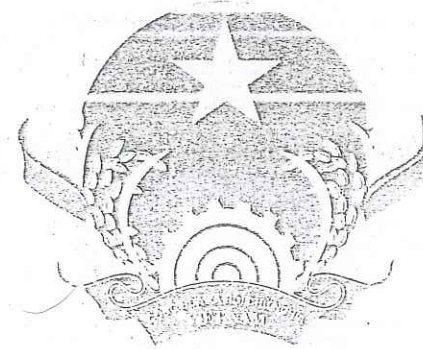
Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



1 8 6 4 0 1 7 0 7 4 6 8 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Lê Quang Hùng

Năm sinh: 1979, CMND số: 183216344

Địa chỉ thường trú: Xã Cẩm Quan, Huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh.

CG 319799

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

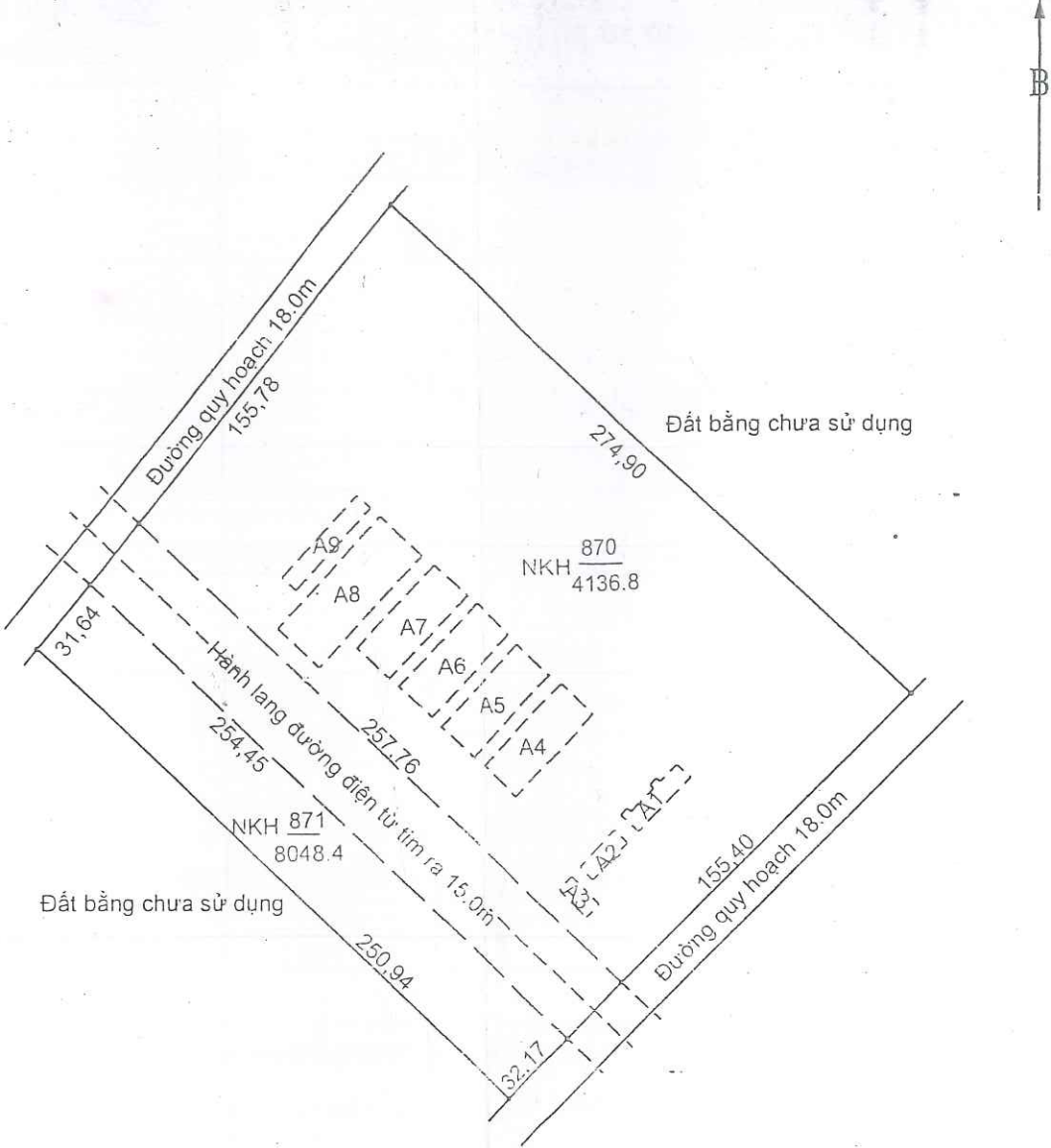
- a) Thừa đất số: 870, 871, tờ bản đồ số: 16
- b) Địa chỉ: xứ Bãi Cát, Xã Thạch Lưu, Huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
- c) Diện tích: 49417,2 m², (bằng chữ: Bốn mươi chín nghìn bốn trăm mười bảy phẩy hai mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: riêng: không m²; chung: 49417,2 m²
- đ) Mục đích sử dụng: Đất Nông Nghiệp khác
- e) Thời hạn sử dụng: Đến 19 tháng 10 năm 2066;
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần;

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm hoàn thành xây dựng	Thời hạn sở hữu
Nhà điều hành A1	225.0M2			Cấp 4			
Nhà nghỉ công nhân A2	150.0M2			Cấp 4			
nhà ăn công nhân A3	110.0M2			Cấp 4			
Nhà cái sữa 1 A4	750.0M2			Cấp 4			
Nhà Cai sữa 2 A5	750.0M2			Cấp 4			
Nhà nái đẻ 1 A6	750.0M2			Cấp 4			
Nhà nái đẻ 2 A7	750.0M2			Cấp 4			
Nhà mang thai 1 A8	1277.0M2			Cấp 4			
Nhà mang thai 2 A9	309.3 M2			Cấp 4			

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Thạch Hà, ngày 24 tháng 3 năm 2017

TM. UBND HUYỆN THẠCH HÀ

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP
HUYỆN CÁN LỘC-HÀ TĨNH

Ngô Văn Tân

Số vào sổ cấp GCN: CH02018

CÔNG TRÌNH:
CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG
VIỆT THÁI
ĐỊA CHỈ: THÔN TRUNG NAM -
XÃ THẠCH LƯU - HUYỆN THẠCH
HÀ - TỈNH HÀ TĨNH

CHỦ ĐẦU TƯ


LÊ QUANG HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
NAM LÂM

NGÕ 13, ĐƯỜNG HẢI THƯỢNG LÂN ỜNG
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

HẠNG MỤC:
HỒ HIẾU KHÍ

GIÁM ĐỐC

THÁI VĂN NAM

CHỦ TRÌ

LÊ VĂN SƠN

VỀ

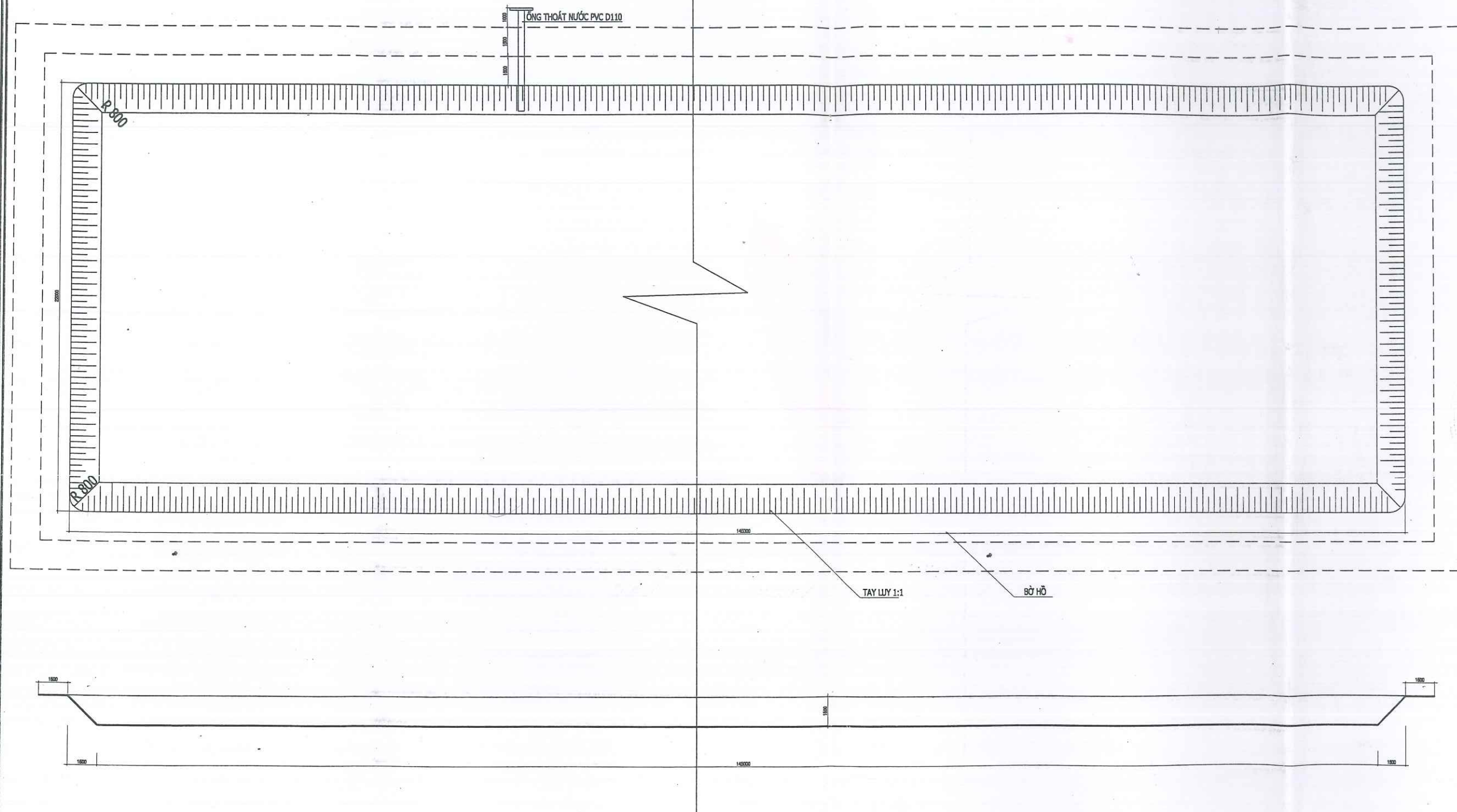
LÊ VĂN SƠN

QUẢN LÝ KIỂM TRA

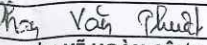
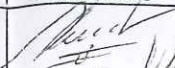
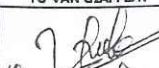
NGUYỄN TRÍ HÙNG

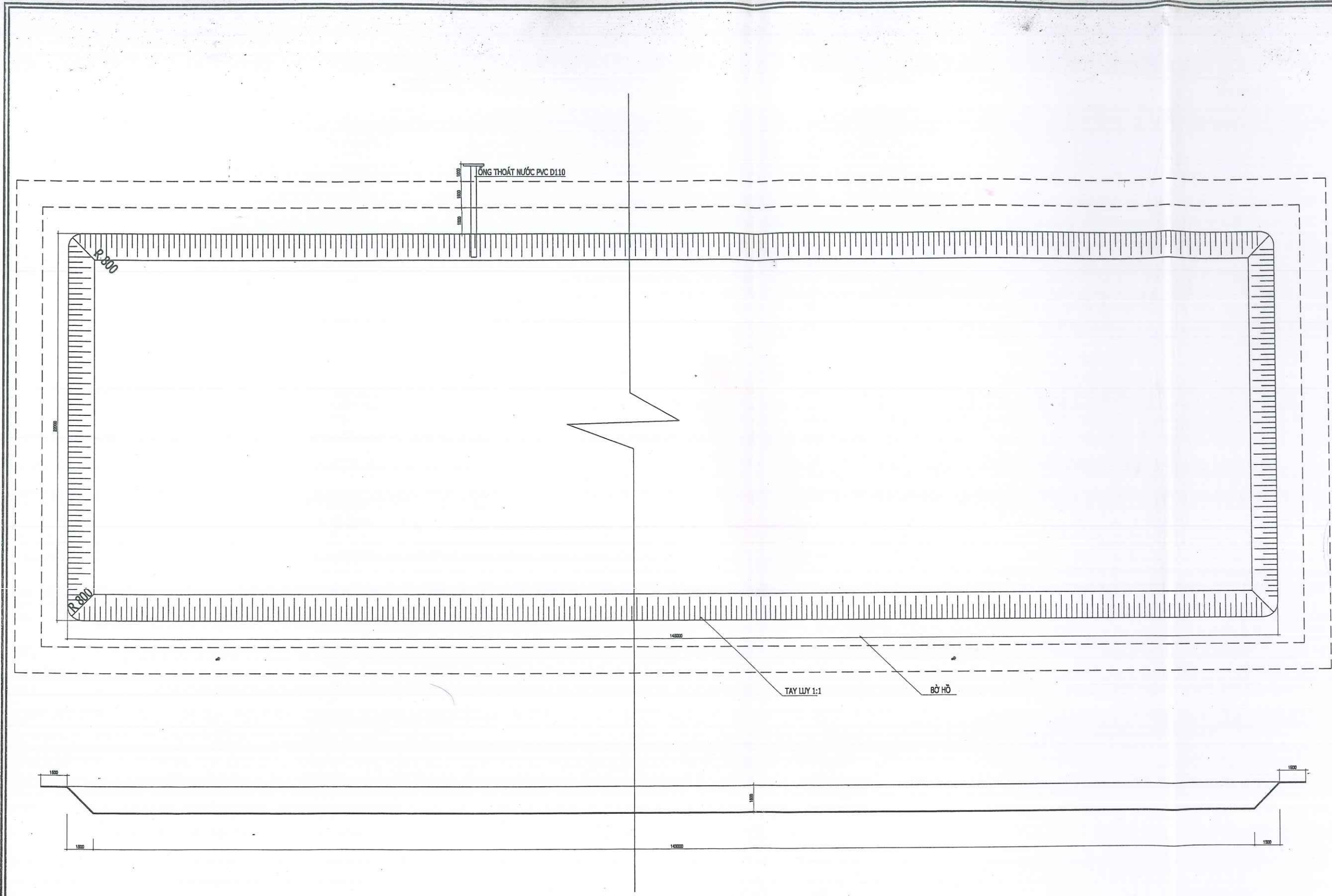
TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG, MẶT CẮT

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
HOÀN THÀNH
KỶ HIỆU
NĂM: 2015
KT: 04



MẶT BẰNG, MẶT CẮT

NHỎ THẦU: 		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày tháng năm 20		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
 Lê Văn Sơn	 Nguyễn Văn Quyết	 Nguyễn Văn Quyết



MẶT BẰNG, MẶT CẮT

CÔNG TRÌNH:
CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG
VIỆT THÁI
ĐỊA CHỈ: THÔN TRUNG NAM -
XÃ THẠCH LƯU - HUYỆN THẠCH
HÀ - TỈNH HÀ TĨNH

CHỦ ĐẦU TƯ

LÊ QUANG HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
NAM LÂM

NGÕ 13, ĐƯỜNG HẢI THƯỢNG LÂN ÔNG
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

HẠNG MỤC:

HỒ HIỆU KHÍ

GIÁM ĐỐC

THÁI VĂN NAM

CHỦ TRÌ

LÊ VĂN SƠN

VẼ

LÊ VĂN SƠN

QUẢN LÝ KIỂM TRA

NGUYỄN TRÍ HÙNG

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG, MẶT CẮT

NHỎ THẦU: <u>Phạm Văn Hùng</u>			HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Ngày tháng năm 20				
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	HOÀN THÀNH	NĂM: 2015
<u>Lê Văn Sơn</u>	<u>Phạm Văn Hùng</u> <u>Lê Văn Sơn</u>	<u>Phạm Văn Hùng</u> <u>Phạm Văn Hùng</u>	KÝ HIỆU	KT: 04

CÔNG TRÌNH:
CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG
VIỆT THÁI
ĐỊA CHỈ: THÔN TRUNG NAM -
XÃ THẠCH LƯU - HUYỆN THẠCH
HÀ - TỈNH HÀ TĨNH

CHỦ ĐẦU TƯ

LÊ QUANG HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
NAM LÂM

NGÕ 13, ĐƯỜNG HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

HẠNG MỤC:

HỒ TÙY NGHI

GIÁM ĐỐC

THÁI VĂN NAM

CHỦ TRÌ

LÊ VĂN SƠN

VỀ

LÊ VĂN SƠN

QUẢN LÝ KIỂM TRA

NGUYỄN TRÍ HÙNG

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG, MẶT CẮT

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

HOÀN THÀNH

NĂM: 2015

KÝ HIỆU

KT: 03

NHỎ THẦU: Phan Văn Thuật

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm 20

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY TRƯỞNG

TƯ VẤN GIÁM SÁT

10/2015

Phan Văn Thuật

Nguyễn Trí Hùng

CĐ 1/2015

Lê Văn Sơn

Phan Văn Thuật

MẶT BẰNG, MẶT CẮT

TAY LUY 1:1

BỜ HỒ

CÔNG TRÌNH:
CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG
VIỆT THÁI
ĐỊA CHỈ: THÔN TRUNG NAM -
XÃ THẠCH LƯU - HUYỆN THẠCH
HÀ - TỈNH HÀ TĨNH

CHỦ ĐẦU TƯ

LÊ QUANG HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
NAM LÂM

NGÕ 13, ĐƯỜNG HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

HẠNG MỤC:

HỒ TÙY NGHI

GIÁM ĐỐC

THÁI VĂN NAM

CHỦ TRÌ

LÊ VĂN SƠN

VẼ

LÊ VĂN SƠN

QUẢN LÝ KIỂM TRA

NGUYỄN TRÍ HÙNG

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG, MẶT CẮT

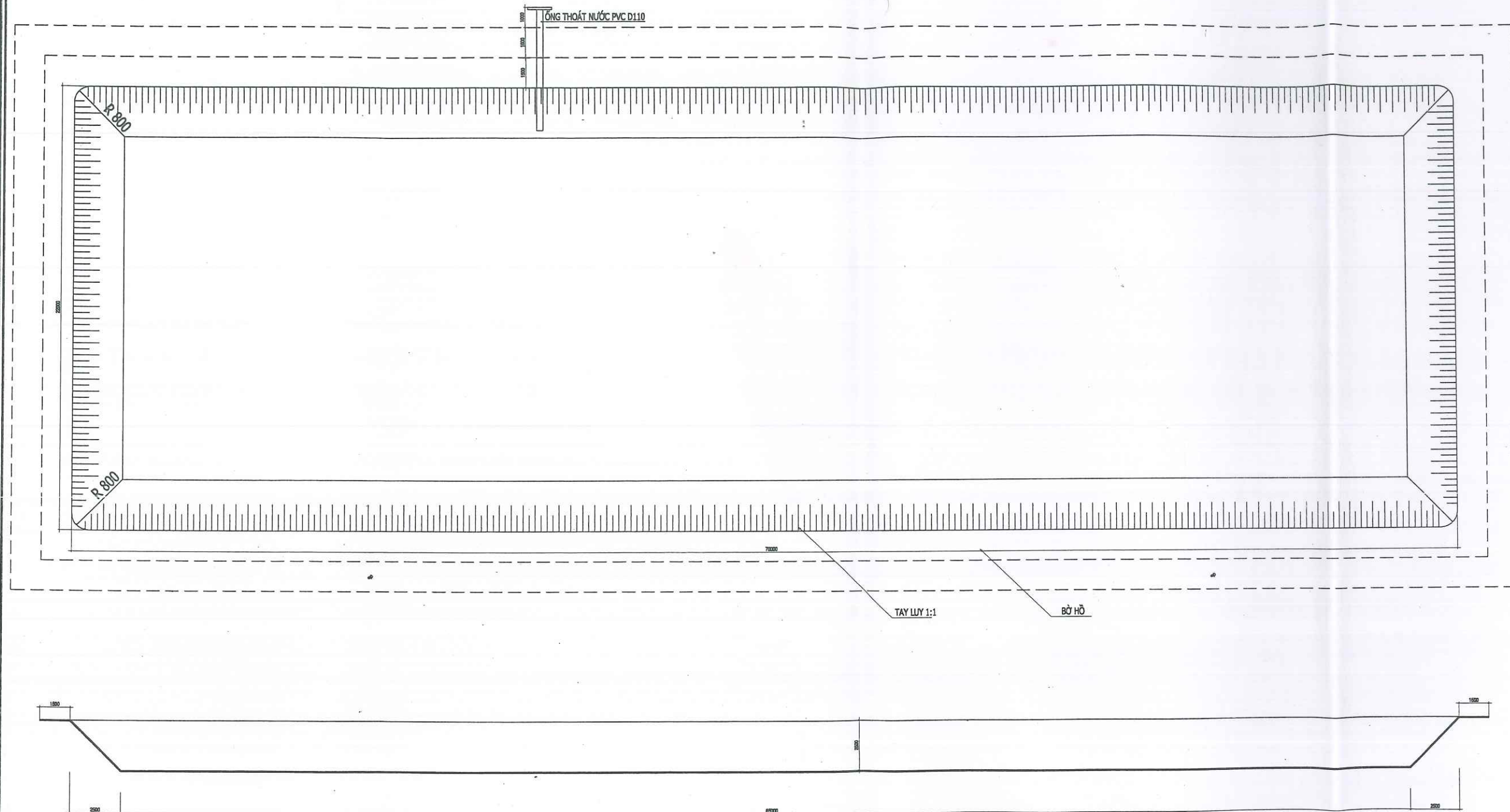
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

HOÀN THÀNH NĂM: 2015

KÝ HIỆU KT: 03

NHỎ THẦU:		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày tháng năm 20		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
Lê Văn Sơn	Lê Văn Sơn	Nguyễn Trí Hùng

MẶT BẰNG, MẶT CẮT



ỐNG THOÁT NƯỚC PVC D110

R 800

R 800

TAY LUY 1:1

BỜ HỒ

MẶT BẰNG, MẶT CẮT

CÔNG TRÌNH:
CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG
VIỆT THÁI
ĐỊA CHỈ: THÔN TRUNG NAM -
XÃ THẠCH LƯU - HUYỆN THẠCH
HÀ - TỈNH HÀ TĨNH

CHỦ ĐẦU TƯ

LÊ QUANG HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
NAM LÂM

NGÕ 13, ĐƯỜNG HẢI THƯỢNG LÂN ÔNG
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

HẠNG MỤC:

HỒ KỸ KHÍ

GIÁM ĐỐC

THÁI VĂN NAM

CHỦ TRÌ

LÊ VĂN SƠN

VỀ

LÊ VĂN SƠN

QUẢN LÝ KIỂM TRA

NGUYỄN TRÍ HÙNG

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG, MẶT CẮT

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

HOÀN THÀNH

NĂM: 2015

KÝ HIỆU

KT: 02

NHỒ THẦU:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm 20

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY TRƯỞNG

TƯ VẤN GIÁM SÁT

Lê Hải?

Lê Văn Sơn

Nguyễn Trí Hùng

ỐNG THOÁT NƯỚC PVC D110

CÔNG TRÌNH:
CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG
VIỆT THÁI
ĐỊA CHỈ: THÔN TRUNG NAM -
XÃ THẠCH LƯU - HUYỆN THẠCH
HÀ - TỈNH HÀ TĨNH

CHỦ ĐẦU TƯ

LÊ QUANG HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
NAM LÂM

NGÕ 13, ĐƯỜNG HÀI THƯỢNG LÂN ÔNG
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

HẠNG MỤC:

HỒ KÝ KHÍ

GIÁM ĐỐC

THÁI VĂN NAM

CHỦ TRÌ

LÊ VĂN SƠN

VỀ

LÊ VĂN SƠN

QUẢN LÝ KIỂM TRA

NGUYỄN TRÍ HÙNG

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG, MẶT CẮT

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

HOÀN THÀNH

NĂM: 2015

KÝ HIỆU

KT: 02

NHỒ THẦU:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm 20

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY TRƯỞNG

TƯ VẤN GIÁM SÁT

(Chữ ký)
Lê Văn Sơn

(Chữ ký)
Lê Văn Sơn

(Chữ ký)
Nguyễn Đức Anh

MẶT BẰNG, MẶT CẮT

ỐNG XẢ PHÂN PVC
D 350

HỖ CITY
1000X1000X1200

HỖ CITY
1000X1000X1200
ỐNG HÚT Bùn PVC D315

NHỒ THẦU:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm 20

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY TRƯỞNG

TƯ VẤN GIÁM SÁT

CÔNG TRÌNH:
CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG
VIỆT THÁI
ĐỊA CHỈ: THÔN TRUNG NAM -
XÃ THẠCH LƯU - HUYỆN THẠCH
HÀ - TỈNH HÀ TĨNH

CHỦ ĐẦU TƯ

LÊ QUANG HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
NAM LÂM

NGÕ 13, ĐƯỜNG HẢI THƯỢNG LÃN ỚNG
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

HẠNG MỤC:

AO BIOGAS

GIÁM ĐỐC

THÁI VĂN NAM

CHỦ TRÌ

LÊ VĂN SƠN

VẼ

LÊ VĂN SƠN

QUẢN LÝ KIỂM TRA

NGUYỄN TRÍ HÙNG

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG, MẶT CẮT

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

HOÀN THÀNH

NĂM: 2015

KÝ HIỆU

KT: 01

R 800

R 800

TAY LUY 1:1

BỜ HỒ

RÃNH NEO BÁT

BÁT MẶT HDPE DÀY 1MM

ỐNG THOÁT NƯỚC PVC D315

HỖ CITY
1000X1000X1200

ĐẤT GIỮ MÉT BÁT

CỌC CỐ ĐỊNH BÁT

ỐNG HÚT Bùn
2000X2000X1500

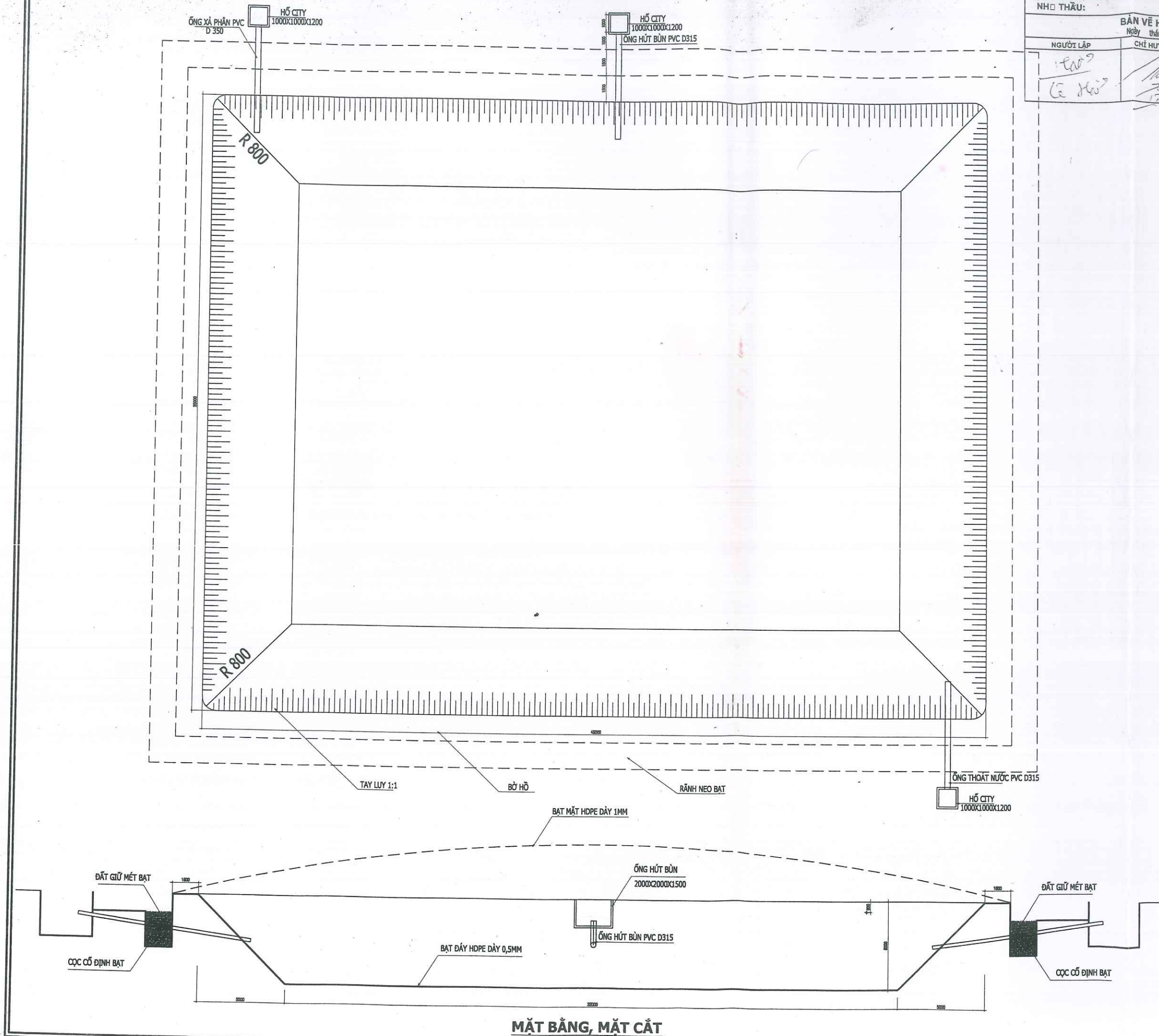
ỐNG HÚT Bùn PVC D315

BÁT ĐÁY HDPE DÀY 0,5MM

ĐẤT GIỮ MÉT BÁT

CỌC CỐ ĐỊNH BÁT

MẶT BẰNG, MẶT CẮT



NHỎ THẦU:

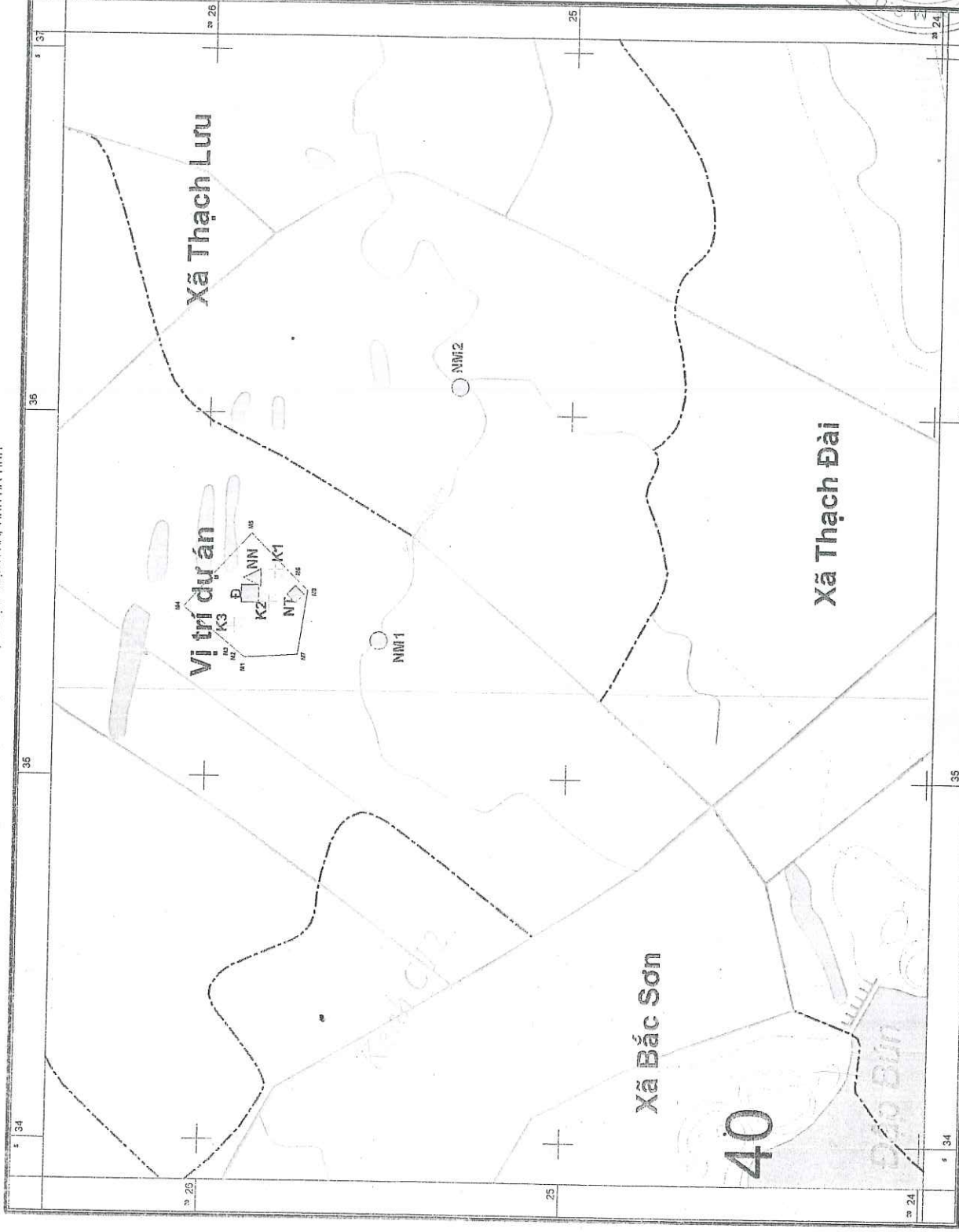
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày tháng năm 20		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>Ce Hoi</i>	<i>Thoi</i>	<i>Thoi</i>

CÔNG TRÌNH: CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG	
VIỆT THÁI	
ĐỊA CHỈ: THÔN TRUNG NAM - XÃ THẠCH LƯU - HUYỆN THẠCH HÀ - TỈNH HÀ TĨNH	
CHỦ ĐẦU TƯ <i>Thoi</i>	
LÊ QUANG HÙNG	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM LÂM	
NGÕ 13, ĐƯỜNG HẢI THƯỢNG LÂN ỒNG THÀNH PHỐ HÀ TĨNH	
HẠNG MỤC: AO BIOGAS	
GIÁM ĐỐC <i>Thoi</i>	
THÁI VĂN NAM	
CHỦ TRÌ <i>Thoi</i>	
LÊ VĂN SƠN	
VỀ <i>Thoi</i>	
LÊ VĂN SƠN	
QUẢN LÝ KIỂM TRA <i>Thoi</i>	
NGUYỄN TRÍ HÙNG	
TÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG, MẶT CẮT	
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
HOÀN THÀNH	NĂM: 2015
KÝ HIỆU	KT: 01

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU
CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI
TẠI XÃ THẠCH LƯU, HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

TỶ LỆ 1:10.000

Đơn vị bản đồ bằng 100m ngang trục là
100 200 300



CHỈ DẪN

Tọa độ vị trí lấy mẫu		Hệ tọa độ VN.2000	
Vị trí		X(m)	Y(m)
Điểm lấy không khí 1		2025.808	535.572
Điểm lấy không khí 2		2025.930	535.480
Điểm lấy không khí 3		2025.924	535.412
Điểm lấy nước mặt 1		2025.925	535.376
Điểm lấy nước mặt 2		2.025.311	536.076
Điểm lấy mẫu đất		2025.883	535.502
Điểm lấy mẫu nước thải		2025.721	535.506
Điểm lấy nước dưới đất		2025.977	535.546

- NM ☐ Điểm lấy mẫu nước mặt
- KK ☐ Điểm lấy mẫu không khí xung quanh
- NN Điểm lấy mẫu nước dưới đất
- Đ Điểm lấy mẫu đất
- NT Điểm lấy mẫu nước thải
- Sông suối
- Đường giao thông
- Đường đồng mức
- Mực ranh giới dự án



VỊ TRÍ KHU ĐẤT:

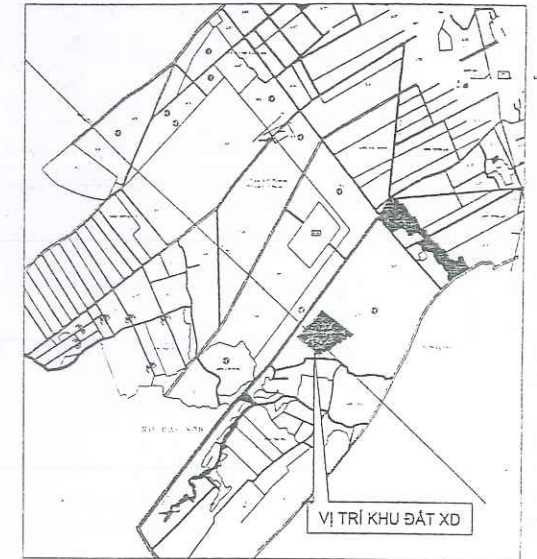
KHU ĐẤT XÂY DỰNG THUỘC ĐỊA PHẬN
THÔN TRUNG NAM, XÃ THẠCH LƯU, HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

PHẠM VI RANH GIỚI

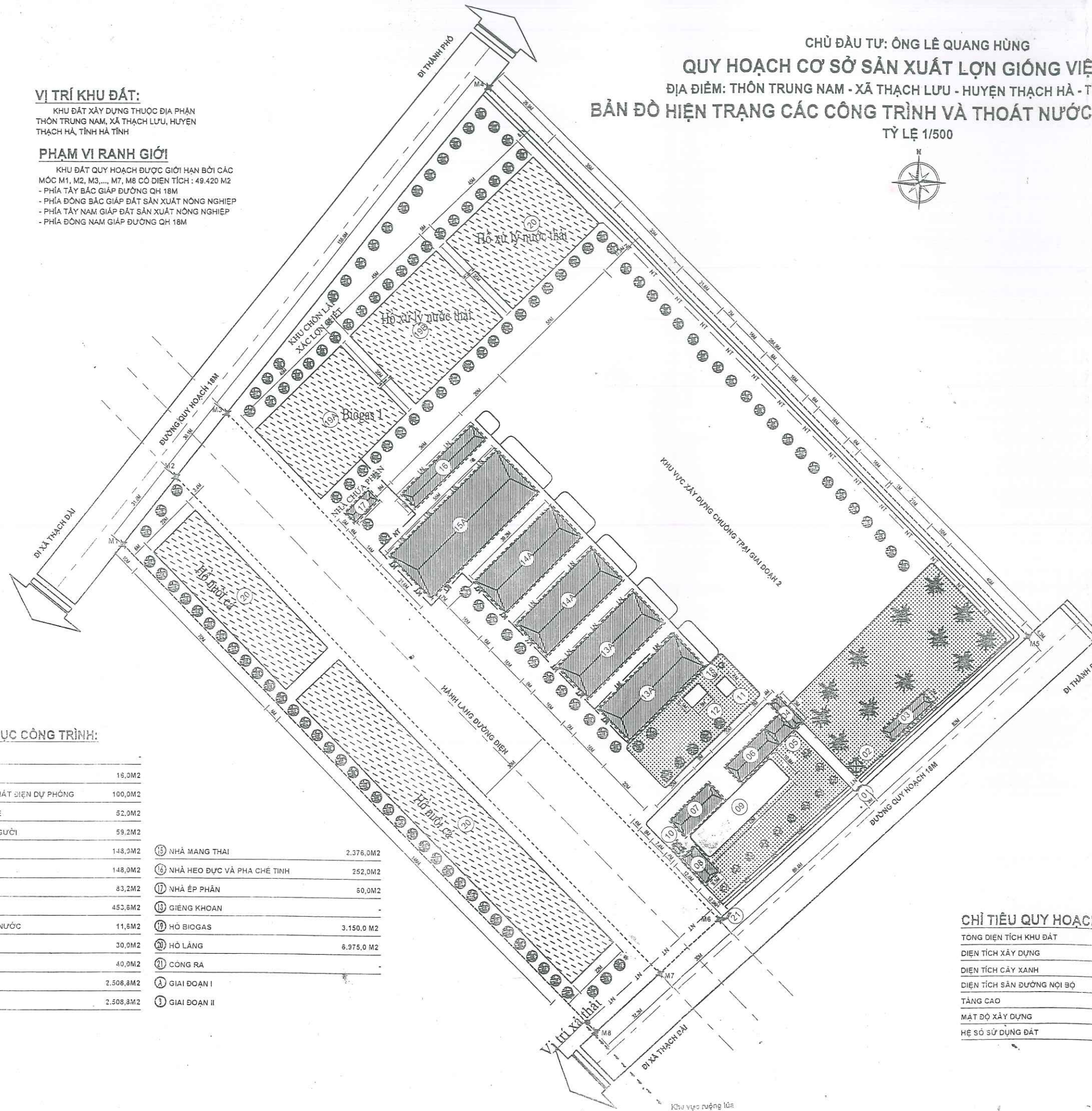
KHU ĐẤT QUY HOẠCH ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI CÁC
MỐC M1, M2, M3, ..., M7, M8 CÓ DIỆN TÍCH : 49.420 M²
- PHÍA TÂY BẮC GIÁP ĐƯỜNG QH 18M
- PHÍA ĐÔNG BẮC GIÁP ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
- PHÍA TÂY NAM GIÁP ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
- PHÍA ĐÔNG NAM GIÁP ĐƯỜNG QH 18M

CHỦ ĐẦU TƯ: ÔNG LÊ QUANG HÙNG
QUY HOẠCH CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI
ĐỊA ĐIỂM: THÔN TRUNG NAM - XÃ THẠCH LƯU - HUYỆN THẠCH HÀ - TỈNH HÀ TĨNH
BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG CÁC CÔNG TRÌNH VÀ THOÁT NƯỚC KHU VỰC DỰ ÁN
TỶ LỆ 1/500

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ KHU ĐẤT



VỊ TRÍ KHU ĐẤT XO



HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH:

1 CÔNG VADO			
2 NHÀ BẢO VỆ	16,0M2		
3 NHÀ KHO & MÁY PHÁT ĐIỆN DỰ PHÒNG	100,0M2		
4 NHÀ SÁT TRÙNG XE	52,0M2		
5 NHÀ SÁT TRÙNG NGƯỜI	59,2M2		
6 NHÀ VĂN PHÒNG	148,0M2	15 NHÀ MANG THAI	2.376,0M2
7 NHÀ CÔNG NHÂN	148,0M2	16 NHÀ HEO ĐỰC VÀ PHA CHẾ TINH	252,0M2
8 NHÀ BẾP & NHÀ ĂN	83,2M2	17 NHÀ ÉP PHÂN	60,0M2
9 SÂN	453,6M2	18 GIẾNG KHOAN	
10 NHÀ VỆ SINH & BÈ NƯỚC	11,6M2	19 HỒ BIOGAS	3.150,0 M2
11 THÁP NƯỚC	30,0M2	20 HỒ LĂNG	6.975,0 M2
12 BÈ NƯỚC NỘI	40,0M2	21 CÔNG RA	
13 NHÀ CẢI SỬA	2.508,8M2	A GIAI ĐOẠN I	
14 NHÀ NÁI ĐỀ	2.508,8M2	B GIAI ĐOẠN II	

CHỈ TIÊU QUY HOẠCH

TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	49.420 M ²
DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	8.847,2 M ²
DIỆN TÍCH CÂY XANH	14.300,0M2
DIỆN TÍCH SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ	2.748,3M2
TẦNG CAO	01 TẦNG
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	17,90%
HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT	0,77LẦN

TÊN CÔNG TRÌNH
QUY HOẠCH CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI
ĐỊA ĐIỂM: THÔN TRUNG NAM, XÃ THẠCH LƯU, HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH
TÊN BẢN VẼ

BẢN VẼ HIỆN TRẠNG CÔNG TRÌNH VÀ
THOÁT NƯỚC KHU VỰC DỰ ÁN

CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI
GIÁM ĐỐC

LÊ QUANG HÙNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG T&T
GIÁM ĐỐC

PHẠM ĐỨC LONG

VỊ TRÍ KHU ĐẤT:

KHU ĐẤT XÂY DỰNG THUỘC ĐỊA PHẬN
THÔN TRUNG NAM, XÃ THẠCH LƯU, HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

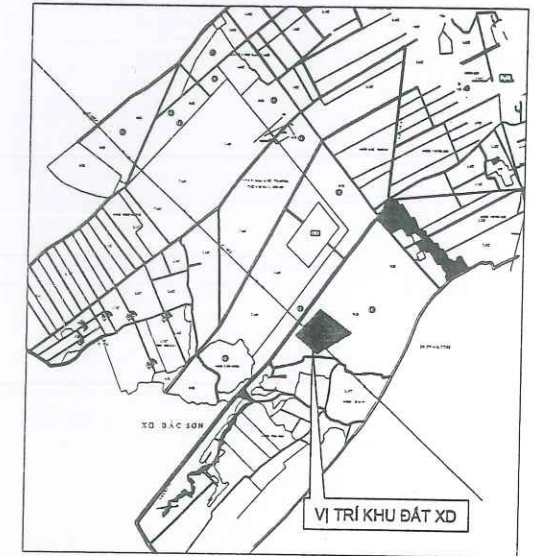
PHẠM VI RANH GIỚI

KHU ĐẤT QUY HOẠCH ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI CÁC
MỐC M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8 CÓ DIỆN TÍCH : 49.420 M2
- PHÍA TÂY BẮC GIÁP ĐƯỜNG QH 18M
- PHÍA ĐÔNG BẮC GIÁP ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
- PHÍA TÂY NAM GIÁP ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
- PHÍA ĐÔNG NAM GIÁP ĐƯỜNG QH 18M

CHỦ ĐẦU TƯ: ÔNG LÊ QUANG HÙNG QUY HOẠCH CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI ĐỊA ĐIỂM: THÔN TRUNG NAM - XÃ THẠCH LƯU - HUYỆN THẠCH HÀ - TỈNH HÀ TĨNH BẢN VẼ THOÁT NƯỚC GIAI ĐOẠN ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG TỶ LỆ 1/500



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ KHU ĐẤT



HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH:

1 CÔNG VADO		
2 NHÀ BẢO VỆ	16,0M2	
3 NHÀ KHO & MÁY PHÁT ĐIỆN DỰ PHÒNG	100,0M2	
4 NHÀ SÁT TRÙNG XE	52,0M2	
5 NHÀ SÁT TRÙNG NGƯỜI	59,2M2	
6 NHÀ VĂN PHÒNG	148,0M2	
7 NHÀ CÔNG NHÂN	148,0M2	
8 NHÀ BẾP & NHÀ ĂN	83,2M2	
9 SÂN	453,6M2	
10 NHÀ VỆ SINH & BỂ NƯỚC	11,6M2	
11 THÁP NƯỚC	30,0M2	
12 BỂ NƯỚC NỒI	40,0M2	
13 NHÀ CẢI SỬA	2.508,3M2	
14 NHÀ NÀI ĐÉ	2.508,8M2	
15 NHÀ MANG THAI	2.376,0M2	
16 NHÀ HEO ĐƯỢC VÀ PHA CHẾ TINH	252,0M2	
17 NHÀ ÉP PHÂN	60,0M2	
18 GIẾNG KHOAN		
19 HỒ BIOGAS	3.150,0 M2	
20 HỒ LẮNG	6.975,0 M2	
21 CÔNG RA		
A GIAI ĐOẠN I		
B GIAI ĐOẠN II		
19S HỒ SINH HỌC 1		

CHỈ TIÊU QUY HOẠCH

TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	49.420 M2
DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	8.847,2 M2
DIỆN TÍCH CÂY XANH	14.300,0M2
DIỆN TÍCH SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ	2.748,3M2
TẦNG CAO	01 TẦNG
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	17,90%
HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT	0,77LẦN

TÊN CÔNG TRÌNH:

QUY HOẠCH CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI
ĐỊA ĐIỂM: THÔN TRUNG NAM, XÃ THẠCH LƯU, HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH
TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ THOÁT NƯỚC GĐ HOẠT ĐỘNG

CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI
GIÁM ĐỐC

LÊ QUANG HÙNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG T&T

GIÁM ĐỐC
PHẠM ĐỨC LONG

VI TRÍ KHU ĐẤT:

KHU ĐẤT XÂY DỰNG THUỘC ĐỊA PHẬN
THÔN TRUNG NAM, XÃ THẠCH LƯU, HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

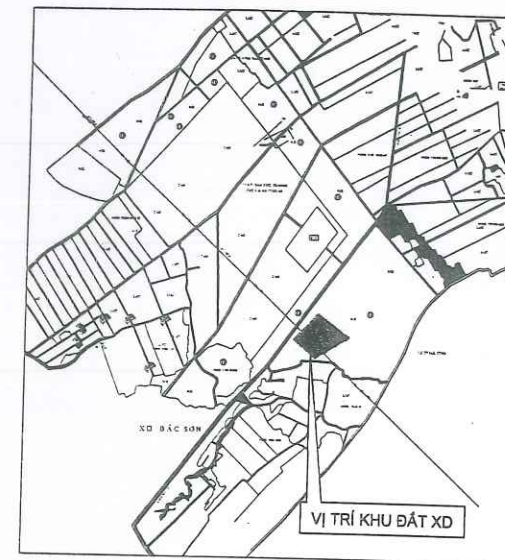
PHẠM VI RANH GIỚI

KHU ĐẤT QUY HOẠCH ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI CÁC
MỐC M1, M2, M3, ..., M7, M8 CÓ DIỆN TÍCH: 49.420 M2
- PHÍA TÂY BẮC GIÁP ĐƯỜNG QH 18M
- PHÍA ĐÔNG BẮC GIÁP ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
- PHÍA TÂY NAM GIÁP ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
- PHÍA ĐÔNG NAM GIÁP ĐƯỜNG QH 18M

CHỦ ĐẦU TƯ: **ÔNG LÊ QUANG HÙNG** **QUY HOẠCH CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI** ĐỊA ĐIỂM: THÔN TRUNG NAM - XÃ THẠCH LƯU - HUYỆN THẠCH HÀ - TỈNH HÀ TĨNH **BẢN VẼ GIÁM SÁT GIAI ĐOẠN ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG** TỶ LỆ 1/500



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ KHU ĐẤT



HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH:

1 CÔNG VÀO		15 NHÀ MANG THAI	2.375,0M2
2 NHÀ BẢO VỆ	16,0M2	16 NHÀ HEO ĐƯỢC VÀ PHA CHẾ TINH	252,0M2
3 NHÀ KHO & MÁY PHÁT ĐIỆN DỰ PHÒNG	100,0M2	17 NHÀ ÉP PHÂN	60,0M2
4 NHÀ SÁT TRÙNG XE	52,0M2	18 GIẾNG KHOAN	
5 NHÀ SÁT TRÙNG NGƯỜI	59,2M2	19 HỒ BIOGAS	3.150,0 M2
6 NHÀ VĂN PHÒNG	148,0M2	20 HỒ LẮNG	6.975,0 M2
7 NHÀ CÔNG NHÂN	148,0M2	21 CÔNG RA	
8 NHÀ BẾP & NHÀ ĂN	83,2M2	A GIAI ĐOẠN I	
9 SÂN	453,6M2	B GIAI ĐOẠN II	
10 NHÀ VỆ SINH & BẾ NƯỚC	11,6M2	199 HỒ SINH HỌC 1	
11 THÁP NƯỚC	30,0M2		
12 BẾ NƯỚC NỘI	40,0M2		
13 NHÀ CẢI SỬA	2.508,3M2		
14 NHÀ NÀI ĐỀ	2.508,3M2		

CHỈ TIÊU QUY HOẠCH

TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	49.420 M2
DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	8.847,2 M2
DIỆN TÍCH CÂY XANH	14.300,0M2
DIỆN TÍCH SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ	2.748,3M2
TẦNG CAO	01 TẦNG
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	17,90%
HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT	0,77LẦN

TÊN CÔNG TRÌNH:
QUY HOẠCH CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI
ĐỊA ĐIỂM: THÔN TRUNG NAM, XÃ THẠCH LƯU, HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH
TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ GIÁM SÁT GĐ HOẠT ĐỘNG

CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI
GIÁM ĐỐC

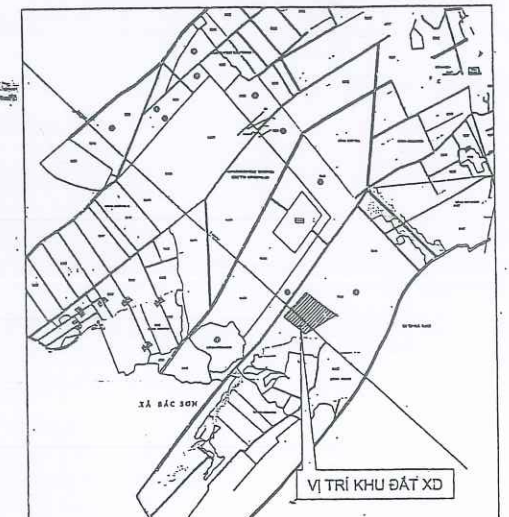
LÊ QUANG HÙNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG T&T

GIÁM ĐỐC
PHẠM ĐỨC LONG

CHỦ ĐẦU TƯ: ÔNG LÊ QUANG HÙNG
QUY HOẠCH CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI
ĐỊA ĐIỂM: THÔN TRUNG NAM - XÃ THẠCH LƯU - HUYỆN THẠCH HÀ - TỈNH HÀ TĨNH
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT
TỶ LỆ 1/500

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ KHU ĐẤT

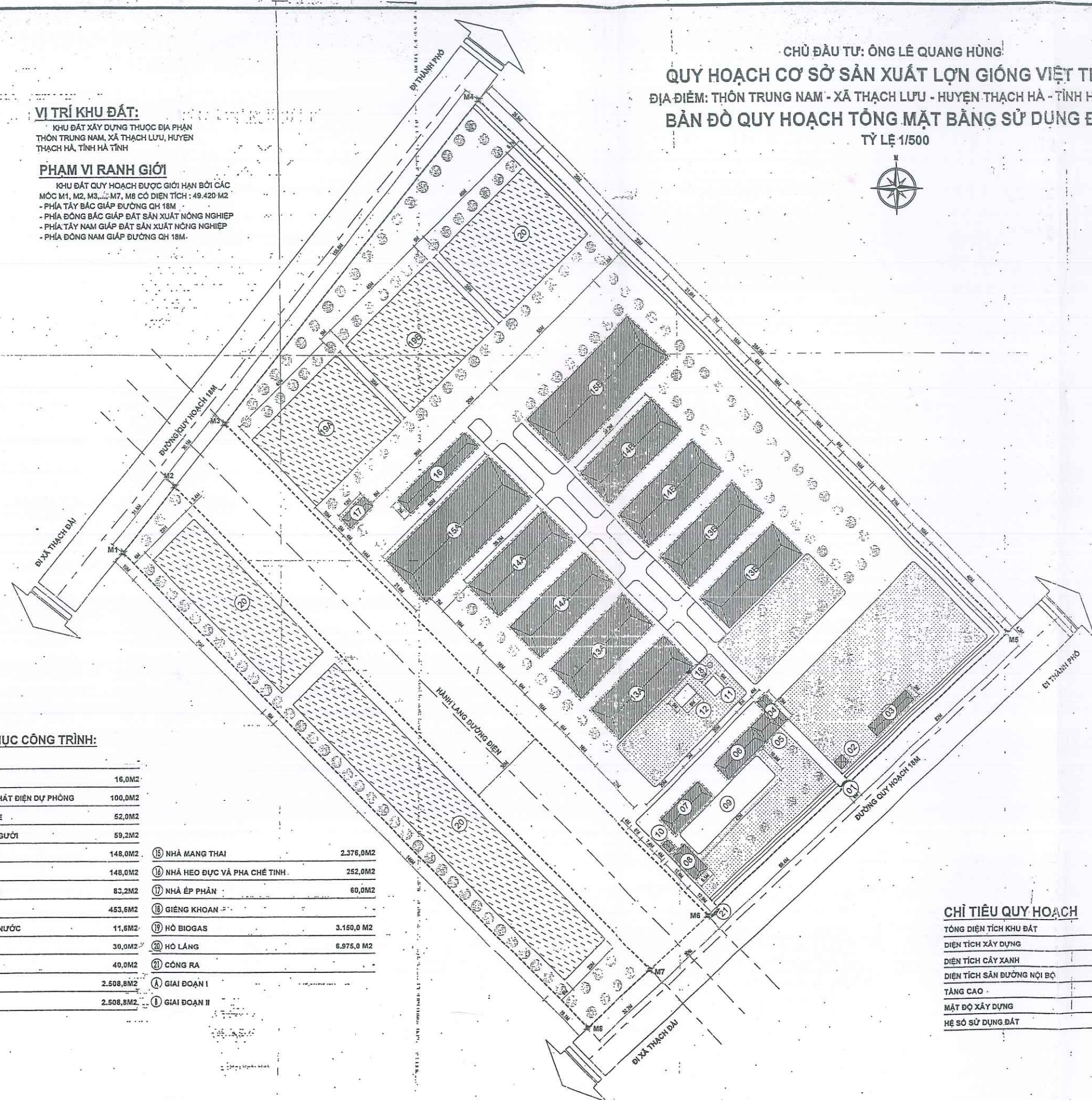


VỊ TRÍ KHU ĐẤT:

KHU ĐẤT XÂY DỰNG THUỘC ĐỊA PHẠM
THÔN TRUNG NAM, XÃ THẠCH LƯU, HUYỆN
THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

PHẠM VI RANH GIỚI

KHU ĐẤT QUY HOẠCH ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI CÁC
MỐC M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8 CÓ DIỆN TÍCH: 49.420 M²
- PHÍA TÂY BẮC GIÁP ĐƯỜNG QH 18M
- PHÍA ĐÔNG BẮC GIÁP ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
- PHÍA TÂY NAM GIÁP ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
- PHÍA ĐÔNG NAM GIÁP ĐƯỜNG QH 18M.



HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH:

1 CÔNG VÁO		
2 NHÀ BẢO VỆ	16,0M ²	
3 NHÀ KHO & MÁY PHÁT ĐIỆN DỰ PHÒNG	100,0M ²	
4 NHÀ SÁT TRÙNG XE	52,0M ²	
5 NHÀ SÁT TRÙNG NGƯỜI	59,2M ²	
6 NHÀ VĂN PHÒNG	148,0M ²	15 NHÀ MANG THAI 2.376,0M ²
7 NHÀ CÔNG NHÂN	148,0M ²	16 NHÀ HEO ĐƯỢC VÀ PHA CHẾ TÍNH 252,0M ²
8 NHÀ BẾP & NHÀ ĂN	83,2M ²	17 NHÀ ÉP PHÂN 60,0M ²
9 SÂN	453,6M ²	18 GIẾNG KHOAN 3.150,0 M ²
10 NHÀ VỆ SINH & BỂ NƯỚC	11,6M ²	19 HỒ BIOGAS 6.975,0 M ²
11 THÁP NƯỚC	30,0M ²	20 HỒ LẮNG 21 CÔNG RA
12 BỂ NƯỚC NỘI	40,0M ²	21 GIẢI ĐOẠN I
13 NHÀ CẢI SỬA	2.508,8M ²	22 GIẢI ĐOẠN II
14 NHÀ NẤU BÈ	2.508,8M ²	

CHỈ TIÊU QUY HOẠCH

TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	49.420 M ²
DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	8.847,2 M ²
DIỆN TÍCH CÂY XANH	14.300,0M ²
DIỆN TÍCH SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ	2.748,3M ²
TẦNG CAO	01 TẦNG
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	17,90%
HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT	0,77LẦN

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: UBND HUYỆN THẠCH HÀ

CHỦ TỊCH

CƠ QUAN THAM ĐỊNH: PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG

PHÓ CHỦ TỊCH VÀ CHIEU

CƠ QUAN THỎA THUẬN: UBND XÃ THẠCH LƯU

CHỦ TỊCH

CHỦ ĐẦU TƯ: ÔNG LÊ QUANG HÙNG

CHỦ HỒ

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: ... NGÀY ... THÁNG ... NĂM 2015

TÊN CÔNG TRÌNH: QUY HOẠCH CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI

ĐỊA ĐIỂM: THÔN TRUNG NAM, XÃ THẠCH LƯU, HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

TÊN BẢN VẼ: QH-01

CHẾP: 13X40

TỶ LỆ: 1/500

THÁNG: .../2015

THẾT KẾ: KS. LÊ VĂN SƠN

THỂ HIỆN: KS. LÊ VĂN SƠN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. NGUYỄN TRÍ HÙNG

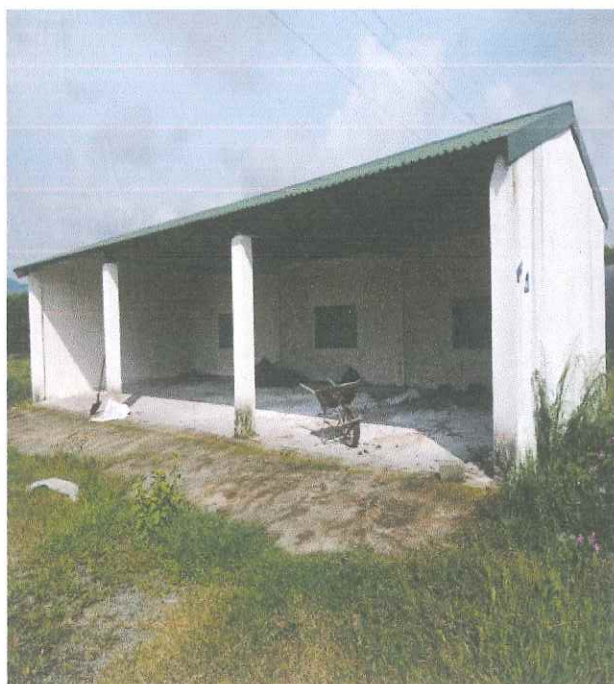
GIÁM ĐỐC: THÁI VĂN NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM LÂM

Địa chỉ: ...

PHỤ LỤC V
MỘT SỐ HÌNH ẢNH DỰ ÁN

MỘT SỐ HÌNH ẢNH KHU VỰC DỰ ÁN



MỘT SỐ HÌNH ẢNH KHU VỰC DỰ ÁN



- Phê chuẩn vật liệu của chủ đầu tư;
- Biên bản nghiệm thu các công việc các công tác thành phần và nghiệm thu giai đoạn;

4.2. Về chất lượng xây dựng công trình:

- So với nhiệm vụ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật:
Đạt yêu cầu
- So với các yêu cầu khác của Hợp đồng xây dựng:
Hoàn thành như nội dung hợp đồng
- Kiểm tra vận hành máy móc thiết bị (chạy thử):
Hệ thống hoạt động, vận hành đạt yêu cầu

4.3. Các ý kiến khác :

Không

5. Kết luận:

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng.

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này.

- Phụ lục kèm theo: không

CHỦ ĐẦU TƯ

NHÀ THẦU THI CÔNG



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN BÀ

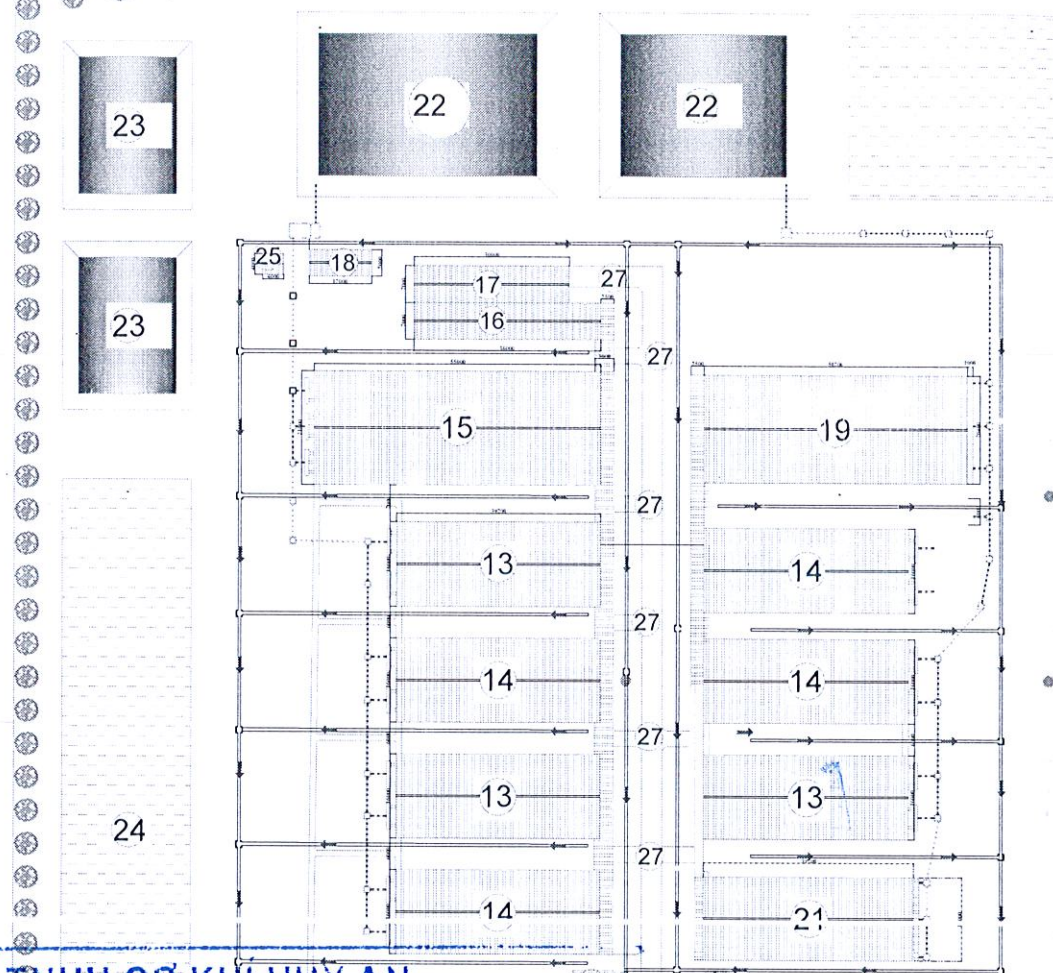


CÔNG TRÌNH: CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THÁI
Đ/C: XÓM TRUNG NAM - XÃ THẠCH LƯU - HUYỆN THẠCH HÀ - TỈNH HÀ TĨNH

TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MẶT



ĐƯỜNG QUY HOẠCH 18M



BẢNG THỐNG KÊ						
STT	NỘI DUNG	ĐVT	SL	RỘNG	DÀI	DIỆN TÍCH
1	Nhà bảo vệ	m2	1	4	4	16
2	Nhà xe, kho, trạm phát điện	m2	1	5	20	100
3	Nhà sát trùng xe	m2	1	4	13	52
4	Nhà ở công nhân	m2	1	7	22,5	157,5
5	Nhà sát trùng người	m2	1	8	8	64
6	Nhà điều hành	m2		8	20	160
7	Nhà ở cán bộ kỹ thuật	m2	1	8	20	160
8	Khu vệ sinh	m2	1	7	13	91
9	Nhà bếp	m2	1	6,5	12,8	83,2
10	Tháp nước		1	4	4	16
11	Nhà xử lý nước sạch	m2	1	8	13	104
12	Bể nước	m2	2	4	8	32
13	Chuồng cai sữa	m2	2	16	39,2	627,2
14	Chuồng đẻ	m2	2	16	39,2	627,2
15	Chuồng bầu số 1	m2	1	21,6	55	1188
16	Nhà heo đực	m2	1	7	36	252
17	Nhà pha chế tinh	m2	1	7	30	210
18	Kho phân	m2	1	5	12	60
19	Chuồng bầu số 2	m2	2	21,6	55	1188
20	Kho cám	m2	1	6,4	8,4	53,76
21	Chuồng cách ly	m2	1	16	39,2	627,2
22	Ao bioga 1	m2	1	35	45	1575
22	Ao bioga 2	m2	1	35	45	1575
23	Ao kỵ khí, tùy nghi	m2	2	25	32	800
24	Ao hiếu khí	m2	1	44	167	7348
25	Hồ hủy xác	m2	1	4	4	16
26	Cân + lối xuất heo	Cái	1			
27	Đường giao thông	md	1	5	500	2500
29	Trạm điện	cái	1			

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ HUY AN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

THÀNH LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Lê Đức Anh	Nguyễn Văn Bảy	Lê Đức Anh	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

THÀNH LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Lê Đức Anh	Nguyễn Văn Bảy	Lê Đức Anh	

CÔNG TY TNHH
CƠ KHÍ HUY AN

XÃ TIỀN TÂN-TP. PHÚ LÝ-
TỈNH HÀ NAM

CÔNG TRÌNH
CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT
THÁI TẠI XÃ THẠCH LƯU, HUYỆN
THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

HẠNG MỤC

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN BẢY

CHỦ TRÌ

NGUYỄN VĂN BẢY

VỀ

BÙI KHẮC VIỆT

QUẢN LÝ & KIỂM
TRA

LÊ ĐỨC ANH

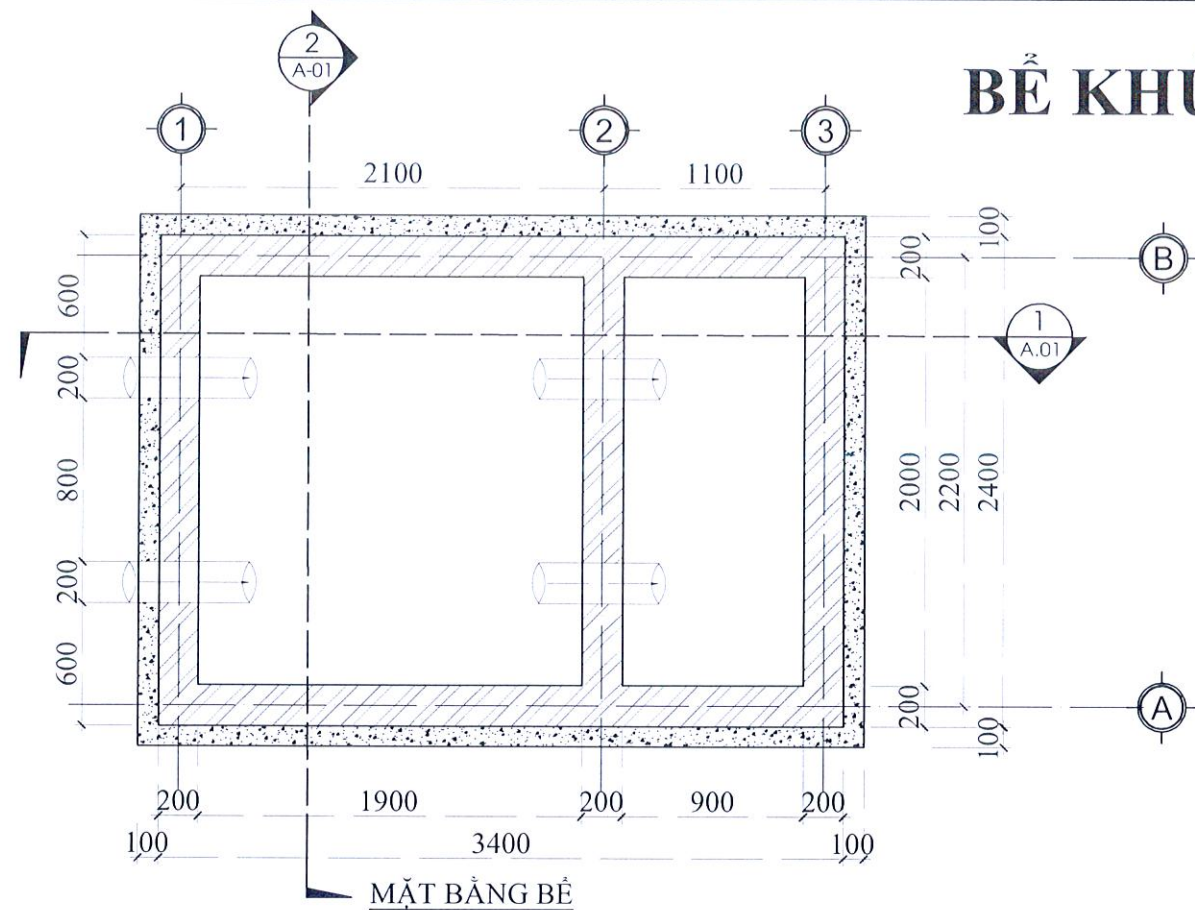
TÊN BẢN VẼ

TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG
THOÁT NƯỚC MẶT

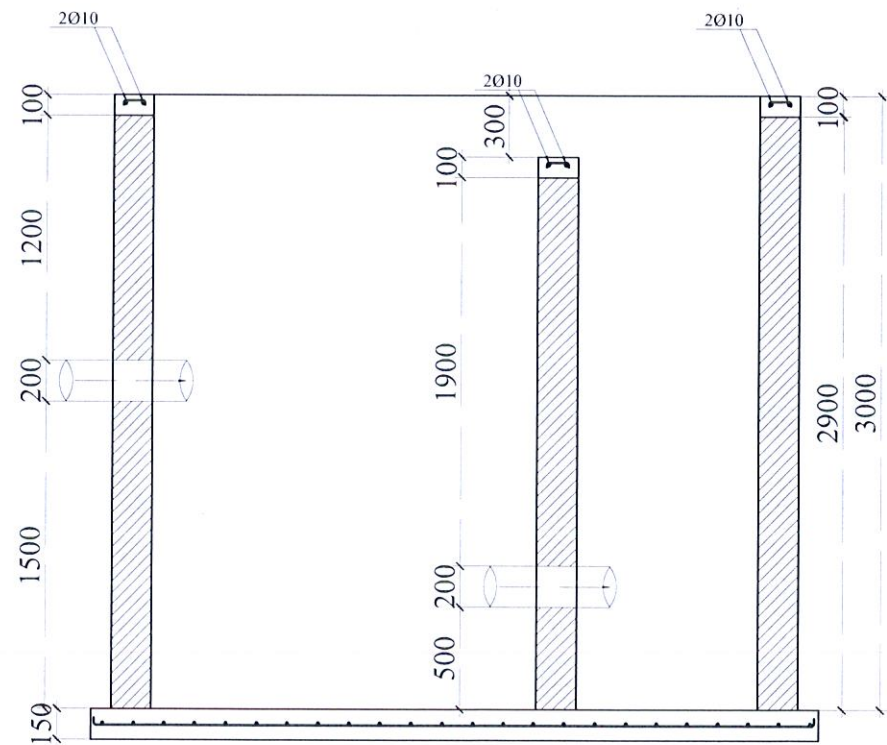
HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HOÀN THÀNH 10/2024

KÝ HIỆU :

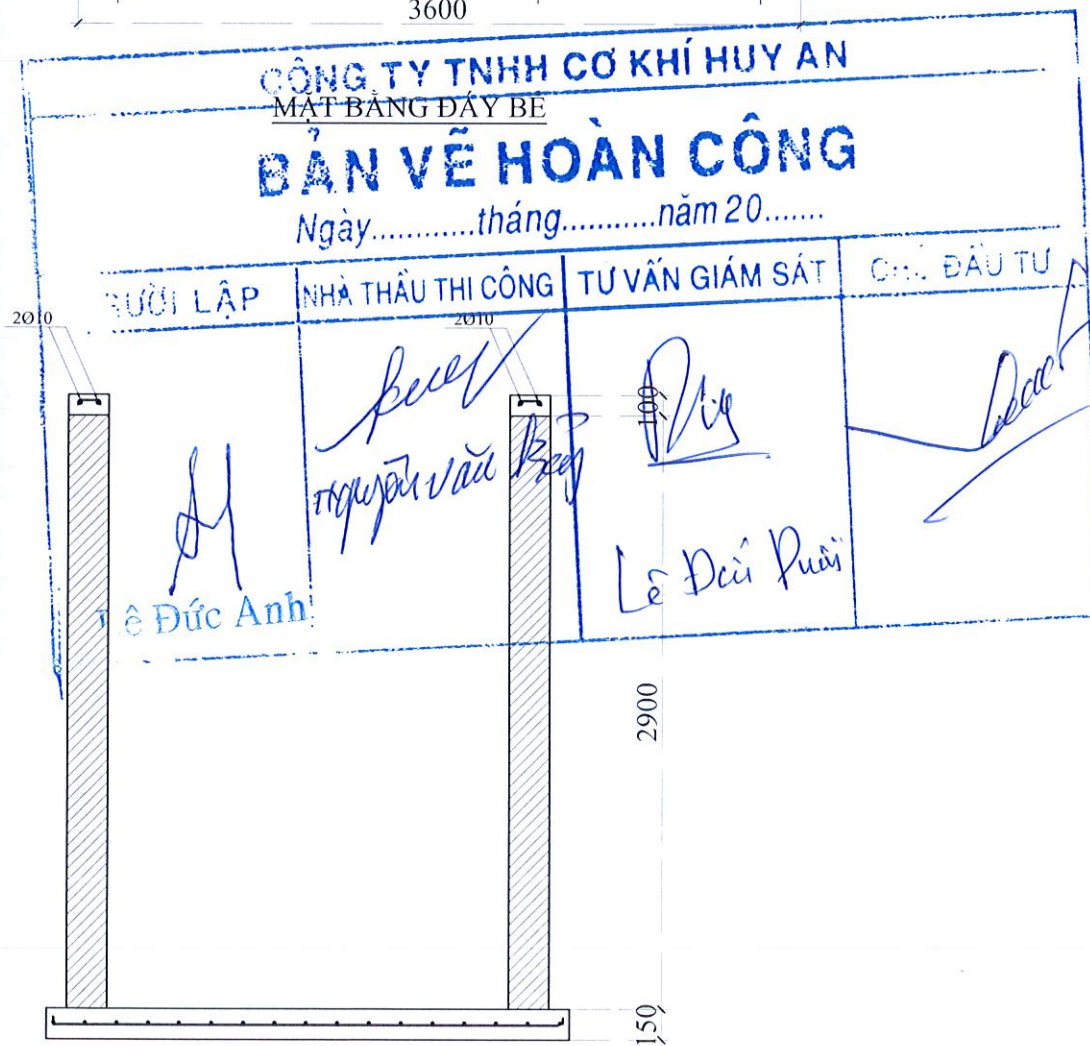
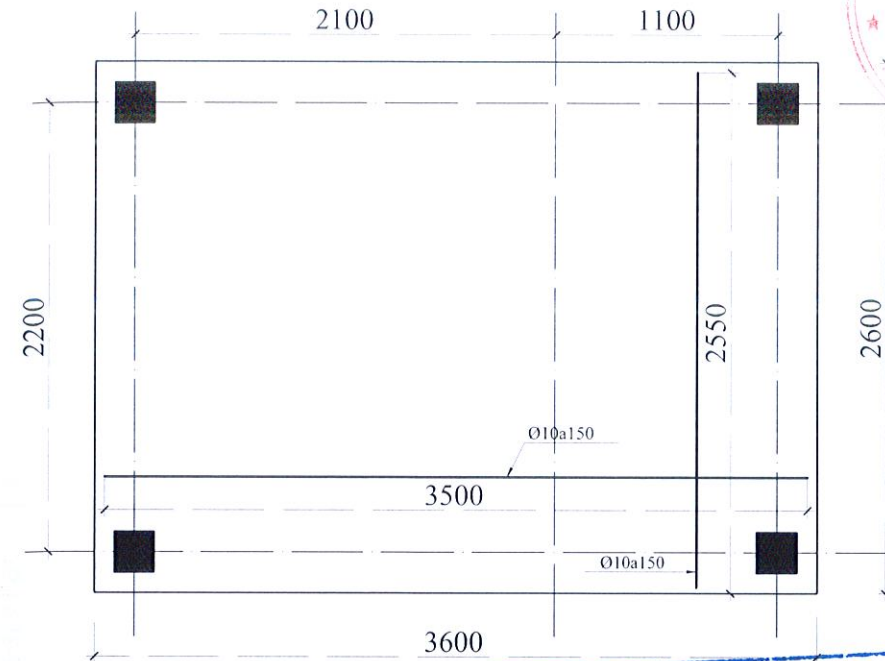


MẶT BẰNG BỂ



MẶT CẮT 1-1

BỂ KHỬ TRÙNG



MẶT CẮT 2-2

GHI CHÚ

- + XÂY GẠCH KHÔNG NUNG MẮC 100#
- + TRÁT TƯỜNG ĐÁNH BÓNG MẮC 100#
- + BÊ TÔNG NỀN BÊ ĐÁ 1x2 MẮC 200#
- + BẠT LÓT TRƯỚC KHI ĐÓ BÊ TÔNG
- + BÊ TÔNG LÓT ĐÁ 4x6 MẮC 100#



CÔNG TY TNHH
CƠ KHÍ HUY AN

XÃ TIỀN TÂN-TP. PHÚ LÝ-
TỈNH HÀ NAM

CÔNG TRÌNH
CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT
THAI TẠI XÃ THẠCH LƯU, HUYỆN
THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

HẠNG MỤC

GIÁM ĐỐC

Paul

NGUYỄN VĂN BẦY

CHỦ TRÌ

Paul

NGUYỄN VĂN BẦY

VỀ

ch

BÙI KHẮC VIỆT

QUẢN LÝ & KIỂM
TRA

ch

LÊ ĐỨC ANH

TÊN BẢN VẼ

BỂ KHỬ TRÙNG

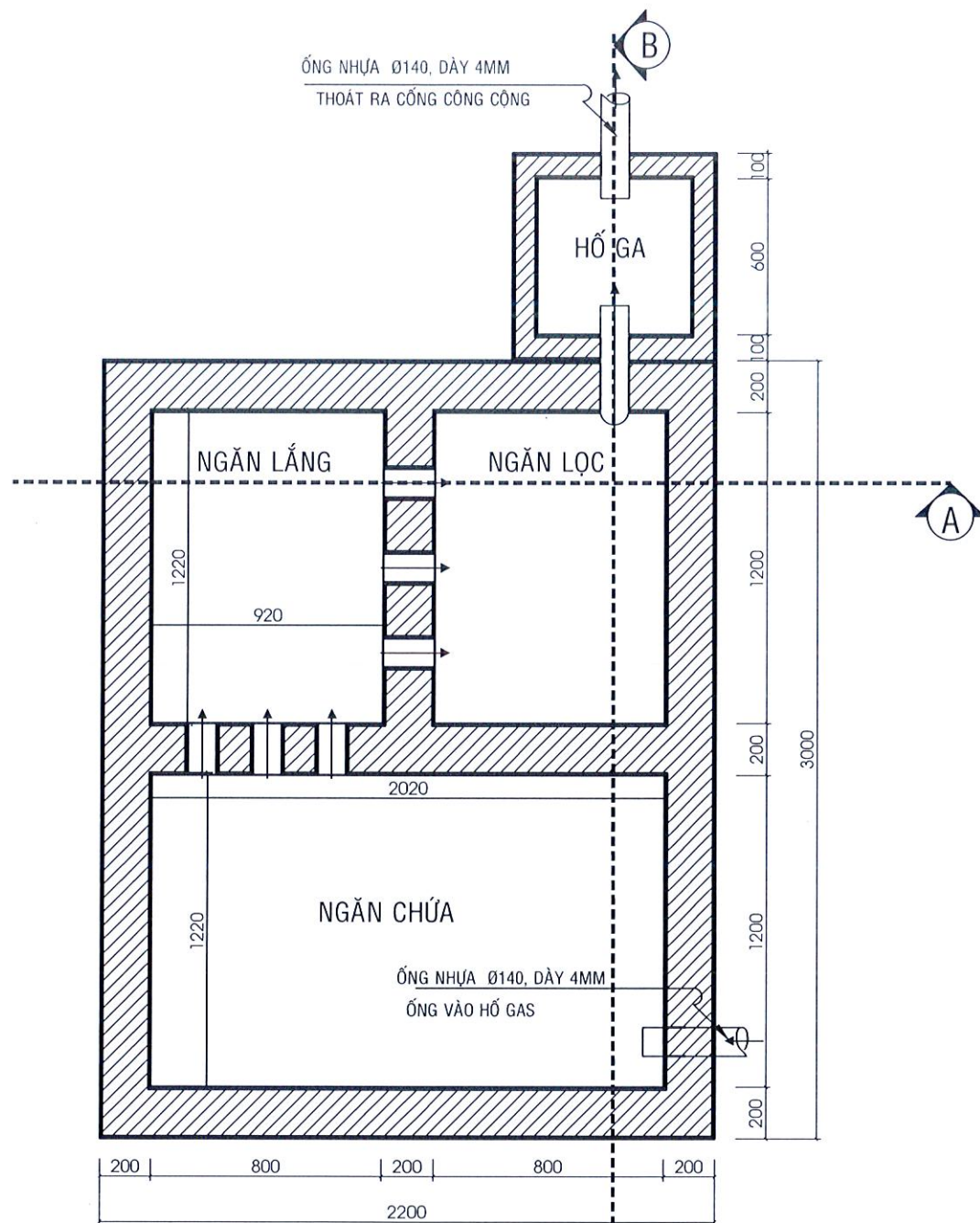
HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HOÀN THÀNH

T10/2024

KÝ HIỆU :

BỂ PHÓT NHÀ VỆ SINH



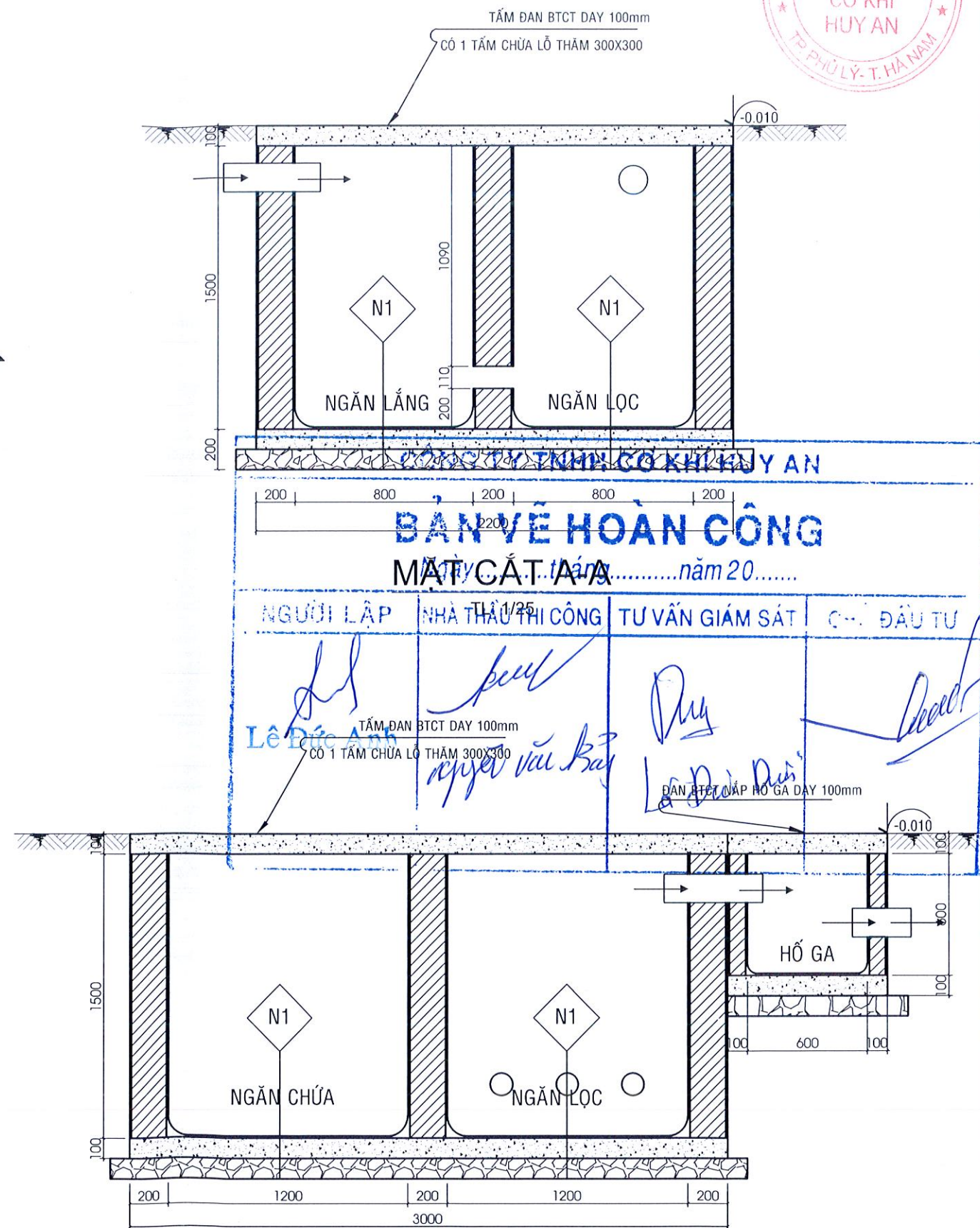
MẶT BẰNG HẦM TỰ HOẠI

TL: 1/25



CẤU TẠO ĐÁY BỂ TỰ HOẠI :

- LẮNG VỮA XI MĂNG M100 DÂY 30.
- ĐAN BÊ TÔNG CỐT THÉP D10 DÂY 100.
- BÊ TÔNG ĐÁ 40x60 M100, DÂY 100.
- MẶT ĐẤT TỰ NHIÊN



MẶT CẮT B-B

TL: 1/25

CÔNG TY TNHH
CƠ KHÍ HUY AN

XÃ TIỀN TÂN-TP. PHÚ LÝ-
TỈNH HÀ NAM

CÔNG TRÌNH
CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT
THẠI TẠI XÃ THẠCH LƯU, HUYỆN
THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

HẠNG MỤC

GIÁM ĐỐC

[Signature]

NGUYỄN VĂN BẦY

CHỦ TRÌ

[Signature]

NGUYỄN VĂN BẦY

VỀ

[Signature]

BÙI KHÁC VIỆT

QUẢN LÝ & KIỂM
TRA

[Signature]

LÊ ĐỨC ANH

TÊN BẢN VẼ

BỂ PHÓT NHÀ VỆ SINH

HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HOÀN THÀNH

T10/2024

KÝ HIỆU :

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HỒ ĐIỀU HÒA



CÔNG TY TNHH
CƠ KHÍ HUY AN

XÃ TIỀN TÂN-TP. PHÚ LÝ-
TỈNH HÀ NAM

CÔNG TRÌNH
CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT
THẢI TẠI XÃ THẠCH LƯU, HUYỆN
THẠCH HẢ, TỈNH HÀ TĨNH

HẠNG MỤC

GIÁM ĐỐC

(Signature)

NGUYỄN VĂN BẦY

CHỦ TRÌ

(Signature)

NGUYỄN VĂN BẦY

VỀ

(Signature)

BÙI KHÁC VIỆT

QUẢN LÝ & KIỂM
TRA

(Signature)

LÊ ĐỨC ANH

TÊN BẢN VẼ

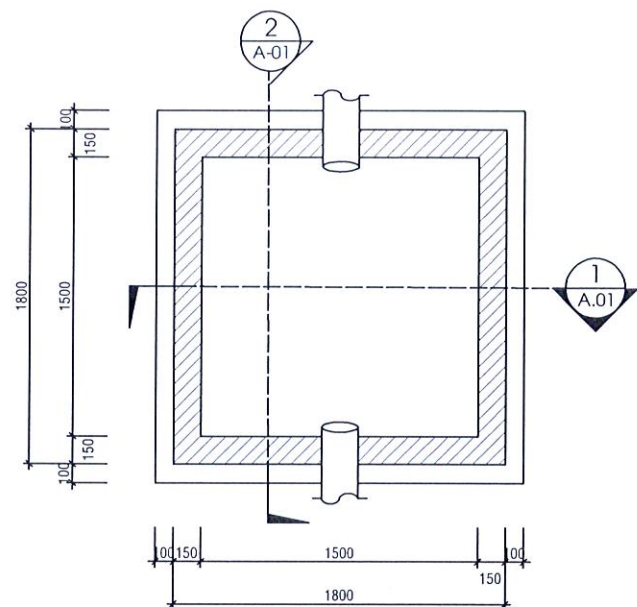
HỒ ĐIỀU HÒA

HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

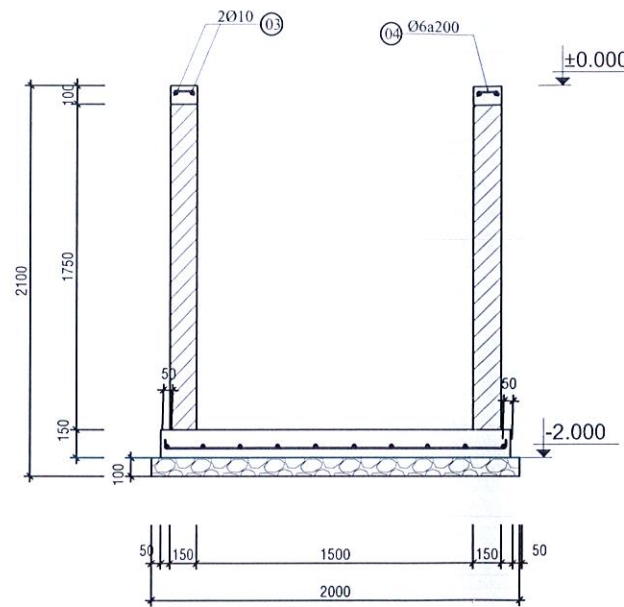
HOÀN THÀNH

T10/2024

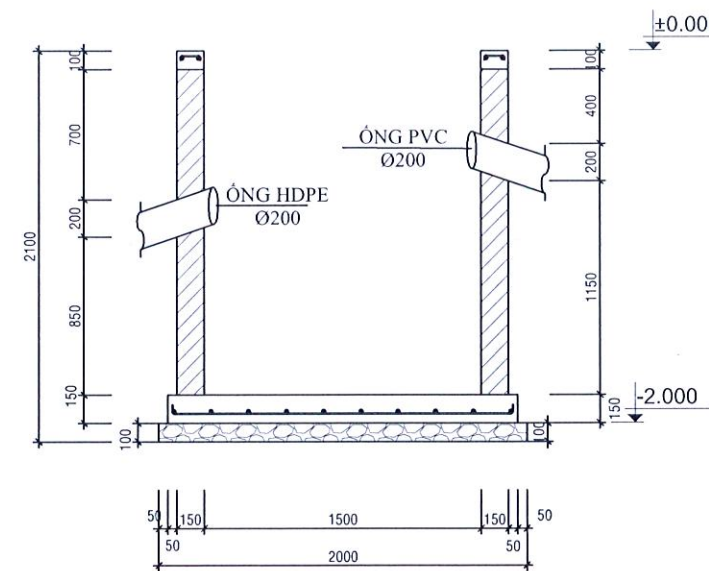
KÝ HIỆU :



MẶT BẰNG BỂ



MẶT CẮT 1-1



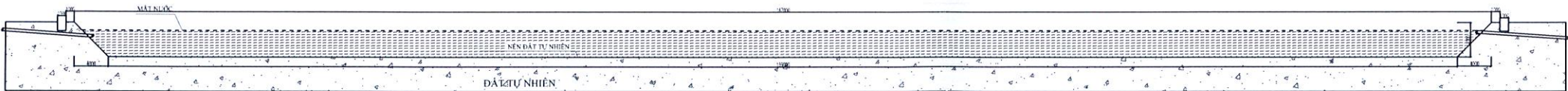
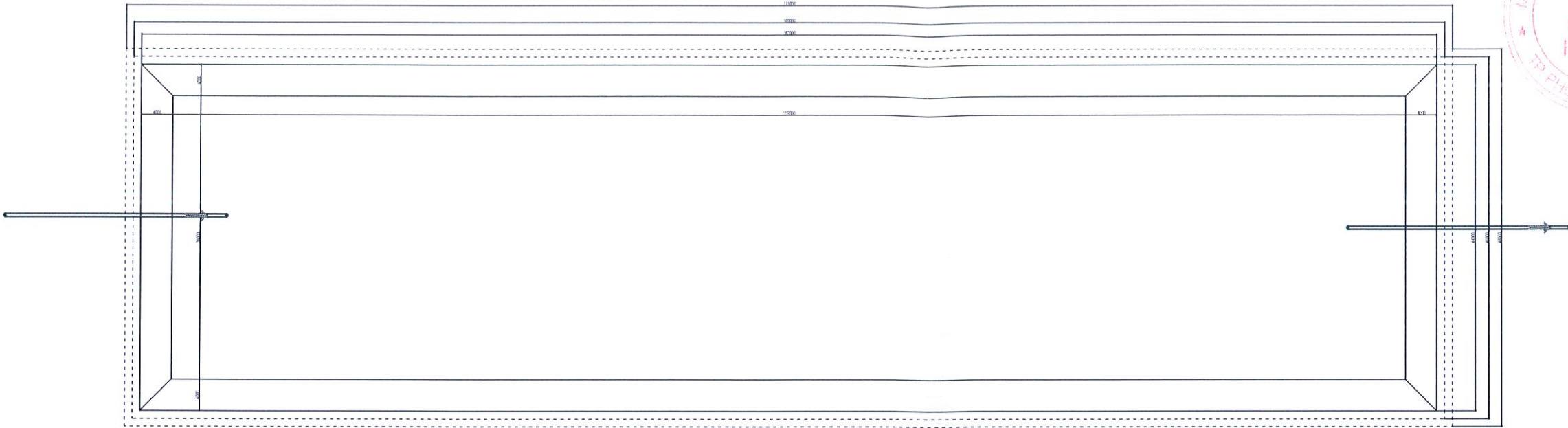
MẶT CẮT 2-2

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ HUY AN			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày.....tháng.....năm 20.....			
NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỈ ĐẠO
<i>(Signature)</i> Lê Đức Anh	<i>(Signature)</i> Nguyễn Văn Bầy	<i>(Signature)</i> Lê Đức Anh	<i>(Signature)</i>

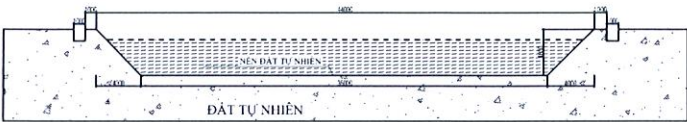
GHI CHÚ.

- +Xây gạch không nung mác 75#.
- +Trát vữa xi măng cát mác 75# dày 20mm.
- +Bê tông đá 1x2 mác 200# dày 100mm.
- +Bê tông lót đá 4x6 mác 100# dày 100mm.
- +Dây thép Ø10a200
- + Ống nhựa tiền phong CII D200.
- + Ống nhựa tiền phong CII D315 từ bể gom nước thải bơm về.

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
HỒ HIỆU KHÍ KT: (44x167x4)m



MẶT CẮT DỌC

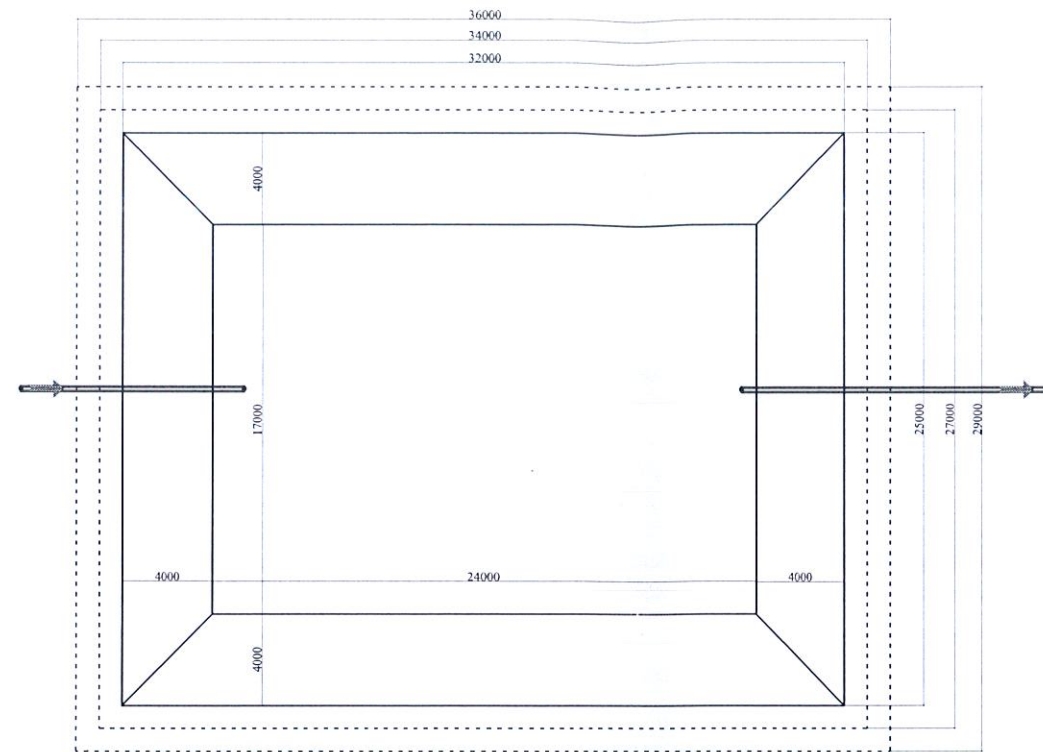


MẶT CẮT NGANG

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ HUY AN			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày.....tháng.....năm 20.....			
NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TU VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Lê Đức Anh	Nguyễn Văn Bảy	Lê Đức Anh	

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ HUY AN	
XÃ TIỀN TÂN-TP. PHÚ LÝ- TỈNH HÀ NAM	
CÔNG TRÌNH CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THẢI TẠI XÃ THẠCH LƯU, HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH	
HẠNG MỤC	
GIÁM ĐỐC	
NGUYỄN VĂN BẢY	
CHỦ TRÌ	
NGUYỄN VĂN BẢY	
VỀ	
BÙI KHẮC VIỆT	
QUẢN LÝ & KIỂM TRA	
LÊ ĐỨC ANH	
TÊN BẢN VẼ	
HỒ HIỆU KHÍ KT: (44x167x4)m	
HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
HOÀN THÀNH	T10/2024
KÝ HIỆU :	

HỒ TÙY NGHI KT: (25x32x4)m



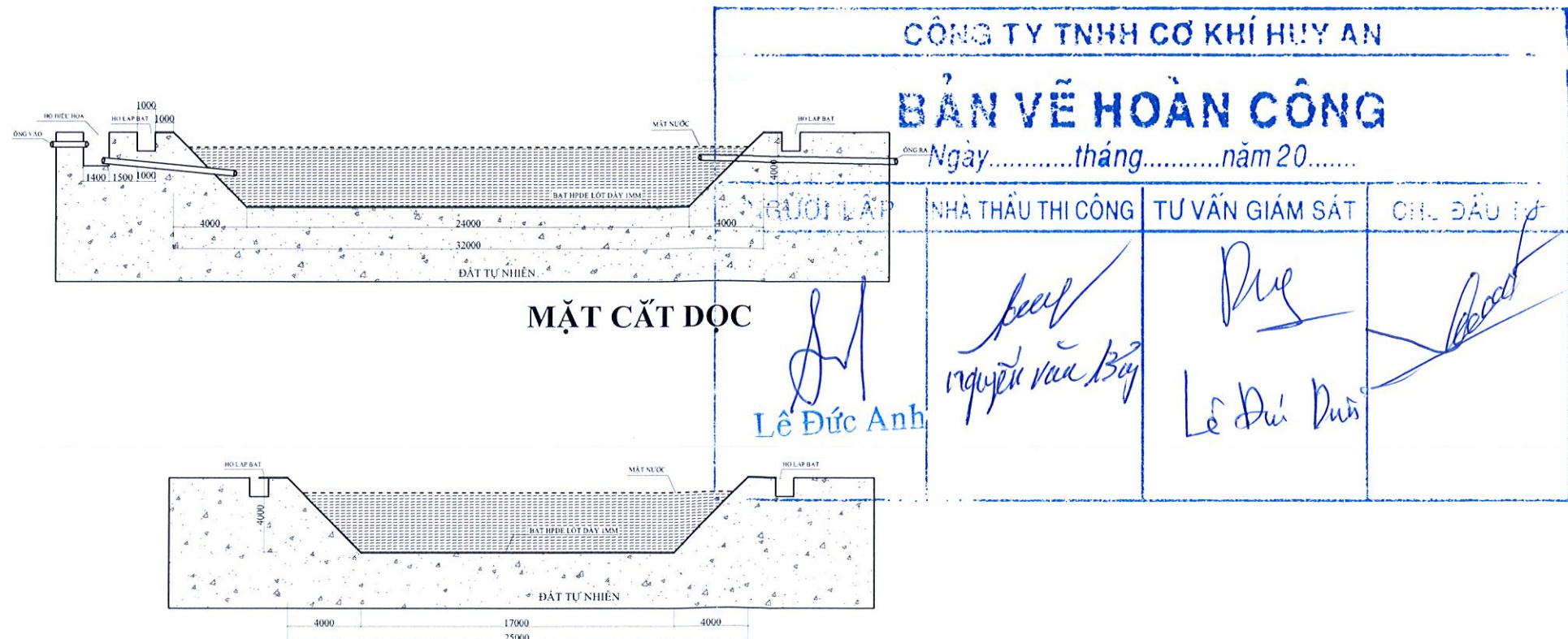
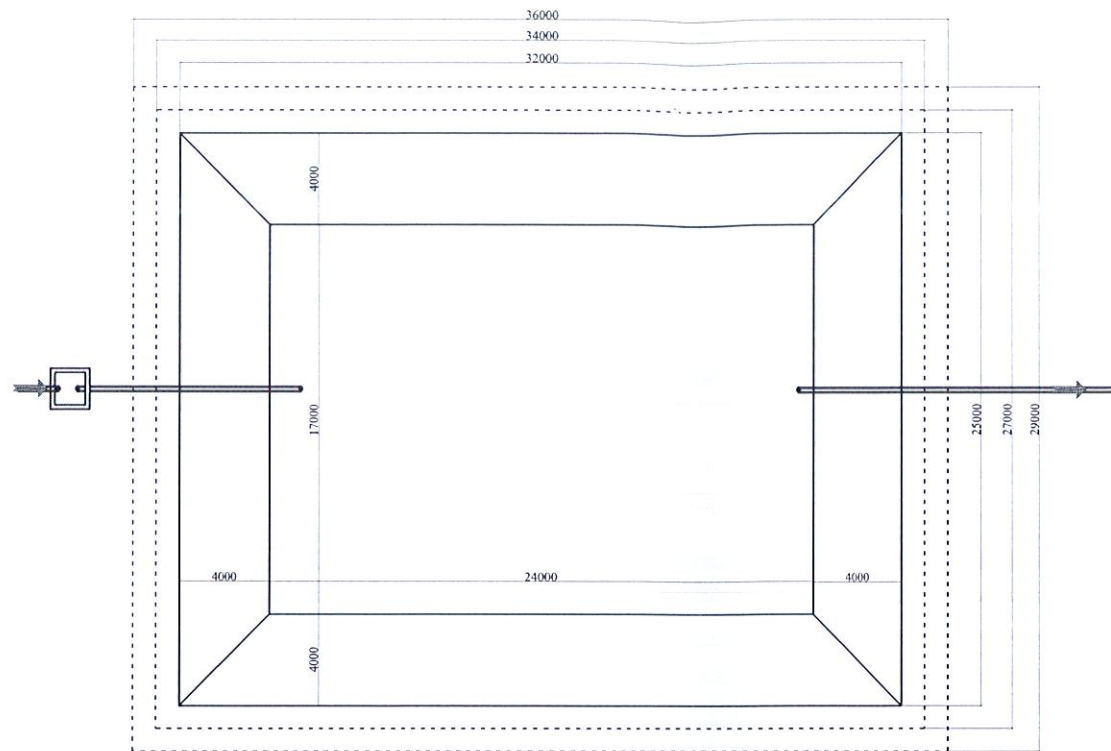
KÝ HIỆU :

Recap

Technical drawing of a cross-section of a road structure. The drawing shows a road with a central section of 17000 units wide, flanked by two sections of 4000 units each. The total width is 25000 units. The road surface is labeled "ĐẤT BỀN LỘT DÀY 10CM" (10cm thick reinforced base). The ground below is labeled "ĐẤT TỰ NHIÊN" (natural ground). The water level is indicated by a dashed line labeled "MẶT NƯỚC". The road is bordered by concrete structures labeled "HỒ CẤP BÁT" (water supply tank). The vertical scale is 4000 units.

MẶT CẮT NGANG

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
HỒ KỶ KHÍ KT: (25x32x4)m



CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ HUY AN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Lê Đức Anh

NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
CƠ KHÍ HUY AN

XÃ TIỀN TÂN-TP. PHÚ LÝ-
TỈNH HÀ NAM

CÔNG TRÌNH
CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT
THẢI TẠI XÃ THẠCH LƯU, HUYỆN
THẠCH HẢ, TỈNH HÀ TĨNH

HẠNG MỤC

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN BẢY

CHỦ TRÌ

NGUYỄN VĂN BẢY

VỀ

BÙI KHẮC VIỆT

QUẢN LÝ & KIỂM
TRA

LÊ ĐỨC ANH

TÊN BẢN VẼ

HỒ KỶ KHÍ
KT: (25x32x4)m

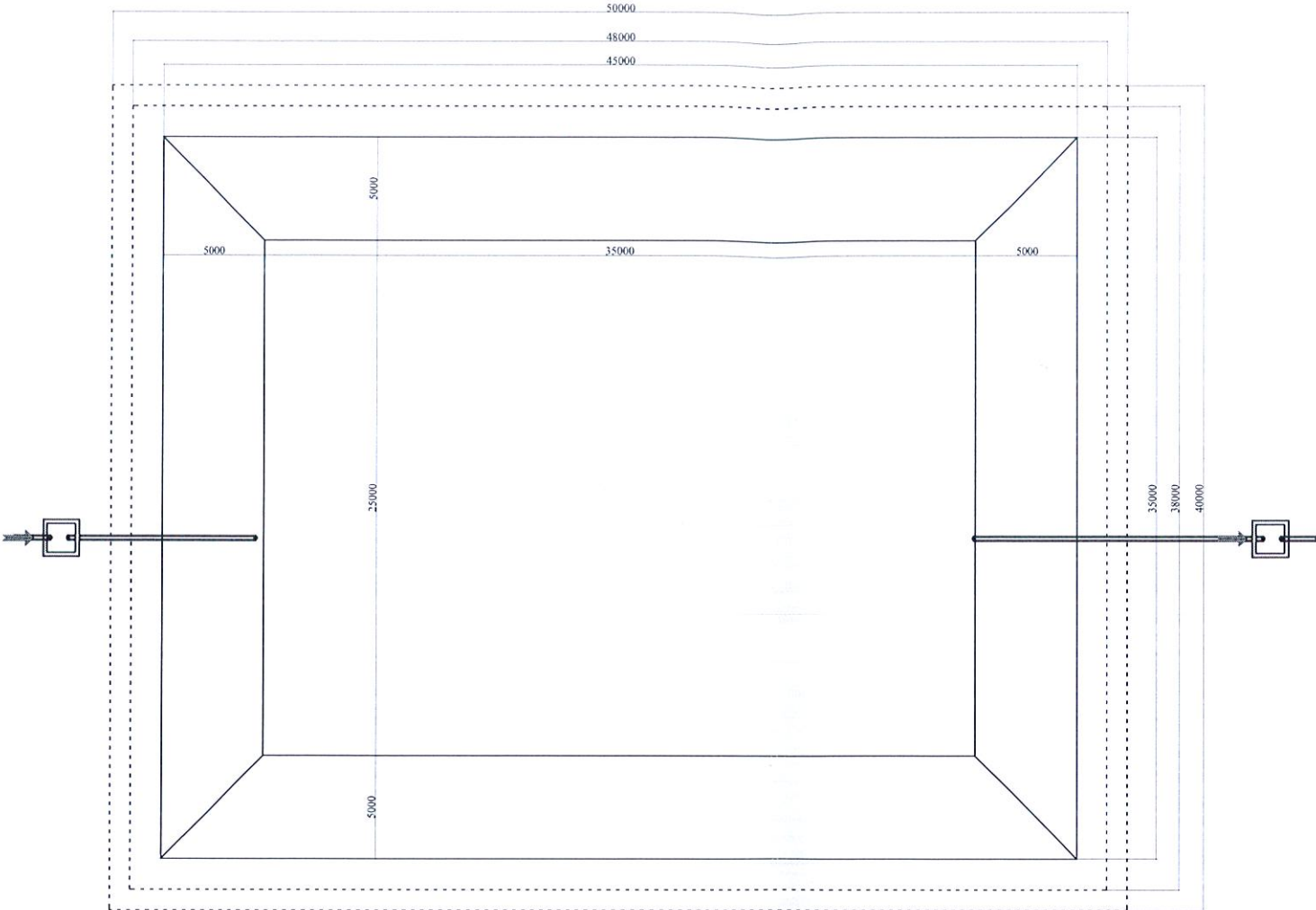
HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HOÀN THÀNH

T10/2024

KÝ HIỆU :

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
AO BIOGAS SỐ 2 KT(35x45x5)m



CÔNG TY TNHH
CƠ KHÍ HUY AN

XÃ TIỀN TÂN-TP. PHÚ LÝ-
TỈNH HÀ NAM

CÔNG TRÌNH
CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT
THẢI TẠI XÃ THẠCH LƯU, HUYỆN
THẠCH HẢ, TỈNH HÀ TĨNH

HẠNG MỤC

GIÁM ĐỐC

[Signature]

NGUYỄN VĂN BẦY

CHỦ TRÌ

[Signature]

NGUYỄN VĂN BẦY

VỀ

[Signature]

BÙI KHẮC VIỆT

QUẢN LÝ & KIỂM
TRA

[Signature]

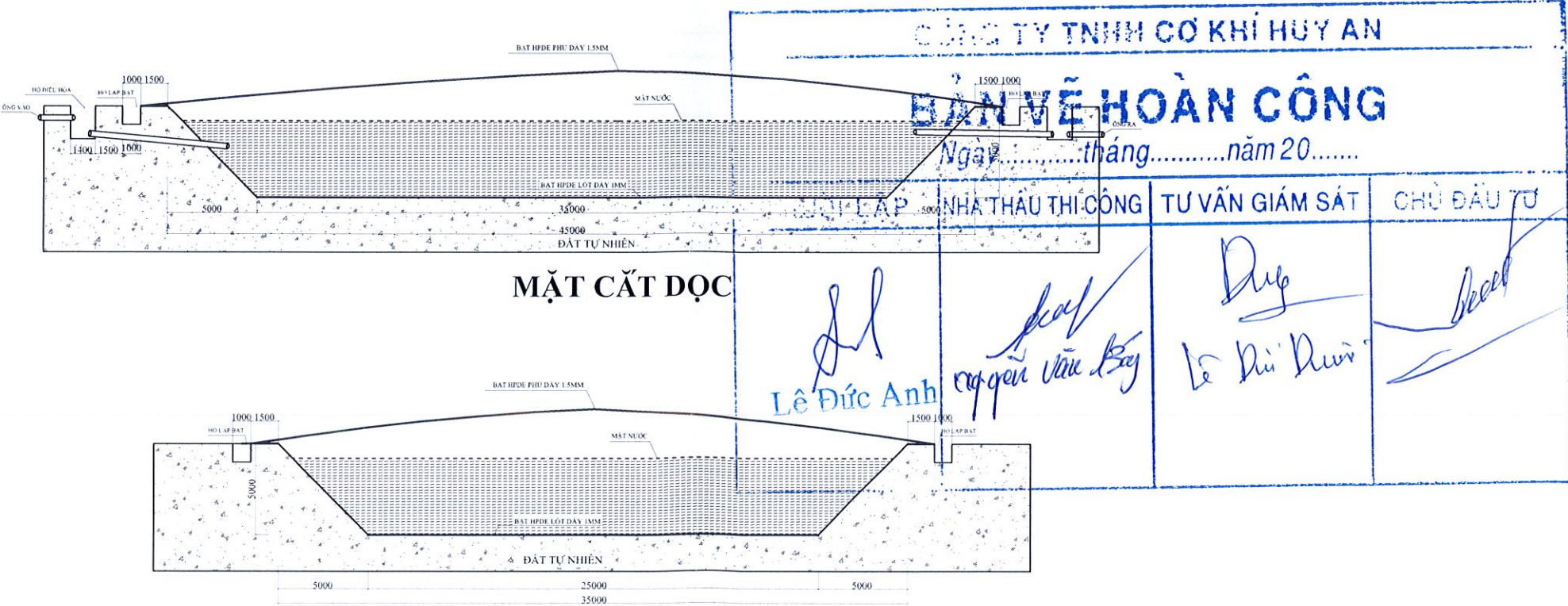
LÊ ĐỨC ANH

TÊN BẢN VẼ
AO BIOGAS SỐ 2
KT(35x45x5)m

HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HOÀN THÀNH T10/2024

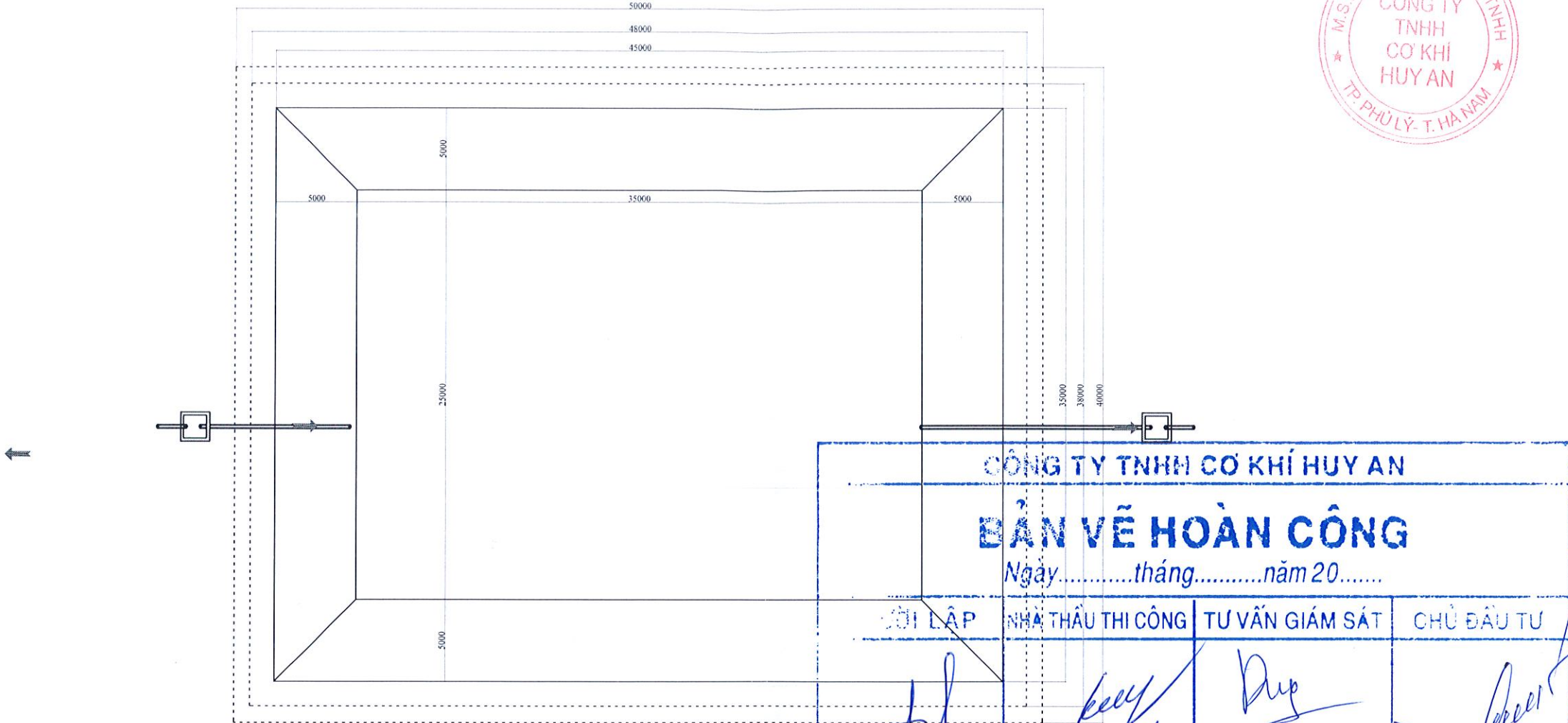
KÝ HIỆU :



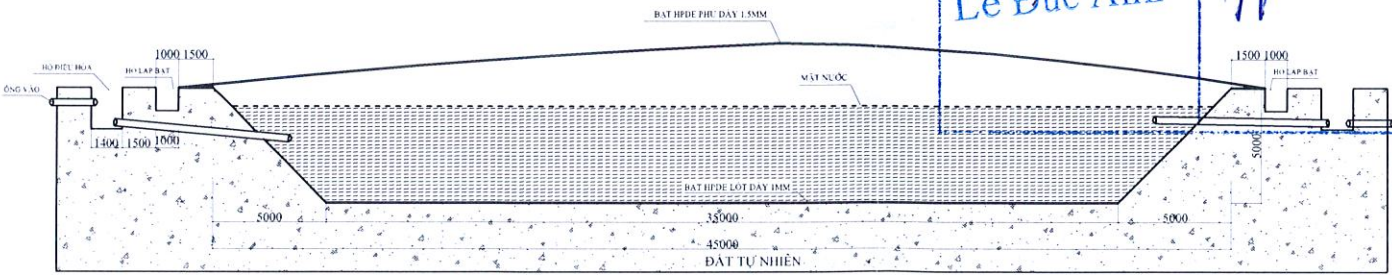
MẶT CẮT DỌC

MẶT CẮT NGANG

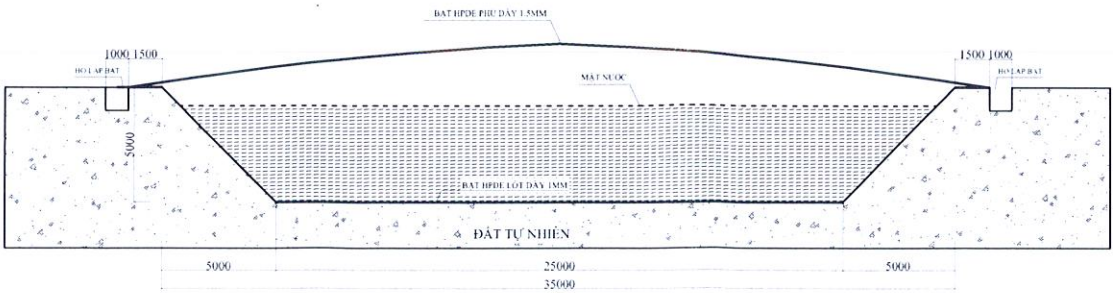
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
AO BIOGAS SỐ 1 KT(35x45x5)m



CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ HUY AN			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày.....tháng.....năm 20.....			
CHỈ LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Lê Đức Anh	Nguyễn Văn Bảy	Dương Lê Đức Anh	



MẶT CẮT DỌC



MẶT CẮT NGANG

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ HUY AN	
XÃ TIỀN TÂN-TP. PHÚ LÝ- TỈNH HÀ NAM	
CÔNG TRÌNH CƠ SỞ SẢN XUẤT LỢN GIỐNG VIỆT THẢI TẠI XÃ THẠCH LƯU, HUYỆN THẠCH HẢ, TỈNH HÀ TĨNH	
HẠNG MỤC	
GIÁM ĐỐC	
NGUYỄN VĂN BẢY	
CHỦ TRÌ	
NGUYỄN VĂN BẢY	
VỀ	
BÙI KHẮC VIỆT	
QUẢN LÝ & KIỂM TRA	
LÊ ĐỨC ANH	
TÊN BẢN VẼ	
AO BIOGAS SỐ 1 KT(35x45x5)m	
HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
HOÀN THÀNH	T10/2024
KÝ HIỆU :	

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ: Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất; Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ: Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước; Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4607/TTr-STNMT ngày 07/11/2023; Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất ngày 19/10/2023 của Ông Lê Quang Hùng chủ Cơ sở chăn nuôi lợn giống Việt Thái, kèm theo Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất Cơ sở chăn nuôi lợn giống Việt Thái tại xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh; trên cơ sở biểu quyết thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh (thực hiện trên hệ thống điện tử TD và văn bản giấy).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ông Lê Quang Hùng (Căn cước công dân số: 042079017506 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/02/2022; địa chỉ: phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An) được khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Cơ sở chăn nuôi lợn giống Việt Thái tại xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Phục vụ cấp nước sinh hoạt và chăn nuôi lợn.

2. Vị trí công trình khai thác: Thôn Trung Nam, xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

- Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước lỗ hồng Holocen thượng (qh₂).

3. Tổng số giếng khai thác: 02 (hai) giếng khoan.

4. Tổng lưu lượng khai thác tối đa: 116 m³/ngày đêm.

5. Chế độ khai thác: 04 giờ/ngày đêm, không liên tục, 365 ngày/năm.

6. Thời hạn giấy phép: 05 (năm) năm.

7. Vị trí, toạ độ, lưu lượng và các thông số của các giếng khoan.

Số hiệu giếng	Tọa độ		Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mức nước động lớn nhất (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X(m)	Y(m)	Từ	Đến				
GK.1	2025865	0535543	18	38	58	4,2	14,2	qh ₂
GK.2	2025926	0535589	18	38	58	4,2	14,2	qh ₂

(Có sơ đồ khu vực, vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

Điều 2. Các yêu cầu đối với Ông Lê Quang Hùng:

1. Tuân thủ đúng quy định tại Điều 1 Giấy phép này, trường hợp thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được Cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản; thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về Tài nguyên và Môi trường.

2. Bảo đảm vận hành công trình an toàn, bảo vệ nguồn nước khai thác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những ảnh hưởng bất lợi của công trình đến xã hội và môi trường; thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định; trường hợp gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu tới nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác hoặc xảy ra sự cố công trình thì phải dừng ngay việc khai thác và báo cáo kịp thời đến các cơ quan chức năng để có biện pháp xử lý.

3. Thực hiện việc quan trắc giám sát lưu lượng khai thác (thông qua đồng hồ/thiết bị đo lưu lượng khai thác), mực nước trong giếng khai thác, chất lượng nước theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và bảo vệ nguồn nước trong quá trình khai thác theo nội dung Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất.

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định và các yêu cầu khác về bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

5. Lưu trữ, cung cấp thông tin, dữ liệu giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước của công trình để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo) về tình hình khai thác, sử dụng nước, các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác và các kết quả quan trắc theo quy định tại Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Ông Lê Quang Hùng còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước dưới đất với các nội dung như Điều 1 của Giấy phép thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Ông Lê Quang Hùng được hưởng các quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Thạch Hà; Chủ tịch UBND xã Lưu Vĩnh Sơn; Ông Lê Quang Hùng (Chủ cơ sở) và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục QL Tài nguyên nước - BTNMT (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó CVP phụ trách lĩnh vực;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL. *bmr*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh